



**BỘ TƯ PHÁP**



**Konrad  
Adenauer  
Stiftung**

*Mỗi tác giả tự chịu trách nhiệm về bài viết của mình trong tập tài liệu này. Do đó, nội dung được thể hiện trong tập tài liệu không nhất thiết phản ánh quan điểm của KAS.*

*Für die Inhalte der jeweiligen Dokumente sind allein die Autoren zuständig und verantwortlich. Die Inhalte entsprechen nicht zwangsläufig der Meinung der KAS.*

*Each author is responsible for his/her publication in this document. Therefore the content presented does not necessarily reflect the opinion of KAS.*

**HỘI NGHỊ ĐIỀU PHỐI LẦN THỨ TƯ  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC BA NĂM  
TRONG LĨNH VỰC PHÁP LUẬT VÀ TƯ PHÁP  
GIỮA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ ĐỨC**

**KOORDINATIONSVERANSTALTUNG ZUR UMSETZUNG  
DES DREIJAHRSPROGRAMMES  
AUF DEM GEBIET DES RECHTS UND DER JUSTIZ  
ZWISCHEN VIETNAM UND DEUTSCHLAND**

**THE FOURTH MEETING  
MONITORING THE IMPLEMENTATION OF THE THREE YEAR  
COOPERATION PROGRAM  
IN THE LEGAL AND JUDICIAL FIELDS BETWEEN THE  
GOVERNMENT OF VIET NAM AND GOVERNMENT OF GERMANY**

**Hà Nội, 20.5.2011**

**DANH MỤC TÀI LIỆU**  
**LIST OF DOCUMENTS**

1. Chương trình Tọa đàm (Việt – Anh)  
*Coordination Meeting Agenda (Vietnamese – English)*
2. Phát biểu khai mạc của Ông Rolf Schulze – Đại sứ CHLB Đức tại Việt Nam (Việt)  
*Rede des Botschafters zum 4. Koordinierungstreffen in Hanoi (Vietnamesisch)*  
*Opening Remarks by HE. Mr. Rolf Schulze, Ambassador of the Federal Republic of Germany in Viet Nam (Vietnamese)*
3. Phát biểu khai mạc của Bà Đặng Hoàng Oanh – Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tư pháp (Việt – Anh)  
*Opening Remarks by Mrs. Dang Hoang Oanh - Deputy Director General of International Cooperation Department, Viet Nam Ministry of Justice (Vietnamese – English)*
4. Giới thiệu của Viện Konrad-Adenauer (KAS) (Việt – Anh)  
*Introduction of Konrad-Adenauer- Stiftung (Vietnamese – English)*
5. Tham luận của Ông Trần Văn Thư – Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Tòa án nhân dân tối cao (Việt)  
*Contribution of Mr. Tran Van Thu, Deputy Director General of the International Cooperation Department, Supreme People's Court (Vietnamese)*
6. Các hoạt động của Viện Friedrich-Ebert trong khuôn khổ thỏa thuận hợp tác Đức-Việt trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp, 2009-2011 (Việt – Đức)  
*Aktivitäten der Friedrich-Ebert-Stiftung im Rahmen der Vereinbarung der Deutsch-Vietnamesischen Zusammenarbeit auf dem Gebiet des Rechts und der Justiz, 2009-2011 (Vietnamesisch - Deutsch)*  
*Cooperation Activities between the Friedrich-Ebert Foundation and Vietnamese Agencies in the framework of Vietnamese – German Cooperation Programme, 2009 – 2011 (Vietnamese – German)*
7. Tham luận của Ông Lê Tiến – Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (Việt)  
*Contribution of Mr. Le Tien, Director General of the the International Cooperation Department, Supreme People's Procuracy of Viet Nam (Vietnamese)*
8. Tham luận của Bà Đào Thị Hằng – Điều phối viên Trung tâm pháp luật Đức, Trường Đại học Luật Hà Nội (Việt)

*Contribution of Mrs. Dao Thi Hang, Coordinator of Center for Vietnamese - German Law, Hanoi Law University (Vietnamese)*

9. Tham luận của Bà Angela Schmeink – Trợ lý Dự án Quỹ Hợp tác quốc tế Đức về pháp luật IRZ (Việt – Đức)  
*Report of Mrs. Angela Schmeink, Project Assistant, German Foundation for International Legal Cooperation (IRZ) (Vietnamese – German)*
10. Báo cáo của Học viện Tư pháp (Việt)  
*Report of the Judicial Academy (Vietnamese)*
11. Báo cáo kết quả Hội nghị điều phối lần thứ nhất thực hiện Chương trình hợp tác ba năm trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa Việt Nam và Đức 21/9/2009 (Việt)  
*Report of the First Meeting on Monitoring the Implementation of the Three Year Cooperation Program in the Legal and Judicial Fields between Viet Nam and Germany 21/9/2009 (Vietnamese)*
12. Báo cáo kết quả Hội nghị điều phối lần thứ hai thực hiện Chương trình hợp tác ba năm trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa Việt Nam và Đức ngày 26/3/2010 (Việt)  
*Report of the Second Meeting on Monitoring the Implementation of the Three Year Cooperation Program in the Legal and Judicial Fields between Viet Nam and Germany (Vietnamese)*
13. Các hoạt động trong khuôn khổ đối thoại nhà nước pháp quyền Đức-Việt 2008 – 2011 (Bảng tổng hợp của Bà Silke Bellmann, Đại sứ quán Đức tại Việt Nam) (Việt)  
*Aktivitaeten Rechstaatsdialog 2008-2011 von Frau Silke Bellmann  
List of Cooperation Activities in the framework of rule of law dialogue between Viet Nam and Germany 2008 – 2011 (Matrix prepared by Ms. Silke Bellmann, German Embassy in Viet Nam) (Vietnamese)*
14. Tuyên bố chung, Biên bản chung và Chương trình hợp tác 3 năm (2009-2011) (Việt)  
*Gemeinsame Erklarung, Gemeisames Protokol, Arbeitsplan zum Dreijahresprogram (2009 - 2011) zur Durchfuehrung der Gemeinsame Erklarung  
Common Declaration, Common MOU and Three Year Cooperation Programme (2009 – 2011) (Vietnamese)*
15. Kế hoạch hoạt động năm 2011 với Bộ Tư pháp Liên bang, CHLB Đức (đã được phê duyệt) (Việt – Anh)  
*Approved Working Plan on cooperation between Vietnamese agencies and German Federal Ministry of Justice 2011 (Vietnamese – English)*
16. Nghị định 93/2009/NĐ- CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (Việt)  
*Decree number 93/2009/NĐ- CP dated 22 October 2009 of the Government issuing Rules on management and utilisation of foreign non- governmental organisations (Vietnamese)*
17. Quyết định 76/2010/QĐ- TTg ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam (Việt)

*Decision Number 76/2010/QĐ- TTg dated 30 November 2010 of the Prime Minister of the Government on the organisation, management of international workshop and conference in Viet Nam (Vietnamese)*

18. Nghị định 178/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về quản lý hợp tác với nước ngoài về pháp luật (Việt - Anh)  
*Decree Number 178/2008/ND-CP dated 17 July 2008 of the Government on the Management of Cooperation with Foreign Countries in the Legal Area (Vietnamese - English)*

## CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ COORDINATION MEETING AGENDA

HỘI NGHỊ ĐIỀU PHỐI LẦN THỨ TƯ  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC BA NĂM  
TRONG LĨNH VỰC PHÁP LUẬT VÀ TƯ PHÁP  
GIỮA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ ĐỨC

THE FOURTH MEETING  
MONITORING THE IMPLEMENTATION OF THE THREE YEAR COOPERATION PROGRAM  
IN THE LEGAL AND JUDICIAL FIELDS BETWEEN THE GOVERNMENT OF VIET NAM AND  
GOVERNMENT OF GERMANY

<b>Thời gian:</b> <i>Time:</i>	8h00 – 12h30 ngày 20 tháng 5 năm 2011 8.00 am – 12.30 pm 20 May 2011
<b>Địa điểm:</b> <i>Location:</i>	Khách sạn Mövenpick Hà Nội, 83A Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội Mövenpick Hotel, 83A Ly Thuong Kiet Street, Hoan Kiem District, Ha Noi
<b>Đơn vị tổ chức:</b> <i>Organisation:</i>	Bộ Tư pháp Việt Nam / Văn phòng viện Konrad Adenauer Việt Nam Ministry of Justice of Viet Nam/ Konrad-Adenauer-Stiftung Viet Nam
<b>Chủ tọa:</b> <i>Chairwoman:</i>	Bà <b>Đặng Hoàng Oanh</b> Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tư pháp Việt Nam Mrs. <b>Dang Hoang Oanh</b> Deputy Director General of International Cooperation Department, Viet Nam Ministry of Justice
<b>Đồng chủ tọa:</b> <i>Co-chair:</i>	Ông <b>Amos R. Helms</b> Trưởng đại diện, Viện KAS tại Hà Nội, Việt Nam Mr. <b>Amos R. Helms</b> Chief Representative, KAS in Ha Noi, Viet Nam

08.00 – 08.30:	<b>Đăng ký đại biểu</b> <i>Registration</i>
08.30 – 09.00:	<p><b>PHÁT BIỂU CHÀO MỪNG:</b> <i>OPENING REMARKS BY</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Ông Rolf Schulze</b> - Đại sứ CHLB Đức Tại Việt Nam <i>Mr. Rolf Schulze, Ambassador, Embassy of the Federal Republic of Germany to Viet Nam.</i></li> <li>•</li> <li>• <b>Bà Đặng Hoàng Oanh</b> Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tư pháp <i>Mrs. Dang Hoang Oanh</i> <i>Deputy Director General of International Cooperation Department, Vietnam Ministry of Justice</i></li> <li>• <b>Ông Amos R. Helms</b> Trưởng đại diện, Viện KAS tại Hà Nội, Việt Nam <i>Mr. Amos R. Helms</i> <i>Chief Representative, KAS in Ha Noi, Viet Nam</i></li> </ul>
09.00 – 09.30:	<p><b>ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HỢP TÁC NĂM 2010 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2011:</b> <i>EVALUATION OF COOPERATION IN 2010 AND THE FIRST SIX MONTH 2011:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>Bà Đặng Hoàng Oanh</b> Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tư pháp <i>Mrs. Dang Hoang Oanh</i> <i>Deputy Director General, International Cooperation Department, Ministry of Justice in Viet Nam</i></li> <li>2. <b>Ông Amos R. Helms</b> Trưởng đại diện, Viện KAS tại Hà Nội, Việt Nam <i>Mr. Amos R. Helms</i> <i>Chief Representative, KAS in Ha Noi, Viet Nam</i></li> </ol>
09.30 – 10.00:	<p><b>THAM LUẬN CỦA CÁC CƠ QUAN THAM GIA THỰC HIỆN:</b> <i>PRESENTATIONS OF IMPLEMENTING AGENCIES:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>Ông Trần Văn Thư</b> Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Tòa án nhân dân tối cao <i>Mr. Tran Van Thu</i> <i>Deputy Director General of International Cooperation Department, The Supreme People's Court</i></li> <li>2. <b>Ông Jörg Bergstermann</b> Trưởng đại diện, Viện Friedrich-Ebert-Stiftung tại Hà Nội, Việt Nam <i>Mr. Jörg Bergstermann</i> <i>Chief Representative, Friedrich-Ebert-Stiftung in Hanoi, Viet Nam</i></li> </ol>

	<p>3. <b>Ông Lê Tiến</b>  Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Viện kiểm sát Nhân dân tối cao  <b>Mr. Le Tien</b>  <i>Director General of International Cooperation Department, The Supreme People's Procuracy of Viet Nam</i></p>
10.00 – 10.15:	<p><b>Giải lao</b>  <i>Tea Break</i></p>
10.15 – 10.45:	<p>4. <b>Bà Britta Gutschmidt</b>  Quản lý dự án cao cấp Văn phòng khu vực Tổ chức hợp tác quốc tế Đức GIZ tại Hà Nội  <b>Mrs. Britta Gutschmidt</b>  <i>Senior Project Manager</i>  <i>Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH</i></p> <p>5. <b>PGS. TS. Đào Thị Hằng</b>  Điều phối viên Trung tâm pháp luật Đức, Trường Đại học Luật Hà Nội  <b>Prof. Dr. Dao Thi Hang</b>  <i>Coordinator of Center for German law, Hanoi Law University</i></p>
10.45 – 12.15	<p><b>THẢO LUẬN MỞ VỀ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Kế hoạch hoạt động năm 2011,</b></li> <li>• <b>Kết quả hợp tác trong thời gian 6 tháng đầu năm 2011;</b></li> <li>• <b>Công tác điều phối, chuẩn bị hoạt động đánh giá Chương trình hợp tác 3 năm 2009-2011;</b></li> <li>• <b>Xây dựng Chương trình hợp tác 3 năm tiếp theo.</b></li> </ul> <p><b>OPEN DISCUSSION ON:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>2011 work planning,</i></li> <li>• <i>Results of the cooperation in the first half year of 2011,</i></li> <li>• <i>Coordination matter, preparation for the evaluation of three year cooperation Program,</i></li> <li>• <i>Preparation for development of next Three Year Cooperation Program.</i></li> </ul>
12.15 – 12.30:	<p><b>Tổng kết - Bế mạc hội nghị</b>  <i>Summary and Conclusion</i></p>
12.30 – 13.30:	<p><b>Ăn trưa tại khách sạn</b>  <i>Lunch at the hotel</i></p>



**PHÁT BIỂU KHAI MẠC CỦA ĐẠI SỨ CHLB ĐỨC TẠI VIỆT NAM –  
ÔNG ROLF SCHULZE**  
**OPENNING SPEECH OF AMBASSADOR OF GERMANY IN VIET NAM  
– H.E. MR. ROLF SCHULZE**

**Nhân dịp Hội nghị điều phối lần thứ 4 Chương trình hợp tác ba năm  
Trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp  
giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Đức  
tổ chức ngày 20.05.2011 tại Hà Nội**

Thưa Bà Đặng Hoàng Oanh,  
Thưa Ông Amos Helms,  
Các vị tham gia chương trình Đối thoại Đức-Việt về nhà nước pháp quyền thân mến,  
Các vị luật gia thân mến,  
Thưa quý Ông, quý Bà,

Tôi nhiệt liệt chào mừng quý vị và vui mừng được khai mạc cuộc họp điều phối ngày hôm nay trong chương trình Đối thoại Đức-Việt về nhà nước pháp quyền. Đối với tôi đây là một sự kiện rất đặc biệt, vì ngay từ đầu tôi đã nỗ lực thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Đức và Việt Nam trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp và đã tích cực hỗ trợ việc ký kết Chương trình hợp tác ba năm.

Trong hai năm rưỡi qua, từ năm 2009 đến nay, đã tổ chức được hơn 120 hội thảo, các cuộc trao đổi chuyên môn và các chuyến đi khảo sát cho các chuyên gia pháp luật Việt Nam sang Đức và tại Việt Nam. Đó là một kết quả to lớn mà chúng ta đáng tự hào ! Các chủ đề được đề cập đến trải rộng từ pháp luật dân sự, tố tụng dân sự, đến pháp luật hành chính, pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, pháp luật lao động và xã hội, pháp luật bảo vệ bản quyền đến hiến pháp, pháp luật về trách nhiệm của nhà nước và các quyền con người. Và đó chưa phải là tất cả những chủ đề đã được bàn luận ! Nhiều chuyên gia pháp luật của hai nước chúng ta đã có dịp tìm hiểu hệ thống pháp luật của nước bên kia, trao đổi ý kiến và tranh luận với nhau về những chủ đề chuyên môn.

Đại diện của các nhóm nghề nghiệp chính trong hệ thống tư pháp – thẩm phán, công tố viên và công chứng viên – đã gặp gỡ nhau và trao đổi với nhau về vị thế của họ trong hệ thống pháp luật của đất nước họ, về đạo đức nghề nghiệp đặc thù trong nhóm của họ và về những thẩm quyền và ủy quyền của họ.

Trong hai năm rưỡi qua hơn 60 cơ quan của Đức và Việt Nam đã tích cực tham gia các hoạt động trong khuôn khổ đối thoại nhà nước pháp quyền và đã thu được kết quả trong các cuộc trao đổi kinh nghiệm. Tất cả các cơ quan đó có mặt hôm nay trong cuộc họp điều phối lần thứ tư này đều nhận được trong tập tài liệu của mình một danh sách các hoạt động thể hiện một cách đầy ấn tượng quan hệ hợp tác song phương phong phú trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp.

Với sự hỗ trợ tích cực của Viện FES, tháng 5.2010 Trung tâm Pháp luật Đức đã được thành lập tại Trường Đại học Luật Hà Nội, nơi tổ chức các giờ giảng và hội thảo cho sinh viên luật. Viện hợp tác quốc tế về pháp luật Đức – tên viết tắt quen thuộc tại Việt Nam là IRZ – thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo tại Hà Nội với sự tham gia của các luật gia cao cấp của Đức, ví dụ như Phó chánh án Tòa án hành chính liên bang, Chủ tịch Đoàn luật sư liên bang hoặc Phó chủ tịch Hiệp hội thẩm phán Đức đã từng đến Hà Nội.

Viện KAS đã tổ chức nhiều hội thảo về pháp luật hành chính và bảo vệ người tiêu dùng không chỉ tại thủ đô, mà còn ở các tỉnh thành khác tại Việt Nam. Cùng với Bộ Tư pháp Việt Nam, Viện KAS là cơ quan điều phối trung tâm trong đối thoại Đức-Việt về nhà nước pháp quyền tại Việt Nam. Từ nhiều năm nay Tổ chức hợp tác quốc tế Đức GIZ hỗ trợ tại Hà Nội Vụ xây dựng pháp luật của Văn phòng chính phủ trong công tác soạn thảo các dự án luật.

Đối với Đức, chương trình đối thoại Đức-Việt về nhà nước pháp quyền được thực hiện dựa trên thỏa thuận chính phủ giữa hai Bộ Tư pháp tháng 4.2009 là một chương trình được chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức rất coi trọng. Trên thế giới Đức chỉ thực hiện với hai nước một chương trình hợp tác quy mô như vậy trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp. Một trong hai nước đó là Việt Nam. Điều đó có những nguyên nhân lịch sử. Nhiều chuyên gia pháp luật Việt nam đã từng học đại học luật tại trường đại học Đức và bảo vệ luận án tiến sĩ tại Đức. Phần lớn trong số đó đã theo học tại Cộng hòa dân chủ Đức trước kia. Mỗi quan hệ cá nhân giữa các luật gia của hai nước vẫn rất chặt chẽ.

Nhiều luật gia Việt Nam nói thành thạo tiếng Đức, trong đó có Ngài Thứ trưởng Hoàng Thế Liên và Bà Thứ trưởng Nguyễn Thúy Hiền từ Bộ Tư pháp.

Như các vị đã biết, cuối năm nay chương trình hợp tác ba năm sẽ kết thúc và đã có dự kiến gia hạn chương trình, cũng như ký một thỏa thuận chính phủ mới giữa Bộ Tư pháp của hai nước chúng ta. Nhân dịp đó có thể một vị quốc vụ khanh Bộ Tư pháp liên bang sẽ sang Hà Nội vào cuối năm nay. Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức muốn tiếp tục hợp tác với Việt Nam và qua đó góp phần quan trọng vào quá trình cải cách hệ thống pháp luật ở Việt Nam và hỗ trợ Việt Nam thực thi các công ước và các quy tắc quốc tế. Tháng 7.2010 Bộ trưởng Bộ Tư pháp Liên bang Brigitte Zypries và Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hà Hùng Cường đã thỏa thuận tại Berlin sẽ tiếp tục hợp tác.

Để có thể đánh giá quan hệ hợp tác cho đến nay giữa hai nước trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp, để tiếp tục phát huy những kết quả tốt đẹp và thay đổi những kết quả chưa được tốt, Bộ Tư pháp hai nước đã nhất trí sẽ họp đánh giá vào mùa Thu năm nay. Các ý kiến nhận xét của các cơ quan đối tác sẽ giúp đỡ rất nhiều cho cuộc họp đánh giá đó.

Tôi chúc tất cả các vị một cuộc thảo luận sôi nổi và một cuộc trao đổi ý kiến hiệu quả trong buổi gặp gỡ ngày hôm nay. Cuối cùng nhân dịp này tôi chân thành cảm ơn Bộ Tư pháp Việt Nam và Viện KAS đã tổ chức cuộc họp ngày hôm nay.

Bây giờ tôi xin nhường lời cho bà Oanh, Phó vụ trưởng Vụ hợp tác quốc tế Bộ Tư pháp Việt Nam.

## **PHÁT BIỂU KHAI MẠC CỦA BÀ ĐẶNG HOÀNG OANH** **OPENNING SPEECH OF MS. DANG HOANG OANH**

**Bà Đặng Hoàng Oanh**  
**Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tư pháp**

- *Thưa Ông Rolf Schulze, Đại sứ CHLB Đức tại Việt Nam,*
- *Thưa Ông Amos R. Helms, Trưởng đại diện Viện Konrad-Adenauer tại Hà Nội, Việt Nam,*
- *Thưa các vị chuyên gia Đức và các đồng nghiệp Việt Nam,*

Trước hết, thay mặt Bộ Tư pháp Việt Nam, tôi xin chào mừng tất cả các quý vị đã đến tham dự Hội nghị. Tôi xin bày tỏ niềm vui và đánh giá cao sự hiện diện đầy đủ của các vị đại diện cho các cơ quan, tổ chức của Việt Nam và Đức đã tham gia thực hiện Chương trình hợp tác ba năm giữa hai Chính phủ trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp.

Như quý vị đã biết, ngày 29 tháng 2 năm 2008, Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức đã ký Tuyên bố chung về hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp. Đây là một sự kiện quan trọng, đánh dấu một bước phát triển mới trong quan hệ hợp tác giữa hai nước, nâng quan hệ hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp lên một tầm cao mới, tầm hợp tác chính thức cấp Chính phủ.

Tuyên bố chung về hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa hai Chính phủ Việt Nam và Chính phủ CHLB Đức là một thỏa thuận hợp tác khung bao quát toàn diện các lĩnh vực hợp tác về xây dựng, hoàn thiện pháp luật và thực thi pháp luật trên mọi lĩnh vực dân sự, hình sự, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp; tăng cường năng lực các thiết chế pháp luật; đào tạo pháp luật; thông tin pháp luật...

Nhằm triển khai thực hiện Tuyên bố chung nêu trên, ngày ngày 16 tháng 4 năm 2009, Bộ Tư pháp Việt Nam và Bộ Tư pháp CHLB Đức, với tư cách là cơ quan điều phối toàn bộ Chương trình hợp tác này đã ký Chương trình hợp tác ba năm đầu tiên từ 2009 đến 2011. Hai bên cũng đã chỉ định hai cơ quan đầu mối giúp việc cho Bộ Tư pháp hai nước là Vụ Hợp tác quốc tế Bộ Tư pháp Việt Nam và Viện Konrad-Adenauer CHLB Đức tại Việt Nam.

Chương trình hợp tác ba năm (2009-2011) bao gồm 11 lĩnh vực lớn, với 44 chủ đề hợp tác phù hợp với Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Việt Nam. Chương trình có sự tham gia của 25 cơ quan, tổ chức của Việt Nam và 25 đối tác Đức khác nhau. Các hình thức hợp tác trong Chương trình hết sức phong phú và linh hoạt, từ các hình thức truyền thống như trao đổi kinh nghiệm thông qua các cuộc hội thảo, tọa đàm, các đoàn đi nghiên cứu, khảo sát, trao đổi tài liệu, ấn phẩm tới các hình thức hiện đại như hỗ trợ, đẩy mạnh hoạt động thông tin, phổ biến giáo dục pháp luật của mỗi nước thông qua báo chí và trang thông tin điện tử Việt - Đức. Bên cạnh đó, Chương trình cũng khuyến khích các đối tác bổ sung các hình thức hợp tác mới phù hợp với từng lĩnh vực trong khuôn khổ Chương trình hợp tác chung.

Theo quy định tại Bản Ghi nhớ về Chương trình đã được ký kết giữa Bộ Tư pháp hai nước, Hội nghị điều phối được tổ chức 6 tháng một lần nhằm đánh giá việc thực hiện Chương trình hợp tác 3 năm và đề ra các giải pháp thúc đẩy việc thực hiện Chương trình một cách thực chất, có hiệu quả. Tiếp theo Tọa đàm khởi động ngày 17/4/2009, vào tháng 9/2009, tháng 3/2010 và tháng 12/2010, Vụ HTQT- Bộ Tư pháp Việt Nam và Viện Konrad-Adenauer Stiftung (KAS), với tư cách là các cơ quan đầu mối thực hiện Chương trình đã phối hợp tổ chức *Hội nghị điều phối Chương trình ba năm thực hiện Tuyên bố chung Việt - Đức về hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp* lần thứ nhất, lần thứ hai và lần thứ ba. Tọa đàm và các Hội nghị nêu trên là dịp để các đối tác Việt Nam và Đức cập nhật về việc thực hiện Chương trình, trao đổi những vướng mắc, khó khăn và đề xuất các biện pháp tháo gỡ, đồng thời đề xuất kế hoạch hợp tác cụ thể trong giai đoạn tiếp theo.

Và hôm nay, ngày 20 tháng 5 năm 2011, chúng ta lại có mặt tại đây để cùng tham dự Hội nghị điều phối lần thứ Tư thực hiện Chương trình này. Hội nghị lần này nhằm mục đích (1) Rà soát, cập nhật việc thực thi Chương trình trong thời gian qua, đặc biệt là các hoạt động đã tiến hành trong 6 tháng đầu năm 2011; (2) Chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình thực thi Chương trình và thảo luận, đề xuất những biện pháp nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm thực thi Chương trình hiệu quả hơn; (3) Thảo luận và thống nhất phương thức triển khai Kế hoạch hợp tác năm 2011; (4) Thống nhất Kế hoạch Đánh giá Chương trình Hợp tác 3 năm 2009 - 2011 và thảo luận việc xây dựng Chương trình hợp tác 3 năm tiếp theo nhằm triển khai Tuyên bố chung về hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Đức ký ngày 29 tháng 02 năm 2008.

Với tinh thần đó, tôi đề nghị các quý vị tích cực đóng góp thảo luận về các nội dung nêu trên để Tọa đàm thực sự trở thành một diễn đàn cởi mở, thiết thực và hiệu quả.

*Chúc các quý vị dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.*

*Chúc Hội nghị của chúng ta thành công tốt đẹp.*

*Xin cảm ơn.*

## **PHÁT BIỂU KHAI MẠC CỦA BÀ ĐẶNG HOÀNG OANH** **OPENING SPEECH OF MS. DANG HOANG OANH**

**Ms. Dang Hoang Oanh**  
**Deputy Director General**  
**Department on International Cooperation, Ministry of Justice**

- *Your Excellency, Mr. Rolf Schulze, Ambassador of the Federal Republic of Germany in Viet Nam,*
- *Your Excellency, Mr. Amos R. Helms, Chief Representative of Konrad-Adenauer Institute in Hanoi, Viet Nam,*
- *My fellow German experts and Viet Nameese colleagues,*

First of all, on behalf of the Ministry of Justice of Viet Nam, I would like to welcome all of you to participate in the Conference. I would like to express my excitement and highly appreciate the full attendance of representatives from Viet Nam's and German who take part in implementation the three-year cooperation program between the two Governments in legal and judicial fields.

As you know, on 29 February 2008, the Government of Viet Nam and Federal Republic of Germany concluded a Joint Statement on cooperation in legal and judicial fields. This is a milestone, marking an important development step of the relations between two countries, and improving the two countries' relation in legal and judicial fields to a new height –the Government official cooperation

The Joint Statement on cooperation in legal and judicial fields between the Government of Viet Nam and Government of Federal Republic of Germany is a framework cooperation agreement covering all cooperation fields in legal development, improvement and implementation in civil, criminal, judicial administration, judicial

support; improvement of capacity of legal institutions; legal education; legal information, etc.

In order to implement the above Joint Statement, on 16 April 2009, the Viet Nam's Ministry of Justice and German Ministry of Justice, as the coordinating body of the whole Cooperation Program, concluded the first three-year cooperation program from 2009 – 2011. The two parties also appointed the focal points for the two Ministries are the Department of International Cooperation of Viet Nam's Ministry of Justice and Konrad-Adenauer Institute of the Federal Republic of Germany in Viet Nam.

The three-year cooperation program (2009-2011) covers 11 big fields with 44 topics which are in line with the Strategy on development and improvement of Viet Nam's legal system to 2010, vision to 2020 and the Judicial Reform Strategy to 2020 of Viet Nam. There are 25 agencies, organizations of Viet Nam and 25 German partners take part in the Program. The cooperation forms of the Program are rich and flexible, from traditional forms such as exchange of experience via workshops, seminars, study tour, exchange of materials and publications to the modern forms of support and strengthening of legal education and dissemination, legal information of each country via the press and the Viet Nam – Germany website. In addition, the Program also encourages partners to supplement suitable cooperation forms in each field within the Common Cooperation Program.

According to regulations prescribed in the Memorandum on the Program which is concluded between the two countries' Ministry of Justice, the Coordinating Conference is held every six months in order to evaluate the implementation of the Three-year Cooperation Program and propose solution for a substantive and effective Program implementation. Following the launching Seminar on 17/4/2009, on 9/2009, 3/2010 and 12/2010, the Department of International Cooperation, Viet Nam's Ministry of Justice, and Konrad-Adenauer Stiftung Institute (KAS), as the focal points of the Program implementation, jointly organized the first, second and third *Coordination Conference on the Three-year Program of implementation of Viet Nam – German Joint Statement in legal and judicial fields*. The mentioned seminar and conferences are an opportunity for Viet Nam's and German partners to update the Program implementation, exchange difficulties and challenges, and propose measures as well as specific cooperation plan in the coming stage.



And today, on 20 May 2011, we gather here to participate in the fourth Coordinating Conference on implementation of the Program. This conference aims to (1) Review and update the Program implementation during the recent years, especially implementation progress of the first six months of 2011; (2) Share experience during the Program implementation process and discuss, propose measures to overcome difficulties and challenges for more effective Program implementation; (3) Discuss and agree the implementation mode of the 2011 Cooperation Plan; (4) Agree the Evaluation Plan of the three-year Cooperation Program of period 2009 – 2011 and discuss the development of the next three-year Cooperation Program in order to implement the Joint Statement on cooperation in legal and judicial fields between the Government of Viet Nam and Federal Republic of Germany on 29 February 2008.

Under this spirit, I would like to ask you actively discuss on the above contents in order to ensure an open, practical and effective Conference.

*Wish all of you health, happiness and success.*

*Wish our Meeting a success.*

*Thank you.*



# GIỚI THIỆU CỦA VIỆN KONRAD-ADENAUER (KAS) Introduction of Konrad-Adenauer- Stiftung

## 1. HOẠT ĐỘNG CỦA CHÚNG TÔI TẠI VIỆT NAM

Viện Konrad Adenauer (KAS) là một Viện chính trị có quan hệ gần gũi với Liên minh



Dân chủ Cơ đốc giáo. Các văn phòng đại diện ở nước ngoài của Viện đang triển khai hơn 200 dự án tại hơn 120 nước khác nhau. Viện được lấy tên của Thủ tướng đầu tiên của Cộng Hoà Liên Bang Đức - Konrad Adenauer. Những nguyên tắc của ông trở thành những nguyên tắc chỉ đạo, trách nhiệm và nghĩa vụ của Viện chúng tôi. Những chương trình

giáo dục công dân, ở tại Đức cũng như ở nước ngoài, đều nhằm mục đích thúc đẩy tự do, hoà bình và công bằng. Viện chúng tôi chú trọng các hoạt động trên lĩnh vực củng cố dân chủ, sự thống nhất của châu Âu, nâng cao các quan hệ liên Đại Tây Dương, cũng như các hoạt động trên lĩnh vực hợp tác phát triển.

Chính sách cải cách, đổi mới được Nhà nước Việt Nam khởi xướng từ 1986 đã tạo điều kiện cho KAS thành lập văn phòng đại diện tại Hà Nội vào năm 1992 để tiến hành các



hoạt động dự án ở Việt Nam. Các hoạt động đa dạng của Viện tại Việt Nam, từ những



chương trình và những hội thảo phối hợp hai bên đến việc tư vấn và hỗ trợ cụ thể cho những dự án cải cách sắp triển khai, đều nhằm mục đích thúc đẩy sự phát triển dân chủ, xây dựng thể chế nhà nước pháp quyền, cải cách bộ máy nhà nước và hỗ trợ cải cách kinh tế. Mỗi một dự án cải cách như vậy đều có mục tiêu nâng

cao năng lực cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Trong tương lai, sẽ mở rộng việc trao đổi

giáo dục và bí quyết công nghệ với các nhà khoa học trẻ và với những đại biểu quốc hội. Trong những năm tới, hoạt động của Viện sẽ tập trung vào việc thúc đẩy hơn nữa xã hội dân sự và dân chủ, bằng việc củng cố các định chế dân chủ thông qua sự hợp tác với những nhà lãnh đạo chính trị, phát triển các mô hình dân chủ và thử nghiệm các cơ chế nhằm trợ giúp các nhóm, các tổ chức và các NGO cũng như giúp các đối tượng này hội nhập vào các quá trình ra quyết định.

Hơn nữa, với sự hợp tác với Quốc hội và Chính phủ, khung pháp luật cho một sự đa nguyên xã hội cần được mở rộng và một hệ thống xã hội, sinh thái dựa trên một nền kinh tế thị trường xã hội cần được hỗ trợ. Việc phân cấp, phân quyền quyền lực nhà nước cũng như nâng cao tính hiệu quả và định hướng dân chủ của Chính phủ và nền hành chính sẽ được minh bạch hơn và có sự tham gia hơn nữa của xã hội công dân. Văn phòng quốc tế của KAS sẽ tập trung vào 5 lĩnh vực hoạt động then chốt trong những năm tới. Thông qua mối quan hệ hợp tác vốn có với những đối tác Việt Nam, Văn phòng đã có được một uy tín cao và sự am hiểu sâu sắc trên những lĩnh vực đó. Đây là những lĩnh vực có liên quan đến tất cả quá trình cải cách chính trị quan trọng ở Việt Nam.

Văn phòng KAS ở Việt Nam tập trung vào vào 5 lĩnh vực then chốt sau đây:

- 1) Các vấn đề về Hiến Pháp,
- 2) Đối thoại về Nhà nước pháp quyền;
- 3) Phân cấp, phân quyền;
- 4) Chuyên môn hóa Quốc Hội; và
- 5) Thúc đẩy nền kinh tế thị trường xã hội và hội nhập quốc tế

## **2. ĐỐI THOẠI VỀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN**

Những hoạt động dự án của KAS tập trung vào việc hỗ trợ các thể chế nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Sự am hiểu toàn diện về pháp luật Dân sự và Thương mại sẽ được đáp ứng. Quá trình chuẩn bị khoa học cho cơ quan tài phán Hiến pháp đã được khởi động và sẽ được tiếp tục. Hơn nữa, những khuyến nghị về một số hoạt động trên lĩnh vực pháp luật hình sự sẽ được hoàn thành dựa trên những chủ đề được chọn lọc. Sự phát triển đáng chú ý nhất trong lĩnh vực hợp tác phát triển, với văn bản ghi nhớ đã được ký vào năm 2008, sẽ được xác định thông qua đối thoại về Nhà nước pháp quyền giữa Đức và Việt Nam. KAS đã đóng một vai trò là một Bên điều phối chương trình hợp tác 3

năm trên lĩnh vực tư pháp và pháp luật. KAS phối hợp cùng Bộ Tư pháp (MoJ) tổ chức các cuộc hội thảo sáu tháng mỗi lần để thực hiện chương trình hợp tác tư pháp và pháp luật. Các cuộc hội thảo điều phối đã tạo cơ hội cho các đối tác - vốn giữ vai trò tham gia và đóng góp các giải pháp thực hiện chương trình 3 năm - xác định mục tiêu cho các hội thảo tiếp theo, đưa ra các ưu tiên cho thời gian tới, đồng thời tiếp tục nâng cao chất lượng các hoạt động điều phối thuộc khuôn khổ của chương trình hợp tác 3 năm.

Hiến pháp Việt Nam xác định rõ nguyên tắc nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nhà nước pháp quyền là điều kiện cần thiết cho các xã hội dân chủ và cho việc xây dựng bộ máy Nhà nước. Những nguyên tắc như vậy là tối quan trọng cho sự phát triển quyền tự do và tự quyết cá nhân, chúng đồng thời cũng đóng vai trò quan trọng đối với hoà bình xã hội. Các lĩnh vực hoạt động gồm: trao đổi kiến thức, hợp tác trên lĩnh vực xây dựng pháp luật, thỏa thuận hỗ trợ pháp lý song phương, hỗ trợ công tác chống tham nhũng, phát triển hệ thống tư pháp và các định chế liên quan, chẳng hạn như toà án Hiến pháp. KAS sẽ tiếp tục hỗ trợ quá trình phân cấp, phân quyền từng bước nền hành chính, nâng cao năng lực các cộng đồng địa phương và các cơ cấu dân chủ ở các cấp. Kiến thức liên quan đến trách nhiệm và thẩm quyền của địa phương sẽ được đào tạo, những vấn đề gặp phải trong quá trình thực hiện và những giải pháp được xác định nhằm kiến nghị Nhà nước hoàn thiện những quy định pháp luật để thực hiện có hiệu quả việc phân cấp, phân quyền sẽ được chuẩn bị.

Trong khuôn khổ các hoạt động năm 2011, đến nay đã có 3 hội thảo được KAS và các đối tác có liên quan tổ chức:

1. Hội thảo thứ nhất: từ ngày 10-14/01/2011. KAS phối hợp cùng Hội Luật gia Việt Nam tổ chức Hội thảo “Những vấn đề cơ bản của Luật Trách nhiệm Bồi thường của Nhà nước”. Về phía chuyên gia Đức, có sự tham gia của Giáo sư Grzeszik thuộc Đại học Heidelberg. Những khách mời cao cấp của Hội thảo đến từ Bộ Tư pháp, Quốc hội và Hội Luật gia Việt Nam đã đóng góp những tham luận phong phú và bổ ích vào việc tiếp tục hoàn thiện và thực hiện Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.
2. Hội thảo thứ hai: Hội thảo về “Những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản của Hiến pháp- Kinh nghiệm của CHLB Đức”, một vấn đề đang được quan tâm hiện

nay, đã được tổ chức từ ngày 16-21/01/2011 tại Hà Nội và Vũng Tàu. Hội thảo đã phân tích những nội dung trong Hiến pháp sửa đổi năm 1992, liên quan đến những nguyên tắc về chủ quyền nhân dân và cơ chế kiểm soát và cân bằng quyền lực. Hội thảo còn được Giáo sư Heintzen, đến từ Đại học FU Berlin, giới thiệu một tham luận sâu về khái niệm “Hiến pháp hiện đại”. Hội thảo này được KAS và Viện Nhà nước và Pháp Luật phối hợp tổ chức.

3. Hội thảo thứ 3: do KAS phối hợp với Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU) tổ chức từ ngày 21-22/02/2011, với chủ đề “Thực thi Quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới – WTO. Giáo sư Staudinger, từ Đại học Bielefeld cùng với các đại biểu từ Đại học quốc gia, Bộ Tư pháp Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam đã thảo luận việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ không chỉ ở châu Âu mà còn chủ yếu ở Việt Nam.

## 1. OUR ACTIVITIES IN VIETNAM

The Konrad-Adenauer-Foundation (KAF) is a political foundation, closely associated with the Christian Democratic Union of Germany (CDU), whose offices abroad are in charge of more than 200 projects in more than 120 countries. The Foundation is named after the first Chancellor of the Federal Republic of Germany – Konrad Adenauer. His principles are our guidelines, duty and obligation. At home as well as abroad, our civic education programs aim at promoting freedom and liberty, peace and justice. We focus on consolidating democracy, on the unification of Europe and the strengthening of transatlantic relations, as well as on development cooperation.

The “*Doi-Moi*” reform policy, initiated by the Vietnamese Government in 1986, enabled the KAF to establish a bureau in Hanoi in 1992 and to commence with its project work in Vietnam. The Foundation's work in Vietnam, which ranges from interactive programs and seminars through to concrete consulting and supporting upcoming reform projects, aims at promoting a democratic development, establishing the rule-of-law, reforming the state apparatus and supporting the economic reform. Each reform focuses particularly on elite promotion. In the future, the exchange of education and know-how with young international scientists and members of parliament will be expanded. In the years ahead, democracy and civil society should be increasingly



promoted by stabilizing democratic institutions in collaboration with the political leadership, advancing democratic models and testing mechanisms in order to support groups, associations and NGOs as well as to integrate them into the decision-making procedure.

Furthermore in collaboration with the parliament and the government, the legal framework for a social pluralism should be expanded and an ecological, social system based on social market economy should be supported. The decentralization of state's authority as well as increasing the efficiency

and democratic orientation of the Government and the administration should enable more transparency and civic participation. The international office of the KAF will concentrate on five key aspects of activity in the following years. Through its past cooperation with Vietnamese partners, the office already has a high reputation and knowledge in these areas. These key aspects of activity relate to all important political processes of reform in Vietnam.

The KAF Office in Vietnam concentrates on five key aspects: (1) Constitutional structures, (2) rule-of-law dialogue, (3) decentralization, (4) professionalizing the National Assembly and (5) promoting social market economy and international integration.

## **2. RULE-OF-LAW DIALOGUE**

The project work of KAF focuses on supporting rule-of-law structures in Vietnam. Extensive knowledge of Business and Civil Law will be mediated. The process of scientific preparation for implementing a constitutional jurisdiction has started and will be accompanied. Furthermore, recommendations for action on the area of criminal law will be formulated on selected questions. The most conspicuous development in the area of development cooperation will be realised through the rule-of-law dialogue between Germany and Vietnam, which was signed in 2008. The KAF has an integral part in the coordination of the three year program on judicial and legal cooperation. The KAF organizes together with the Vietnamese Ministry of Justice (MOJ) coordination seminars regarding the realisation of the German-Vietnamese three year program on judicial and legal cooperation on a six-monthly basis. The coordination seminar offers an opportunity to bring together all partners that contribute to the three year program and to discuss completed program measures, to define upcoming seminar goals, to set future priorities as well as to continuously ameliorate the coordination activities that fall within the scope of the three year program.

In the Constitution of Vietnam it is stated that a socialistic rule-of-law state should be aimed at. Rule-of-law structures are indispensable for democratic societies and for any functioning state building. The premises are paramount for free and self-determined personal development of man-kind and they are important for social peace. The areas of activity are knowledge exchange, cooperation in legislation, mutual legal assistance



agreement, supporting the fight against corruption, the development of the judicial system and relevant institutions like the constitutional court. The gradual decentralization of the administration, the strengthening of local communities and democratic structures at all levels will be continuously supported by the KAF. Knowledge with regard to municipal responsibilities and powers will be taught, implementation problems and solutions will be identified and claims on the government to improve the necessary legal provisions for effective decentralization will be prepared.

So far three rule-of-law dialogue seminars organized by the KAF and the respective partners' haven been realised in the year 2011:

1. Seminar: From the 10<sup>th</sup> until the 14<sup>th</sup> of January 2011 the KAF organized in cooperation with the Vietnamese Lawyers Association a seminar on “*Basic Issues of Law on State Compensation*” in Hanoi as well as in Phu Quoc. The attending German expert was Prof. Grzeszik from the University of Heidelberg. High-ranking guest from the MOJ, members of the National Assembly as well as members of the Vietnamese Lawyer Association contributed to a well structured and fruitful debate on the further development and implementation of the Vietnamese state compensation law.
2. Seminar: The seminar on the “*Theoretical and practical foundations of the Vietnamese constitution-Experiences from Germany*” held from on the 16<sup>th</sup> until the 21<sup>st</sup> of January 2011 in Hanoi and Vung Tau constituted a highly current topic. Not only was the in 2001 amended Vietnamese constitution analysed with regard to the principles of popular sovereignty and of checks-and-balances, but Prof. Heintzen from the FU Berlin gave further insight into the concept of a “modern constitution”. The seminar was organized by the KAF and the Institute for State and Law.
3. Seminar: From the 21<sup>st</sup> until the 22<sup>nd</sup> of February 2011 the KAF held together with the National University of Hanoi (VNU) a seminar on the “*Enforcement of intellectual property rights in Vietnam since its accession into WTO*” in Hanoi. Prof. Staudinger from the University of Bielefeld as well as members of the VNU, MOJ, Ministry of Science and Technology and the National Office for IP discussed the enforcement of IP Law not only in the EU but also foremost in Vietnam.

# **THAM LUẬN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

## **Contribution of the Supreme People's Court**

**Kết quả thực hiện Chương trình hợp tác 3 năm trong lĩnh vực pháp luật và  
Tur pháp giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Đức  
trong 6 tháng đầu năm 2011**

*Hoạt động 17 và 18 trong Kế hoạch hoạt động năm 2011*

**Ông Trần Văn Thư**  
**Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Tòa án nhân dân tối cao**

### **1. Bối cảnh chung**

Với mong muốn tiếp tục củng cố mối quan hệ hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp nhằm tăng cường hiểu biết về Nhà nước pháp quyền, nâng cao năng lực xây dựng và thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, cũng như tăng cường năng lực của các thiết chế pháp luật, Bộ Tư pháp Việt Nam và Bộ Tư pháp Đức cùng thực hiện Tuyên bố chung về hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa hai Chính phủ.

Chương trình ba năm (2009-2011) về hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp hỗ trợ cho Tòa án nhân dân tối cao một số hoạt động trong các lĩnh vực dân sự, hình sự và trao đổi về vị trí của ngành tư pháp; chức năng và nhiệm vụ của các Tòa dân sự, Tòa lao động, Tòa hình sự và Tòa hành chính.

Để thực hiện Kế hoạch năm 2011, Tòa án nhân dân tối cao đề xuất tổ chức các đoàn nghiên cứu, khảo sát về kinh nghiệm giải quyết các vụ án hành chính; giải quyết các vụ án dân sự (bắt giữ tàu biển, tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ) tại Đức và đã được phía Đức chấp thuận.

### **2. Mục đích tổ chức**

#### **2.1. Đoàn công tác nghiên cứu về giải quyết vụ án hành chính**

Luật tổ tụng hành chính được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua tháng 11-2010 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1-7-2011. Nhiệm vụ của ngành Tòa án nhân dân là áp dụng các quy định của luật này một cách đúng đắn để giải quyết các vụ án hành chính đạt hiệu quả cao. Để làm được điều này, ngành Tòa án nhân dân cần phải tiến hành nhiều biện pháp, cách thức khác nhau trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình. Một trong những cách thức đó là nâng cao năng lực cho các Thẩm phán trong quá trình áp dụng pháp luật cũng như soạn thảo các văn bản hướng dẫn thi hành luật này. Thực tiễn cho thấy, Luật tổ tụng hành chính ra đời đang đặt ra cho Tòa án nhân dân tối cao nhiều nội dung cần được hướng dẫn, áp dụng thống nhất pháp luật, ví dụ như vấn đề thẩm quyền, đối tượng khởi kiện, thủ tục khởi kiện v.v.

Để nâng cao năng lực cho Thẩm phán và cán bộ trong việc giải quyết các vụ án cũng như soạn thảo các văn bản hướng dẫn thi hành, Tòa án nhân dân tối cao đánh giá cao việc tham khảo kinh nghiệm của nước ngoài, đặc biệt là kinh nghiệm của Cộng hòa liên bang Đức.

## ***2.2. Đoàn công tác nghiên cứu, khảo sát về giải quyết các vụ án dân sự (bắt giữ tàu biển, tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ)***

Pháp lệnh bắt giữ tàu biển của Việt Nam mới được ban hành năm 2008 . Bắt giữ tàu biển là một lĩnh vực hết sức mới mẻ ở Việt Nam. Thực tiễn cho thấy nhiều vướng mắc và bất cập trong quá trình giải quyết các vụ án trong lĩnh vực này cần được tháo gỡ. Ví dụ, cách xác định chứng cứ hợp pháp cho việc bắt giữ tàu biển, thả tàu biển đang bị bắt giữ; trình tự, thủ tục tiến hành việc bắt giữ tàu biển; căn cứ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời v.v. là những vấn đề cần được hướng dẫn trong thời gian tới.

Tương tự như vậy, việc giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ cũng là loại việc còn khá mới mẻ và còn nhiều bất cập. Một số vướng mắc về thời hạn giải quyết các vụ tranh chấp; các biện pháp khẩn cấp tạm thời; việc xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây ra v.v. là những vấn đề cần được tháo gỡ trong thời gian tới.

Trong bối cảnh đó,, Tòa án nhân dân tối cao Việt Nam mong muốn nhận được sự chia sẻ kinh nghiệm từ phía Đức để từ đó có thể phân tích, vận dụng kinh nghiệm của

Đức vào thực tiễn giải quyết các vụ án dân sự nói chung và trong lĩnh vực bắt giữ tàu biển và quyền sở hữu trí tuệ nói riêng của Việt Nam.

### **3. Thành phần tham dự**

Thành phần tham dự là một số Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

### **4. Thời gian**

- Mỗi chuyến nghiên cứu, khảo sát dự kiến thực hiện trong 10 ngày.
- Dự kiến thời gian thực hiện chuyến nghiên cứu, khảo sát về giải quyết vụ án hành chính vào tháng 8-2011; giải quyết các vụ án dân sự (bắt giữ tàu biển, tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ) vào tháng 10-2011.

### **5. Địa điểm**

Dự kiến địa điểm đến thăm thành phố Berlin và một số tỉnh, thành phố lân cận của Đức.

### **6. Yêu cầu đối với chuyên gia quốc tế**

#### **6.1. Trong lĩnh vực hành chính**

- *Tiêu chí lựa chọn chuyên gia/người trình bày các chuyên đề:* Phải đáp ứng những yêu cầu dưới đây:
  - Có kinh nghiệm giải quyết tranh chấp hành chính;
  - Có kinh nghiệm trình bày các chuyên đề cho người nước ngoài.
  - Ưu tiên những người có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính hoặc Thẩm phán cao cấp.
- *Nội dung đóng góp của chuyên gia/người trình bày:*
  - Những vấn đề nổi cộm của tổ tụng hành chính Đức;
  - Kinh nghiệm giải quyết các vụ án hành chính;
  - Kỹ năng điều khiển phiên tòa hành chính;
  - Một số vấn đề quan trọng khác theo đề xuất của các đại biểu.

#### **6.2. Trong lĩnh vực bắt giữ tàu biển và sở hữu trí tuệ**

- *Tiêu chí lựa chọn chuyên gia/người trình bày các chuyên đề:* Phải đáp ứng những yêu cầu dưới đây:

- Có kinh nghiệm giải quyết tranh chấp sở hữu trí tuệ và bắt giữ tàu biển;
  - Có kinh nghiệm trình bày các chuyên đề cho người nước ngoài.
  - Ưu tiên những người có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bắt giữ tàu biển và sở hữu trí tuệ hoặc Thẩm phán cao cấp.
- *Nội dung đóng góp của chuyên gia/người trình bày:*
- Cách xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây ra để làm căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại ở Đức
  - Các biện pháp khẩn cấp tạm thời hữu hiệu đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ
  - Kinh nghiệm bắt giữ tàu biển của Đức.
7. **Kinh phí dự kiến:** Theo các quy định chung về hỗ trợ cho các đoàn nghiên cứu, khảo sát của Việt Nam tại Đức.

## CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN FRIEDRICH-EBERT TRONG KHUÔN KHỔ THỎA THUẬN HỢP TÁC ĐỨC-VIỆT TRONG LĨNH VỰC PHÁP LUẬT VÀ TƯ PHÁP, 2009-2011

### Cooperation Activities between FES and Vietnamese Agencies in the framework of Vietnamese – German Cooperation Program 2009 – 2011



Thời gian	Chủ đề	Dạng hoạt động	Địa điểm	Đối tác
<b>2009</b>				
23.-25.2. và 27.2.	Chuẩn bị soạn thảo một số nội dung trong Bộ luật Lao động	Hội thảo	Hà Nội	Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội
24.2 và 26.2.	Chuẩn bị soạn thảo một số nội dung trong Bộ luật Lao động	Toạ đàm	Hà Nội	Bộ LĐ-TB-XH
27.-28.6.	Lấy ý kiến nhằm hoàn thiện dự thảo Luật Người cao tuổi		Thanh Hoá	Bộ LĐ-TB-XH
11.08.	Xác định các tiêu chí cho mức thu nhập tối thiểu cho 4 khu vực kể từ năm 2010	Hội thảo	Hà Nội	Bộ LĐ-TB-XH
13.-14.8.	Soạn thảo Bộ luật Lao động và Luật Công đoàn – Kinh nghiệm của CHLB Đức	Hội thảo	Quảng Ninh	Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam
17.- 18.8.	Đại biểu dân cử với	Hội thảo	Tam Đảo,	Ủy ban các

<b>Thời gian</b>	<b>Chủ đề</b>	<b>Dạng hoạt động</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Đối tác</b>
	chính sách hoàn thiện hệ thống thể chế và quan hệ lao động		Vĩnh Phúc	vấn đề xã hội của Quốc hội
20.-21.8.	Soạn thảo Bộ luật Lao động và Luật Công đoàn – Kinh nghiệm của CHLB Đức	Hội thảo	Long An	Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam
22.-23.8.	Soạn thảo Bộ luật Lao động và Luật Công đoàn – Kinh nghiệm của CHLB Đức	Hội thảo	Cần Thơ	Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội
28.-29.8.	Lấy ý kiến cho dự thảo 2 của Bộ luật Lao động	Hội thảo	Hải Phòng	Bộ LĐ-TB-XH
31.8.-1.9.	Bộ luật Lao động (sửa đổi) và Luật Công đoàn (sửa đổi) – Kinh nghiệm của CHLB Đức	Hội thảo	Đại Lải	Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội
26.10.	Nhà nước pháp quyền Đức và hệ thống chính trị của CHLB Đức – Đối chiếu với các quốc gia châu Âu và Hoa Kỳ	Hội thảo	Hà Nội	Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện 2
28.10.	Nhà nước pháp quyền Đức và hệ thống chính trị của CHLB Đức – Đối chiếu với các quốc gia châu Âu và Hoa Kỳ	Hội thảo	Hà Nội	Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện 4
<b>2010</b>				
15.03.	Lấy ý kiến cho dự thảo Bộ luật Lao động (sửa đổi)	Hội thảo	Phan Thiết	Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội
25.03.	Lấy ý kiến cho dự thảo Bộ luật Lao động (sửa		Vĩnh Long	Ủy ban các vấn đề xã hội

<b>Thời gian</b>	<b>Chủ đề</b>	<b>Dạng hoạt động</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Đối tác</b>
	đôi)			của Quốc hội
01.04 – 02.04.	Lấy ý kiến cho dự thảo 3 của Bộ luật Lao động và dự thảo 5 của Luật Công đoàn – Kinh nghiệm của CHLB Đức	Hội thảo	Hải Phòng	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam – Ban Chính sách và Pháp luật
31.3.	Lấy ý kiến của chuyên gia Việt Nam và CHLB Đức về dự thảo 3 của Bộ luật Lao động	Hội thảo	Hà Nội	Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội
08.04 – 09.04.	Lấy ý kiến cho dự thảo Luật Người tàn tật		Bắc Ninh	
17.9. – 18.9.	Di cư lao động trong khu vực ASEAN và quốc tế	Hội thảo khu vực	Hà Nội	Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội
29. - 30.3.	Pháp luật lao động	Hội thảo chuyên đề	Hà Nội	Trường Đại học Luật Hà Nội
06.05.	Thành lập Trung tâm Pháp luật Đức tại trường Đại học Luật Hà Nội		Hà Nội	Trường Đại học Luật Hà Nội
05.10. – 06.10.	Luật Thương mại và Luật Hành chính	Toạ đàm với giảng viên	Hà Nội	Trường Đại học Luật Hà Nội
07.– 08.10.	Luật Tổ tụng hành chính của CHLB Đức - Luật Tổ tụng hành chính của Việt Nam	Hội thảo	Hà Nội	Trường Đại học Luật Hà Nội
20.–21.09.	Chức năng giám sát của Quốc hội trong nhà nước pháp quyền	Hội nghị quốc tế	Hà Nội	Viện Nghiên cứu lập pháp, Quốc hội
<b>2011</b>				
	<i>Các hoạt động trong khuôn khổ Hội thảo khoa</i>		Hà Nội	Đại học Luật Hà Nội



Thời gian	Chủ đề	Dạng hoạt động	Địa điểm	Đối tác
04.04. và tháng 10	<i>học Đức-Việt tại trường Đại học Luật Hà Nội:</i> I) Pháp luật Môi trường, Luật Rửa tiền, Giám sát Ngân hàng và Đấu tranh chống tham nhũng	Bài giảng cho học viên		
06.- 07.04.	II) Các chế định pháp luật đảm bảo sự phát triển bền vững – Kinh nghiệm của CHLB Đức	Hội thảo chuyên đề		
08.04. và tháng 10	III) Pháp luật Môi trường, Luật Rửa tiền, Giám sát Ngân hàng và Đấu tranh chống tham nhũng	Toạ đàm chuyên đề với giảng viên		
20. – 26.02.	Cải cách tư pháp và nhà nước pháp quyền – Các đề cương, kinh nghiệm và thách thức của CHLB Đức	Chuyên nghiên cứu khảo sát	Berlin	Bộ Tư pháp, Trường Đại học Luật Hà Nội
13. – 15.04.	Tài phán hành chính, vai trò của Hiến pháp trong nhà nước pháp quyền		Hà Nội, Cát Bà	Trường Đại học Luật Hà Nội, Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Nghiên cứu lập pháp, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam
09.-13.05. và tháng 9	Sửa đổi, bổ sung Luật Lao động và Luật Công đoàn	Hội thảo tham vấn, tiếp thu ý kiến	Hà Nội, Cát Bà	Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội, Tổng Liên

<b>Thời gian</b>	<b>Chủ đề</b>	<b>Dạng hoạt động</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Đối tác</b>
				đoàn Lao động Việt Nam, Bộ LĐ-TB-XH
Tháng 9	Khía cạnh Giới trong pháp luật lao động			Mạng lưới công tác Giới giữa các đối tác của Viện FES
<i>Còn trống</i>	Buổi gặp gỡ hàng năm với các tư vấn viên pháp luật và các trọng tài lao động	Hội thảo, tọa đàm chuyên đề		Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
<i>Còn trống</i>	Tăng cường công tác tư vấn pháp luật của công đoàn	Hội thảo, tập huấn		Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
<i>Còn trống</i>	Điều tra nhu cầu về sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992, xác định quy mô và các nội dung cần sửa đổi, bổ sung			Viện Nghiên cứu lập pháp
<i>Còn trống</i>	Xác định các tiêu chí và phương pháp đánh giá thực hiện Hiến pháp năm 1992	Hội thảo		Viện Nghiên cứu lập pháp

Aktivitäten der Friedrich-Ebert-Stiftung im Rahmen  
der Vereinbarung der Deutsch-Vietnamesischen  
Zusammenarbeit auf dem Gebiet  
des Rechts und der Justiz, 2009-2011



<b>Zeitraum</b>	<b>Thema</b>	<b>Art der Veranstaltung</b>	<b>Ort</b>	<b>Partner</b>
<b>2009</b>				
23.-25.2. und 27.2.	Vorbereitung der Überarbeitung einiger Inhalte im Arbeitsgesetzbuch	Workshop	Hanoi	Sozialausschuss der NV
24.2 und 26.2.	Vorbereitung der Überarbeitung einiger Inhalte im Arbeitsgesetzbuch	Teilnehmerkreis	Hanoi	MOLISA
27.-28.6.	Meinungsgewinnung zur Vervollkommnung des Seniorsgesetzentwurfes		Thanhhoa	MOLISA
11.08.	Festlegung von Kriterien für Mindestlohnshöhe für vier Regionen ab 2010	Seminar	Hanoi	MOLISA
13.-14.8.	Überarbeitung des Arbeitsgesetzbuches und Gewerkschaftsgesetzes – Deutsche Erfahrung	Seminar	Quangninh	ABW
17.- 18.8.	Volkvertreter mit der Politik zur Vervollkommnung des Institutionen-Sytems der Arbeitsbeziehung	Seminar	Tamdao, Vinhphuc	Sozialausschuss der NV
20.-21.8.	Überarbeitung des Arbeitsgesetzbuches und Gewerkschaftsgesetzes – Deutsche Erfahrung	Seminar	Longan	ABW
22.-23.8.	Überarbeitung des	Workshop	Cantho	Sozialausschuss

<b>Zeitraum</b>	<b>Thema</b>	<b>Art der Veranstaltung</b>	<b>Ort</b>	<b>Partner</b>
	Arbeitsgesetzbuches und Gewerkschaftsgesetzes – Deutsche Erfahrung			der NV
28.-29.8.	Meinungsgewinnung zum 2. Entwurf des Arbeitsgesetzbuches	Workshop	Haiphong	MOLISA
31.8.–1.9.	Das veränderte Arbeitsgesetzbuch und das veränderte Gewerkschaftsgesetz – Deutsche und internationale Erfahrung	Workshop	Dailai	Sozialausschuss der NV
26.10.	Der deutsche Rechtsstaat und das politische System in Deutschland – Vergleich mit anderen europäischen Ländern und den USA	Workshop	Hanoi	NPAA, Regionalakademie 2
28.10.	Der deutsche Rechtsstaat und das politische System in Deutschland – Vergleich mit anderen europäischen Ländern und den USA	Workshop	Hanoi	NPAA, Regionalakademie 4
<b>2010</b>				
15.03.	Meinungsgewinnung zum Entwurf des veränderten Arbeitsgesetzbuches	Workshop	Phanthiet	Sozialausschuss der NV
25.03.	Meinungsgewinnung zum Entwurf des veränderten Arbeitsgesetzbuches		Vinh Long	Sozialausschuss der NV
01.04 – 02.04.	Meinungsgewinnung zum 3. Entwurf des	Workshop	Haiphong	ABW - Abteilung

<b>Zeitraum</b>	<b>Thema</b>	<b>Art der Veranstaltung</b>	<b>Ort</b>	<b>Partner</b>
	Arbeitsgesetzbuches und 5. Entwurf des Gewerkschaftsgesetzes – Deutsche Erfahrung			Politik und Recht
31.3.	Meinungsgewinnung von vietnamesischen und deutschen Experten zum 3. Entwurf des Arbeitsgesetzbuches	Workshop	Hanoi	Sozialausschuss der NV
08.04 – 09.04.	Meinungsgewinnung zum Entwurf des Gesetzes für Behinderte		Bacninh	
17.9. – 18.9.	Labour Migration in ASEAN and beyond	Regionaler Workshop	Hanoi	Sozialausschuss der NV
29.-30.3.	Arbeitsrecht	Fachkolloquium	Hanoi	Rechtshochschule Hanoi
06.05.	Gründung eines Zentrums für deutsches Recht an der Rechtshochschule Hanoi		Hanoi	Rechtshochschule Hanoi
05.10. – 06.10.	Handelsrecht und Verwaltungsrecht	Dozenten-gespräche	Hanoi	Rechtshochschule Hanoi
07.–08.10.	Deutsches Verwaltungsverfahrenrecht – vietnamesisches Verwaltungsverfahrenrecht	Workshop	Hanoi	Rechtshochschule Hanoi
20.–21.09.	Legislative Oversight in the Rule of Law	Internationale Konferenz	Hanoi	Institute for Legislative Studies (ILS) der NV
<b>2011</b>				
	<i>Veranstaltungen im Rahmen der Deutsch-</i>		Hanoi	Rechtshochschule Hanoi

<b>Zeitraum</b>	<b>Thema</b>	<b>Art der Veranstaltung</b>	<b>Ort</b>	<b>Partner</b>
04.04. und Oktober	<i>Vietnamesischen Rechtstage an der Rechtshochschule Hanoi:</i>	Lehrveranstaltungen für Studierende		
06.-07.04.	I) Umweltrecht, Geldwäschegesetz, Bankenaufsicht, Korruptionsbekämpfung	Fachkolloquium		
08.04. und Oktober	II) Rechtliche Regelungen zur Sicherung von nachhaltiger Entwicklung – deutsche Erfahrungen	Fachgespräche für Dozenten		
Oktober	III) Umweltrecht, Geldwäschegesetz, Bankenaufsicht, Korruptionsbekämpfung	Fachkolloquium		
	IV) Geldwäschegesetz, Bankenaufsicht, Korruptionsbekämpfung			
20. – 26.02.	Justizreform und Rechtsstaat - dte. Konzepte, Erfahrungen und Herausforderungen	Delegationsbesuch	Berlin	Justizministerium, Rechtshochschule Hanoi
13. – 15.04.	Verwaltungsgerichtsbarkeit, Rolle von Verfassungen im Rechtsstaat		Hanoi, Can Tho	Rechtshochschule Hanoi, NPAA, Institut für legislative Studien, VUFO
09.-13.05. und September	Reform des Arbeitsgesetzes und des Gewerkschaftsgesetzes	Konsultationen Anhörungen, Seminare	Hanoi, Cat Ba	Sozialausschuss, ABW, MOLISA

<b>Zeitraum</b>	<b>Thema</b>	<b>Art der Veranstaltung</b>	<b>Ort</b>	<b>Partner</b>
September	Veranstaltung zu Genderaspekten im Arbeitsgesetz			FES Gender-netzwerk
<i>Noch offen</i>	Jahrestreffen mit Rechtsberatern und Arbeitsrichtern	Workshop, Fachgespräch		ABW
<i>Noch offen</i>	Stärkung der Rechtsberatungsarbeit der Gewerkschaften	Workshops, Trainings		ABW
<i>Noch offen</i>	Ermittlung des Bedarfs nach Novellierung der Verfassung von 1992, Festlegung von Umfang der Novellierung und der zu ändernden Inhalte	Seminar		Institut für legislative Studien
<i>Noch offen</i>	Festlegung von Kriterien und Methoden zur Evaluierung der Umsetzung der Verfassung von 1992	Seminar		Institut für legislative Studien

# **THAM LUẬN CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO** **Contribution of the Supreme People's** **Procuracy**

**Kết quả thực hiện Chương trình hợp tác 3 năm trong lĩnh vực pháp luật và  
Tur pháp giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Đức  
trong 6 tháng đầu năm 2011**

**Ông Lê Tiến**  
**Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao**

Trong khuôn khổ Chương trình 3 năm về hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Đức (Chương trình), Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) tham gia trong 7 lĩnh vực, đó là:

1. Thực thi pháp luật hình sự quốc tế (Khoản 3 Mục I Chương trình).
2. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và địa vị pháp lý của công tố viên cụ thể: Trao đổi về vị trí của Viện Công tố trong bộ máy Nhà nước (Khoản 1 Mục III Chương trình).
3. Bảo đảm các quyền của người tham gia tố tụng hình sự (Khoản 1 Mục VII Chương trình).
4. Một số vấn đề thời sự trong pháp luật hình sự và tố tụng hình sự (Khoản 3 Mục VII Chương trình).
5. Tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự (Khoản 4 Mục VII Chương trình).
6. Phòng chống tội phạm có tổ chức (Khoản 1 Mục VIII Chương trình).
7. Xây dựng pháp luật tố tụng hình sự và các thủ tục tố tụng tại Tòa án: loại hình phiên tòa thẩm vấn hoặc tranh tụng (Khoản 2 Mục VIII Chương trình).

## **I. Kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2011**



Trên cơ sở những lĩnh vực mà VKSNDTC tham gia như đã nêu ở trên, trong 6 tháng đầu năm 2011, VKSNDTC đã tiến hành được một số hoạt động sau:

1.1. Tổ chức 01 đoàn cán bộ cấp Vụ gồm 08 người đi nghiên cứu thực tế về kỹ năng lập cáo trạng và thực hành quyền công tố tại phiên tòa hình sự tại Berlin và Dresden từ ngày 20 – 27/02/2011.

1.2. Tổ chức 01 đoàn đại biểu liên ngành gồm 14 người, đại diện của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Liên đoàn Luật sư Việt Nam đi dự Hội thảo về chủ đề “*Pháp luật tương trợ tư pháp hình sự của Việt Nam và Đức*” từ ngày 21 – 27/3/2011.

## **II. Dự kiến hoạt động 6 tháng cuối năm 2011**

2.1. Phối hợp với quỹ Hợp tác và Phát triển của Đức tổ chức đón 01 đoàn chuyên gia pháp luật của Đức sang tham gia Hội thảo về mô hình tố tụng hình sự. Thành phần tham dự gồm các kiểm sát viên, thẩm phán, luật sư và các học giả. Dự kiến thời gian trong các ngày 9 – 10/6/2011.

2.2. Tổ chức Đoàn đại biểu cấp Vụ của VKSNDTC đi thảo luận và nghiên cứu về mô hình tố tụng hình sự của Đức. Dự kiến thời gian tháng 9/2011 (*hoạt động tiếp nối của 2.1*).

2.3. Tổ chức Đoàn đại biểu cấp Vụ của VKSNDTC đi nghiên cứu thực tế tại một Cơ quan công tố địa phương của Đức. Dự kiến thời gian vào quý 3/ 2011.

2.4. Đón Đoàn đại biểu Bộ tư pháp Đức sang thăm, làm việc tại Việt Nam. Tổ chức tọa đàm về công tác đào tạo Công tố viên của Đức và thảo luận về Chương trình hợp tác cho 3 năm tiếp theo. Dự kiến thời gian Quý 4/2011.

## **III. Đánh giá chung**

Qua việc triển khai thực hiện Chương trình, VKSNDTC thấy rằng đây là một Chương trình hợp tác có hiệu quả. Hoạt động hợp tác của VKSNDTC được thực hiện trên cơ sở 07 lĩnh vực hợp tác quy định trong Chương trình, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát nhân dân và các yêu cầu cải cách tư pháp đặt ra đối với Ngành. Chương trình đã tạo điều kiện cho cán bộ, kiểm sát viên Việt Nam tiếp cận với hệ thống pháp luật phát triển của Đức, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng và thực thi

pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và tương trợ tư pháp về hình sự; kỹ năng thực hành quyền công tố; kinh nghiệm trong việc đào tạo, bồi dưỡng kiểm sát viên.

Để tăng cường hiệu quả hợp tác, VKSNDTC đã quan tâm đến đến các hoạt động có tính liên ngành như việc tổ chức Hội thảo về pháp luật tương trợ tư pháp hình sự tại Đức (3/2011) hoặc hội thảo về mô hình tố tụng hình sự (6/2011). Trong quá trình thực hiện Chương trình, VKSNDTC đã nhận được sự quan tâm, phối hợp chặt chẽ của Bộ Tư pháp Việt Nam và các đối tác của Đức. Các chuyên gia Đức tham gia Chương trình trình độ chuyên môn cao và trách nhiệm trong công việc.

Định hướng hợp tác trong thời gian tới, VKSNDTC tiếp tục chú trọng các hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Ngành, ưu tiên các hoạt động liên quan đến tăng cường năng lực xây dựng và thực thi pháp luật; kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp; đào tạo bồi dưỡng cán bộ, kiểm sát viên; đồng thời cũng tăng cường các hoạt động hợp tác có tính chất phối hợp liên ngành.

# **THAM LUẬN CỦA TRUNG TÂM PHÁP LUẬT VIỆT – ĐỨC** **Contribution of the Vietnamese – German Law Center**

**Báo cáo tình hình hoạt động của Trung tâm Pháp luật Đức tại Trường Đại học Luật Hà Nội 6 tháng đầu năm 2011 và kế hoạch hoạt động trong thời gian tới**

**Bà Đào Thị Hằng**  
**Điều phối viên Trung tâm pháp luật Đức, Trường Đại học Luật Hà Nội**

## **1. Tình hình thực hiện các hoạt động trong 6 tháng đầu năm 2011**

Trong 6 tháng đầu năm 2011, Trung tâm Pháp luật Đức đã triển khai các hoạt động như sau:

1. Tổ chức hội thảo với chủ đề: “Chính sách, pháp luật đảm bảo phát triển bền vững ở VN và CHLB Đức” trong thời gian 2 ngày (ngày 5 và 6/4/2011). Đối tượng tham gia là các giảng viên Trường ĐH Luật HN, đại biểu từ các cơ sở đào tạo luật khác như Khoa Luật- Đại học quốc gia Hà Nội, Học viện Hành chính- Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trường ĐH Luật Tp. Hồ Chí Minh, Đà Lạt, Cần Thơ...cùng với các chuyên gia pháp luật của Đức đến từ Trường ĐH Bremen, ĐH Kinh tế- Kỹ thuật Berlin, Toà án Hành chính Frankfurt. Nội dung hội thảo là những vấn đề liên quan đến quan niệm về phát triển bền vững; phân tích chính sách, pháp luật trong 3 lĩnh vực là phát triển kinh tế, an sinh xã hội và bảo vệ môi trường trong điều kiện phát triển bền vững ở Việt Nam và CHLB Đức. Hội thảo đã được những người tham dự cả 2 phía đánh giá rất thành công.

2. Tổ chức việc giảng dạy của chuyên gia Đức cho lớp cao học luật về luật Môi trường. GS. TS. Roland Fritz, Chánh án Toà án Hành chính thành phố Frankfurt đã có 2 buổi giảng cho lớp cao học của nhà trường

3. Tổ chức toạ đàm chuyên môn về pháp luật môi trường.

Cùng với việc giảng dạy cho lớp cao học, GS. TS. Fritz đã tham dự buổi tọa đàm chuyên môn với giảng viên tổ bộ môn Luật Môi trường và Khoa Pháp luật kinh tế. Chủ đề là những nội dung cơ bản của pháp luật môi trường Việt Nam và CHLB Đức trong thời gian 1 ngày (7 tháng 4 năm 2011). Các giảng viên đã có cơ hội trao đổi về chuyên môn hẹp với chuyên gia Đức.

4. Tổ chức Hội nghị của Ban Điều hành Trung tâm Pháp luật Đức (tháng 4 năm 2011) với sự tham dự của đại diện Trường Đại học Luật Hà Nội (PGS. TS. Hoàng thế Liên), đại diện Viện FES, DAAD, Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Berlin. Hội nghị đã đánh giá việc thực hiện các hoạt động của Trung tâm trong năm vừa qua và xác định kế hoạch hoạt động cho thời gian tiếp theo.

5. Xét học bổng nghiên cứu do Viện FES cấp cho giảng viên Trường Đại học Luật Hà Nội có đóng góp cho hoạt động của Trung tâm Pháp luật Đức. Trong tháng 4, Hội đồng xét học bổng đã tổ chức phỏng vấn 3 ứng viên xin học bổng nghiên cứu, trong đó có 2 ứng viên nghiên cứu ngắn hạn và 1 ứng viên học cao học ở Đức (bằng tiếng Anh). Một giảng viên đã được Viện FES trả lời chấp nhận cấp học bổng trong năm nay (cho thời gian nghiên cứu từ tháng 10/2011- 1/2012).

#### 6. Tuyển dụng một chuyên gia pháp luật dài hạn

Với sự hỗ trợ của Viện FES, vào tháng 2/2011, một Đoàn cán bộ của Bộ Tư pháp và Trường Đại học Luật Hà Nội do Thứ trưởng, Hiệu trưởng Trường ĐH Luật Hà Nội Hoàng Thế Liên dẫn đầu đã sang Đức làm việc với Bộ Tư pháp Liên bang Đức và một số đối tác của Trung tâm Pháp luật Đức. Đồng thời cũng tại chuyên thăm này, Thứ trưởng- Hiệu trưởng PGS. TS. Hoàng Thế Liên đã tham dự Hội đồng xét tuyển chuyên gia luật do DAAD tổ chức tại Bonn. Kết quả, Hội đồng đã chọn được một chuyên gia luật dài hạn cho Trung tâm với sự hỗ trợ của DAAD trong việc trả lương. Dự kiến chuyên gia này sẽ bắt đầu làm việc thường xuyên tại Trung tâm PL Đức từ tháng 9 năm nay.

7. Tổ chức buổi nói chuyện chuyên đề của nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp liên bang GS. Daeubler- Gmelin vào ngày 15/4/2011 với chủ đề: Tổ chức toà án ở Đức và

các bảo đảm cho sự độc lập của Toà án và Thẩm phán. Đối tượng tham dự là giảng viên và sinh viên nhà trường. Buổi nói chuyện đã gây hứng thú đặc biệt cho giảng viên và sinh viên khi diễn giả đã cung cấp nhiều thông tin thực tiễn liên quan đến những đảm bảo cho sự độc lập của Thẩm phán và Toà án ở Đức, đồng thời tạo sự trao đổi thẳng thắn, cởi mở với người nghe.

#### 8. Duy trì việc giảng dạy lớp học tiếng Đức.

Một lớp học tiếng Đức với hiện tại 15 sinh viên cho đến nay đã sắp kết thúc năm học với 150 tiết. Theo đánh giá của giáo viên, sinh viên ham học và có kết quả tốt.

9. Tổ chức cho 2 sinh viên có trình độ tiếng Anh tốt tham dự khoá học 3 tuần về pháp luật Đức và luật quốc tế tại Trường ĐHTH Giessen (bzw. Frankfurt), một đối tác của Trung tâm, với sự hỗ trợ học bổng của Viện FES.

Tóm lại, cho đến nay có thể nói Trung tâm PL Đức đã hoàn thành tốt mọi kế hoạch do Ban điều hành đề ra. Chương trình giảng dạy cho các lớp cao học do chuyên gia Đức thực hiện, các buổi hội thảo, tọa đàm chuyên môn...đều xuất phát và phục vụ nhu cầu thiết thực của nhà trường. Đạt được kết quả nêu trên một mặt do có sự hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi của Bộ Tư pháp và các cơ quan hữu quan, mặt khác là sự giúp đỡ nhiều mặt, nhiệt tình, tâm huyết của các tổ chức như FES, DAAD và chuyên gia từ các Trường đối tác.

### **2. Dự kiến một số hoạt động trong thời gian tới**

- Hội thảo với chủ đề về pháp luật chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố (tháng 10 năm 2011)

- Phối hợp với Trung tâm Luật So sánh ra một số đặc san về những nội dung chủ yếu của pháp luật Đức (các ngành luật) (dự kiến hoàn thành trước Tuần PL Đức vào tháng 10/2011)

- Tổ chức tuyển sinh mới 1 lớp sinh viên học tiếng Đức trong khoảng thời gian tháng 9 năm 2011.

- Triển khai một số hoạt động xây dựng cuốn từ điển pháp luật Đức- Việt (với sự hỗ trợ của NXB Beck)
- Phối hợp với GS. Trường ĐHTH Passau tổ chức hội thảo về pháp luật hình sự (với sự hỗ trợ của Bộ Tư pháp liên bang , tháng 1/2012)
- Hội thảo về pháp luật dân sự (tập trung vào vấn đề sở hữu) (tháng 4/2012)
- Hội thảo về luật Hiến pháp (tháng 10/2012) (trong tiến trình cải cách, sửa đổi Hiến pháp).

## **THAM LUẬN CỦA QUỸ HTQT ĐỨC VỀ PHÁP LUẬT (IRZ)** **Contribution of the German Foundation for International Legal Cooperation (IRZ)**

DEUTSCHE STIFTUNG FÜR  
INTERNATIONALE RECHTLICHE  
ZUSAMMENARBEIT E.V.



Với sự nhất trí của Bộ Tư pháp Liên bang, kể từ tháng 3 năm 2010 Quỹ Hợp tác quốc tế Đức về pháp luật (Quỹ IRZ) đã triển khai nhiều hoạt động khác nhau trên cơ sở của Chương trình hoạt động ba năm. Bên cạnh đó, Quỹ IRZ cũng đã tiến hành một số hoạt động khác với nhiều cơ quan tư pháp khác nhau ở Việt Nam.

Năm 2011 Quỹ IRZ tiếp tục triển khai hoạt động hợp tác với các đối tác Việt Nam đặc biệt trong hoạt động lập pháp trên lĩnh vực luật Dân sự, luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hình sự và luật Hành chính. Ngoài ra, một số hoạt động trong lĩnh vực luật Kinh tế, hỗ trợ tư pháp và nhà nước pháp quyền cũng được thực hiện.

Chẳng hạn, một trọng tâm hoạt động mang tính dài hạn là sự hợp tác với Bộ tư pháp Việt Nam trong lĩnh vực sửa đổi, bổ sung Bộ luật dân sự, trong đó đã tổ chức được

một buổi toạ đàm tại Đức về lĩnh vực này vào tháng 3 vừa qua và tiếp đó sẽ là một cuộc hội thảo tại Việt Nam trong thời gian tới. Trong tháng 1, Quỹ IRZ đã phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức một hội thảo về pháp luật hành chính (“ Tổ tụng hành chính”) tại Hà Nội.

Một hoạt động quan trọng tiếp theo là việc hợp tác với Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong tiến trình cải cách pháp luật tổ tụng hình sự. Nhằm mục đích đó, hai bên dự kiến sẽ tổ chức một cuộc hội thảo vào tháng 6 tại Hà Nội và vào tháng 9 sẽ tổ chức một chuyến khảo sát tại Đức.

Hợp tác với Học viện tư pháp thể hiện qua việc tổ chức một hội thảo chuyên đề vào tháng 3 tại Hà Nội với chủ đề “ Đánh giá và sử dụng chứng cứ trong vụ án dân sự từ góc độ Thẩm phán và Luật sư”. Nhằm phục vụ việc cải cách hoạt động đào tạo tư pháp, một chuyến thăm và làm việc tại Đức của Học viện tư pháp đã được lên kế hoạch (kết hợp với việc tìm hiểu về pháp luật công chứng). Một Đoàn khác của Học viện tư pháp sẽ sang Đức vào tháng 9 để tìm hiểu về Luật sở hữu trí tuệ.

Ngoài ra, Quỹ cũng có kế hoạch tổ chức một số hội thảo khác tại Việt Nam, như hội thảo về thi hành án (với Học viện tư pháp), về trợ giúp pháp lý (hỗ trợ án phí), về pháp luật trọng tài, về pháp luật xử lý vi phạm hành chính (với Bộ Tư pháp). Một hội thảo với những vấn đề trọng tâm về bảo đảm quyền con người cũng đã được Quỹ IRZ tổ chức vào tháng 3 tại Hà Nội trong sự phối hợp với Viện Nhân quyền thuộc Học viện Chính trị- Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Quỹ đang có hướng triển khai 2 hoạt động với Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Hoạt động tiếp theo với các đối tác hợp tác mới (Toà án nhân dân tối cao) đang nằm trong tiêu điểm của Quỹ.

**Bericht der IRZ-Stiftung zur Vorlage beim**  
**“Fourth Meeting on monitoring the implementation of the three year cooperation**  
**program in the legal and judicial fields between Viet Nam and Germany”**  
**am 20. Mai 2011 in Hanoi**

In Abstimmung mit dem Bundesjustizministerium führt die Deutsche Stiftung für Internationale Rechtliche Zusammenarbeit seit März 2010 verschiedene Maßnahmen aus dem Arbeitsplan zum Drei-Jahres-Programm durch. Daneben richtet die IRZ-Stiftung auch eigene Maßnahmen mit verschiedenen Justizinstitutionen in Vietnam aus. Die IRZ-Stiftung setzt 2011 die Zusammenarbeit mit den vietnamesischen Partnern insbesondere bei Gesetzgebungsvorhaben auf dem Gebiet des Zivilrechts, des Zivilprozessrechts, des Strafprozessrechts und des Verwaltungsrechts fort. Außerdem werden Projekte zum Wirtschaftsrecht, zur Rechtspflege und zum Rechtsstaat realisiert. So ist die Kooperation mit dem Justizministerium zur Zivilrechtsreform ein langfristiger Schwerpunkt, im Zuge dessen ein Workshop in Deutschland im März stattfand und sich ein Seminar in Vietnam anschließen wird. Im Januar veranstaltete die IRZ gemeinsam mit dem Justizministerium ein Seminar zum Verwaltungsrecht („Rechtsschutz in Verwaltungssachen“) in Hanoi. Ein weiteres wichtiges Projekt ist die Kooperation mit der Volksstaatsanwaltschaft zur Reform des Strafprozessrechts. Dazu sind im Juni ein Seminar in Hanoi und im September eine Studienreise nach Deutschland vorgesehen. Die Kooperation mit der Justizakademie schlug sich durch eine Fachtagung zum Thema „Beweisverwertung im Zivilrecht aus richterlicher und aus anwaltlicher Perspektive“ nieder (im März in Hanoi). Im Zuge der Novellierung der juristischen Ausbildung ist ein Arbeitsbesuch nach Deutschland für die Justizakademie (einschließlich Notarrecht) geplant. Zum gewerblichen Rechtsschutz wird eine Delegation der Justizakademie im September nach Deutschland kommen. Außerdem sind Seminare zur Zwangsvollstreckung (Justizakademie), zur Prozesskostenhilfe, zur Schiedsgerichtsbarkeit und zum Ordnungswidrigkeitsrecht (Justizministerium) in



Vietnam geplant. Mit dem Institut für Menschenrechtsforschung wurde eine Tagung zu Kernthemen des Menschenrechtsschutzes im März in Hanoi durchgeführt.

Mit der Anwaltskammer (Vietnam Bar Federation) sind zwei Projekte angedacht. Weitere Projekte mit neuen Kooperationspartnern (Oberster Gerichtshof) sind im Fokus.

## **BÁO CÁO CỦA HỌC VIỆN TƯ PHÁP** **Report of the Judicial Academy**

### **1. Tình hình thực hiện các hoạt động đã tiến hành trong 6 tháng đầu năm 2011.**

Tháng 3 năm 2011, Học viện Tư pháp đã tổ chức hội thảo về “Chứng cứ trong thực tế đào tạo nghề luật và giải quyết vụ án dân sự” do Quỹ Hợp tác quốc tế Đức về pháp luật (IRZ) tài trợ. Hội thảo trên đã kết thúc và thành công tốt đẹp. Hội thảo đã đạt được mục đích của mình và được người tham dự đánh giá cao hiệu quả về nội dung.

### **2. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện hợp tác trong Chương trình và đề xuất những biện pháp tháo gỡ vướng mắc nhằm thực thi Chương trình hiệu quả hơn.**

- Hợp tác với Quỹ Hợp tác quốc tế Đức về pháp luật góp phần làm nâng cao chất lượng đào tạo các chức danh tư pháp của Học viện thông qua việc tổ chức các hội thảo liên quan đến các chức danh tư pháp mà Học viện đang đào tạo.

- Đặc biệt, Học viện Tư pháp đánh giá cao vai trò của các chuyên gia Đức về việc chia sẻ kinh nghiệm trong hoạt động của Thẩm phán Đức và Luật sư Đức thông qua các hội thảo chuyên đề mà Học viện đã tổ chức.

- Tuy nhiên, trong quá trình triển khai hoạt động, Học viện gặp một số khó khăn, vướng mắc sau: do IRZ không có Văn phòng đại diện tại Việt Nam nên việc trao đổi với IRZ để xử lý các công việc phát sinh hay bị chậm và cũng ảnh hưởng đến việc hợp tác.

### **3. Đề xuất nội dung, cách thức tiến hành hoạt động trong thời gian tiếp theo.**

- Đối với các hoạt động hợp tác cho năm tiếp theo, hai bên cần phải xây dựng kế hoạch hợp tác cụ thể ngay từ cuối năm trước.

- Đối với các hoạt động có sự phối hợp và tham gia của các đơn vị khác cần phải có cơ chế phối hợp nhất quán và chặt chẽ.

Trên đây là báo cáo tại Tọa đàm lần thứ 4 của Học viện Tư pháp. Học viện Tư pháp xin gửi Quý Vụ đề Quý Vụ có cơ sở tổng hợp.

# **BÁO CÁO KẾT QUẢ HỘI NGHỊ ĐIỀU PHỐI LẦN THỨ NHẤT**

## **Report of the First Coordination Meeting**

**Tổ chức ngày 21 tháng 9 năm 2009, tại Hà Nội**

Nhằm thúc đẩy việc triển khai thực hiện Chương trình hợp tác ba năm trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa Việt Nam và Cộng hòa liên bang Đức, được sự cho phép của lãnh đạo Bộ Tư pháp, ngày 21 tháng 9 năm 2009, tại Hà Nội, Vụ Hợp tác quốc tế và Viện KAS (Konrad Adenauer Stiftung) đã phối hợp tổ chức “*Hội nghị điều phối thực hiện Chương trình hợp tác ba năm trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa Việt Nam và Đức*”. Tiếp theo Tọa đàm khởi động (ngày 17 tháng 4 năm 2009) giới thiệu nội dung Chương trình hợp tác, Hội nghị lần này có mục đích thúc đẩy các đối tác khẳng định việc tham gia thực hiện Chương trình. Đồng thời, Hội nghị cũng là dịp để các bên tiếp tục trao đổi, xây dựng kế hoạch hợp tác cụ thể và để các cơ quan đầu mối nắm bắt nhu cầu, hỗ trợ các bên thực hiện các hoạt động hợp tác.

### **I. Thành phần tham dự:**

- Đại diện Viện KAS gồm có: Tiến sỹ Peter Hefele phụ trách Khu vực Châu Á của Viện KAS tại Berlin, Ông Amos Helms, Trưởng đại diện Viện KAS, Ông Oliver Beckman, chuyên gia; đại diện một số tổ chức của Đức tại Hà Nội, Việt Nam như GTZ, DAAD, Viện Friedrich – Ebert (FES), InWent...;

- Đại diện các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp Việt Nam như Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Vụ Bổ trợ Tư pháp, Học Viện tư pháp, Trường Đại học Luật Hà Nội, Viện Khoa học pháp lý...; đại diện Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương, Bộ Lao động, thương binh & xã hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội

Luật gia Việt Nam, Liên đoàn luật sư Việt Nam, Hội tiêu chuẩn bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam...

## **II. Nội dung**

Thứ trưởng Bộ Tư pháp Việt Nam - ông Đinh Trung Tụng và Đại sứ CHLB Đức tại Việt Nam - Ngài Rolf Schulze phát biểu khai mạc Hội nghị.

Tiến sỹ Peter Hefele phụ trách Châu Á của Viện KAS tại Berlin phát biểu nhấn mạnh mong muốn của các cơ quan, tổ chức Đức trong việc tham gia Chương trình và trách nhiệm của các cơ quan đầu mối trong việc tìm kiếm đối tác, kết nối các Dự án và hỗ trợ các đối tác trong quá trình triển khai hoạt động.

Hội nghị đã nghe và thảo luận các đề xuất, dự kiến của các cơ quan Việt Nam cũng như khả năng hợp tác của các đối tác Đức. Cụ thể, Hội nghị đã nghe các bài phát biểu sau:

1. PGS.TS. Lê Thị Sơn - Phó Hiệu trưởng Đại học Luật Hà Nội trình bày về dự án thành lập Viện Pháp luật Đức tại Đại học Luật Hà Nội:

- Đây là dự án giữa Trường Đại học Luật Hà Nội và Viện Friedrich – Ebert (FES). Mục tiêu tổng thể và dài hạn của Dự án là thông qua việc xây dựng và phát triển Viện pháp luật Đức sẽ thúc đẩy quan hệ hợp tác trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu pháp luật giữa hai Nhà nước Việt Nam và CHLB Đức nói chung và giữa Trường Đại học Luật Hà Nội với các cơ sở cũng như các Trường Đại học của CHLB Đức nói riêng, đồng thời góp phần thực hiện thắng lợi Tuyên bố chung về hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa Chính phủ hai nước được ký kết ngày 29/2/2008. Các mục tiêu ngắn hạn bao gồm: *Thứ nhất*, hỗ trợ hoạt động đào tạo của nhà trường trong việc bổ sung kiến thức pháp luật nước ngoài cho học viên, sinh viên; trong việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho giảng viên và cán bộ pháp luật của các cơ quan, doanh nghiệp; *Thứ hai*, mở rộng hoạt động đào tạo của nhà trường thông qua việc liên kết đào tạo luật ở bậc đại học và sau đại học với các Trường đại học của CHLB Đức; *Thứ ba*, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy trong nhà trường và phục vụ hoạt động xây dựng pháp luật, một trong những mục tiêu quan trọng được đặt ra trong Tuyên bố chung

của hai Chính phủ; Thứ tư, xây dựng nguồn tư liệu phong phú về pháp luật Đức bằng tiếng Đức, tiếng Anh và tài liệu dịch, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của nhà trường và các hoạt động khác.

- Vốn đầu tư dự án: Ngân sách của Đức, các nhà tài trợ, Viện Friedrich – Ebert, Cơ quan trao đổi Hàn lâm Đức và của phía Việt Nam. Dự kiến Dự án sẽ bắt đầu vào năm 2010.

2. Đại diện Viện KAS, ông Amos Helms phát biểu, trình bày một số hoạt động hợp tác giữa hai bên từ năm 2004 đến nay, dự định, kế hoạch hoạt động của Viện trong thời gian tới và khẳng định cam kết của Viện KAS, với tư cách là cơ quan đầu mối của Chương trình, sẽ tích cực tìm kiếm các đối tác phía Đức và hỗ trợ triển khai Chương trình một cách hiệu quả.

3. Ông Lưu Tiến Dũng, Chủ nhiệm Ủy ban Hợp tác quốc tế, Liên đoàn luật sư Việt Nam phát biểu bày tỏ mong muốn tham gia và các hoạt động của Chương trình hợp tác Việt - Đức, tập trung vào các nội dung: Trao đổi thông tin và kinh nghiệm với Hội Luật sư Đức, đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho luật sư, tạo điều kiện để các luật sư tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng hệ thống pháp luật và các thiết chế thực thi pháp luật.

4. Vụ Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp cũng đã trình bày Chương trình, dự kiến hợp tác với CHLB Đức trong công tác bổ trợ tư pháp, trong đó tập trung vào lĩnh vực giám định tư pháp. Đại diện Vụ Bổ trợ Tư pháp đã nêu những khó khăn và kêu gọi sự hợp tác, hỗ trợ từ phía các đối tác Đức thông qua đề xuất hỗ trợ về giám định tư pháp.

5. Đại diện Toà án nhân dân tối cao đề xuất các hoạt động hợp tác nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng hội nhập cho thẩm phán và cán bộ Toà án nhân dân tối cao và Toà án nhân dân cấp tỉnh thông qua việc tổ chức đi nghiên cứu kinh nghiệm của Đức trong ba lĩnh vực: pháp luật tố tụng dân sự và tố tụng hành chính phục vụ cho việc xây dựng Luật tố tụng hành chính và Bộ Luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung); pháp luật Đức trong việc giải quyết việc khiếu nại theo trình tự giám đốc thẩm và tái thẩm, trách nhiệm bồi thường của Nhà nước với các vụ án có

oan sai; kinh nghiệm của Đức trong việc xét xử các vụ án liên quan đến người nước ngoài và tội phạm công nghệ thông tin cũng như những vấn đề tương trợ tư pháp.

6. GS.TS Lê Hồng Hạnh Viện trưởng Viện Khoa học pháp lý đã đề xuất dự án hợp tác “*Nghiên cứu mô hình hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng ở CHLB Đức, EU và khả năng áp dụng trong điều kiện ở Việt Nam*”. Mục tiêu của dự án là nghiên cứu có chọn lọc pháp luật và thực tiễn của EU về hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng, xây dựng và thực hiện thí điểm ở Việt Nam mô hình Hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng thích hợp nhằm thúc đẩy việc thực thi có hiệu quả Luật bảo vệ người tiêu dùng thông qua các thiết chế xã hội, từ đó góp phần nâng cao trách nhiệm của các doanh nghiệp và hướng tới mục tiêu bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ môi trường kinh doanh và môi trường sinh thái lành mạnh. Dự án sẽ góp phần triển khai Chương trình hợp tác ba năm 2009-2011 nhằm thực hiện Tuyên bố chung về hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa Việt Nam và Đức.

7. Đại diện Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp đã trình bày đề xuất của Vụ trong khuôn khổ Chương trình hợp tác ba năm thực hiện Tuyên bố chung Việt - Đức. Mục tiêu chung của đề xuất nhằm nâng cao vai trò, năng lực của đội ngũ cán bộ pháp chế, thực hiện tốt chức năng quản lý công tác pháp chế, hoạch định chính sách pháp luật, xây dựng và thực thi pháp luật ở các Bộ, ngành, địa phương. Đề xuất dự kiến thực hiện thông qua các hoạt động cụ thể như tổ chức khảo sát về thực trạng tổ chức, trình độ, vai trò và vị trí của cán bộ pháp chế ngành trong công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật; tổ chức khảo sát nước ngoài học tập kinh nghiệm; tổ chức hội thảo...

8. Đại diện các cơ quan, tổ chức phía Đức như Đại diện Viện FES, GTZ, InWent ...đã giới thiệu khả năng và tình hình hợp tác của các tổ chức này với phía Việt Nam và điều khẳng định sẽ tiếp tục tích cực tham gia vào các hoạt động của Chương trình hợp tác ba năm 2009-2011 triển khai Tuyên bố chung về hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa Việt Nam và Đức. Các đối tác phía Đức đặc biệt quan tâm tới đề xuất thành lập Viện Pháp luật Đức tại Đại học Luật Hà Nội và đề xuất

*"Nghiên cứu mô hình hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng ở CHLB Đức, EU và khả năng áp dụng trong điều kiện ở Việt Nam" của Viện Khoa học pháp lý.*

Ngoài ra đại diện Bộ Công Thương, Bộ Lao động Thương binh & xã hội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; đại diện Hội Luật gia Việt Nam, Hội tiêu chuẩn và bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam ... đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến nhằm triển khai Chương trình hợp tác một cách thiết thực, hiệu quả.

Qua Hội nghị có thể thấy, các cơ quan, tổ chức Việt Nam đã tích cực chuẩn bị nhiều đề xuất thiết thực, phục vụ cho mục tiêu xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020 và Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; các đối tác phía Đức đã bước đầu có những tín hiệu khả quan. Tổng kết Hội nghị, ông Nguyễn Huy Ngát đã khẳng định một lần nữa mong muốn hợp tác của phía Việt Nam và nhấn mạnh cơ quan đầu mối phía Đức là Viện KAS và cơ quan đầu mối phía Việt Nam là Vụ HTQT Bộ Tư pháp phải tích cực hơn nữa trong việc tìm kiếm các đối tác, đặc biệt là các đối tác Đức để kết nối với các cơ quan, tổ chức Việt Nam, qua đó thúc đẩy việc hình thành các dự án, hỗ trợ các bên triển khai các đề xuất, góp phần thực hiện thành công Chương trình hợp tác ba năm 2009-2011 giữa Việt Nam và Đức trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp.

Đại diện phía Đức, ông Amos Helms khẳng định sẽ nỗ lực tìm kiếm, vận động các đối tác Đức tham gia vào Chương trình hợp tác. Ông Amos Helms cũng thông báo dự kiến hai phía sẽ tổ chức Hội nghị tiếp theo vào tháng 2 năm 2010.

Trên đây là báo cáo về *"Hội nghị điều phối thực hiện Chương trình hợp tác ba năm trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa Việt Nam và Đức"*.

**TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ**

**(đã ký)**

**Nguyễn Huy Ngát**



# **BÁO CÁO KẾT QUẢ HỘI NGHỊ ĐIỀU PHỐI LẦN THỨ HAI**

## **Report of the Second Coordination Meeting**

Nhằm thúc đẩy việc triển khai thực hiện Chương trình hợp tác ba năm trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa Việt Nam và Cộng hòa liên bang Đức, được sự cho phép của lãnh đạo Bộ Tư pháp, ngày 26 tháng 3 năm 2010, tại Hà Nội, Vụ Hợp tác quốc tế và Viện KAS (Konrad Adenauer Stiftung) đã phối hợp tổ chức “*Hội nghị điều phối lần thứ hai thực hiện Chương trình hợp tác ba năm trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa Việt Nam và Đức*”.

Tiếp theo Hội nghị điều phối lần thứ nhất (được tổ chức ngày 21 tháng 9 năm 2009), Hội nghị lần này có mục đích trao đổi thông tin về tiến độ thực hiện các hoạt động hợp tác trong Chương trình trong thời gian 1 năm qua và thảo luận nhằm thúc đẩy việc triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình.

### **I. Thành phần tham dự:**

- Đại diện Viện KAS gồm có: Tiến sỹ Peter Hefele phụ trách Khu vực Châu Á của Viện KAS tại Berlin, Ông Amos Helms, Trưởng đại diện Viện KAS, Ông Oliver Beckman, chuyên gia; đại diện một số tổ chức của Đức tại Hà Nội, Việt Nam như GTZ, DAAD, Viện Friedrich – Ebert (FES), InWent...;

- Đại diện các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp Việt Nam như Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Vụ Bổ trợ Tư pháp, Học Viện tư pháp, Trường Đại học Luật Hà Nội, Viện Khoa học pháp lý...; đại diện Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương, Bộ Lao động, thương binh & xã hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn luật sư Việt Nam, Hội tiêu chuẩn bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam...

### **II. Nội dung**

Thứ trưởng Bộ Tư pháp Việt Nam - ông Đinh Trung Tụng và Đại sứ CHLB Đức tại Việt Nam - Ngài Rolf Schulze phát biểu khai mạc Hội nghị.

Tiến sỹ Peter Hefele phụ trách Châu Á của Viện KAS tại Berlin phát biểu nhấn mạnh mong muốn của các cơ quan, tổ chức Đức trong việc tham gia Chương trình và trách nhiệm của các cơ quan đầu mối trong việc tìm kiếm đối tác, kết nối các Dự án và hỗ trợ các đối tác trong quá trình triển khai hoạt động.

Hội nghị đã nghe và thảo luận các đề xuất, dự kiến của các cơ quan Việt Nam cũng như khả năng hợp tác của các đối tác Đức. Cụ thể, Hội nghị đã nghe các bài phát biểu sau:

1. PGS.TS. Lê Thị Sơn - Phó Hiệu trưởng Đại học Luật Hà Nội trình bày về dự án thành lập Viện Pháp luật Đức tại Đại học Luật Hà Nội:

- Đây là dự án giữa Trường Đại học Luật Hà Nội và Viện Friedrich – Ebert (FES). Mục tiêu tổng thể và dài hạn của Dự án là thông qua việc xây dựng và phát triển Viện pháp luật Đức sẽ thúc đẩy quan hệ hợp tác trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu pháp luật giữa hai Nhà nước Việt Nam và CHLB Đức nói chung và giữa Trường Đại học Luật Hà Nội với các cơ sở cũng như các Trường Đại học của CHLB Đức nói riêng, đồng thời góp phần thực hiện thắng lợi Tuyên bố chung về hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa Chính phủ hai nước được ký kết ngày 29/2/2008. Các mục tiêu ngắn hạn bao gồm: *Thứ nhất*, hỗ trợ hoạt động đào tạo của nhà trường trong việc bổ sung kiến thức pháp luật nước ngoài cho học viên, sinh viên; trong việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho giảng viên và cán bộ pháp luật của các cơ quan, doanh nghiệp; *Thứ hai*, mở rộng hoạt động đào tạo của nhà trường thông qua việc liên kết đào tạo luật ở bậc đại học và sau đại học với các Trường đại học của CHLB Đức; *Thứ ba*, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy trong nhà trường và phục vụ hoạt động xây dựng pháp luật, một trong những mục tiêu quan trọng được đặt ra trong Tuyên bố chung của hai Chính phủ; *Thứ tư*, xây dựng nguồn tư liệu phong phú về pháp luật Đức bằng tiếng Đức, tiếng Anh và tài liệu dịch, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của nhà trường và các hoạt động khác.

- Vốn đầu tư dự án: Ngân sách của Đức, các nhà tài trợ, Viện Friedrich – Ebert, Cơ quan trao đổi Hàn lâm Đức và của phía Việt Nam. Dự kiến Dự án sẽ bắt đầu vào năm 2010.

2. Đại diện Viện KAS, ông Amos Helms phát biểu, trình bày một số hoạt động hợp tác giữa hai bên từ năm 2004 đến nay, dự định, kế hoạch hoạt động của Viện trong thời gian tới và khẳng định cam kết của Viện KAS, với tư cách là cơ quan đầu mối của

Chương trình, sẽ tích cực tìm kiếm các đối tác phía Đức và hỗ trợ triển khai Chương trình một cách hiệu quả.

3. Ông Lưu Tiến Dũng, Chủ nhiệm Ủy ban Hợp tác quốc tế, Liên đoàn luật sư Việt Nam phát biểu bày tỏ mong muốn tham gia và các hoạt động của Chương trình hợp tác Việt - Đức, tập trung vào các nội dung: Trao đổi thông tin và kinh nghiệm với Hội Luật sư Đức, đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho luật sư, tạo điều kiện để các luật sư tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng hệ thống pháp luật và các thiết chế thực thi pháp luật.

4. Vụ Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp cũng đã trình bày Chương trình, dự kiến hợp tác với CHLB Đức trong công tác bổ trợ tư pháp, trong đó tập trung vào lĩnh vực giám định tư pháp. Đại diện Vụ Bổ trợ Tư pháp đã nêu những khó khăn và kêu gọi sự hợp tác, hỗ trợ từ phía các đối tác Đức thông qua đề xuất hỗ trợ về giám định tư pháp.

5. Đại diện Toà án nhân dân tối cao đề xuất các hoạt động hợp tác nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng hội nhập cho thẩm phán và cán bộ Toà án nhân dân tối cao và Toà án nhân dân cấp tỉnh thông qua việc tổ chức đi nghiên cứu kinh nghiệm của Đức trong ba lĩnh vực: pháp luật tố tụng dân sự và tố tụng hành chính phục vụ cho việc xây dựng Luật tố tụng hành chính và Bộ Luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung); pháp luật Đức trong việc giải quyết việc khiếu nại theo trình tự giám đốc thẩm và tái thẩm, trách nhiệm bồi thường của Nhà nước với các vụ án có oan sai; kinh nghiệm của Đức trong việc xét xử các vụ án liên quan đến người nước ngoài và tội phạm công nghệ thông tin cũng như những vấn đề tương trợ tư pháp.

6. GS.TS Lê Hồng Hạnh Viện trưởng Viện Khoa học pháp lý đã đề xuất dự án hợp tác “*Nghiên cứu mô hình hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng ở CHLB Đức, EU và khả năng áp dụng trong điều kiện ở Việt Nam*”. Mục tiêu của dự án là nghiên cứu có chọn lọc pháp luật và thực tiễn của EU về hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng, xây dựng và thực hiện thí điểm ở Việt Nam mô hình Hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng thích hợp nhằm thúc đẩy việc thực thi có hiệu quả Luật bảo vệ người tiêu dùng thông qua các thiết chế xã hội, từ đó góp phần nâng cao trách nhiệm của các doanh nghiệp và hướng tới mục tiêu bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ môi trường kinh doanh và môi trường sinh thái lành mạnh. Dự án sẽ góp phần triển khai Chương trình hợp tác ba năm 2009-2011 nhằm thực hiện Tuyên bố chung về hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa Việt Nam và Đức.

7. Đại diện Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp đã trình bày đề xuất của Vụ trong khuôn khổ Chương trình hợp tác ba năm thực hiện Tuyên bố chung Việt - Đức. Mục tiêu chung của đề xuất nhằm nâng cao vai trò, năng lực của đội ngũ cán bộ pháp chế, thực hiện tốt chức năng quản lý công tác pháp chế, hoạch định chính sách pháp luật, xây dựng và thực thi pháp luật ở các Bộ, ngành, địa phương. Đề xuất dự kiến thực hiện thông qua các hoạt động cụ thể như tổ chức khảo sát về thực trạng tổ chức, trình độ, vai trò và vị trí của cán bộ pháp chế ngành trong công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật; tổ chức khảo sát nước ngoài học tập kinh nghiệm; tổ chức hội thảo...

8. Đại diện các cơ quan, tổ chức phía Đức như Đại diện Viện FES, GTZ, InWent ... đã giới thiệu khả năng và tình hình hợp tác của các tổ chức này với phía Việt Nam và đều khẳng định sẽ tiếp tục tích cực tham gia vào các hoạt động của Chương trình hợp tác ba năm 2009-2011 triển khai Tuyên bố chung về hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa Việt Nam và Đức. Các đối tác phía Đức đặc biệt quan tâm tới đề xuất thành lập Viện Pháp luật Đức tại Đại học Luật Hà Nội và đề xuất "*Nghiên cứu mô hình hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng ở CHLB Đức, EU và khả năng áp dụng trong điều kiện ở Việt Nam*" của Viện Khoa học pháp lý.

Ngoài ra đại diện Bộ Công Thương, Bộ Lao động Thương binh & xã hội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; đại diện Hội Luật gia Việt Nam, Hội tiêu chuẩn và bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam ... đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến nhằm triển khai Chương trình hợp tác một cách thiết thực, hiệu quả.

Qua Hội nghị có thể thấy, các cơ quan, tổ chức Việt Nam đã tích cực chuẩn bị nhiều đề xuất thiết thực, phục vụ cho mục tiêu xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020 và Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; các đối tác phía Đức đã bước đầu có những tín hiệu khả quan. Tổng kết Hội nghị, ông Nguyễn Huy Ngát đã khẳng định một lần nữa mong muốn hợp tác của phía Việt Nam và nhấn mạnh cơ quan đầu mối phía Đức là Viện KAS và cơ quan đầu mối phía Việt Nam là Vụ HTQT Bộ Tư pháp phải tích cực hơn nữa trong việc tìm kiếm các đối tác, đặc biệt là các đối tác Đức để kết nối với các cơ quan, tổ chức Việt Nam, qua đó thúc đẩy việc hình thành các dự án, hỗ trợ các bên triển khai các đề xuất, góp phần thực hiện thành công Chương trình hợp tác ba năm 2009-2011 giữa Việt Nam và Đức trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp.

Đại diện phía Đức, ông Amos Helms khẳng định sẽ nỗ lực tìm kiếm, vận động các đối tác Đức tham gia vào Chương trình hợp tác. Ông Amos Helms cũng thông báo dự kiến hai phía sẽ tổ chức Hội nghị tiếp theo vào tháng 2 năm 2010.

Trên đây là báo cáo về "*Hội nghị điều phối thực hiện Chương trình hợp tác ba năm trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa Việt Nam và Đức*".

Bộ Tư pháp xin báo cáo để Quý Bộ theo dõi, tổng hợp.

**TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ**

**(đã ký)**

**Nguyễn Huy Ngát**

**CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG KHUÔN KHỔ ĐỐI THOẠI  
NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN ĐỨC-VIỆT (2008 – 2011)**  
**List of Cooperation Activities in the framework  
of Rule of Law Dialogue  
between Viet Nam and Germany (2008 – 2011)**

**Bà Silke Bellmann**  
**Đại sứ quán Đức tại Hà Nội**

**Thời điểm cập nhật: 02.05.2011**

<b>Thời gian</b>	<b>Hình thức tổ chức</b>	<b>Chủ đề</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Thành phần tham dự</b>
<b>--- Giai đoạn chuẩn bị 2008 ---</b>				
14.– 18.01.2008	Hội thảo	„Cơ sở quy trình ban hành văn bản pháp luật“	Hà nội	<u>VN</u> : Văn phòng Chính phủ, MoJ, VCCI <u>Đức</u> : InWent (từ 01.01.2011 GIZ), Quốc hội
19.– 21.02.2008	Hội thảo	„Bảo vệ người tiêu dùng tại Việt Nam“	Hải Phòng	<u>VN</u> : ISR, MoJ <u>Đức</u> : KAS Hà nội
25.– 27.02.2008	Hội thảo	„Bảo vệ người tiêu dùng tại Việt Nam“	TP HCM	<u>VN</u> : ISR, MoJ <u>Đức</u> : KAS Hà nội
29.02.2008	Ký Tuyên bố chung của chính phủ	„Tuyên bố chung về hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp“	Hà nội	<u>VN</u> : Bộ Ngoại giao <u>Đức</u> : Bộ Ngoại giao, Sứ quán Đức
10.03.2008	Hội thảo	„Pháp luật Lao động tại Đức và Việt Nam“	Hà nội	<u>VN</u> : Ủy ban xã hội của Quốc hội <u>Đức</u> : FES Hà nội
05.– 12.04.2008	Chuyến đi khảo sát	„Hệ thống chính trị, Hành chính công và Cải cách hành chính“	Berlin	<u>VN</u> : Ban tổ chức trung ương Đảng <u>Đức</u> : FES
13.– 14.03.2008	Hội thảo	„Pháp luật Lao động“	Thái Nguyên	<u>VN</u> : MoLISA <u>Đức</u> : FES Hà nội
31.03.– 03.04. 2008	Hội thảo	„Công chứng những hợp đồng thừa kế – Luật Đức và Luật EU“	Nha Trang	<u>VN</u> : MoJ <u>Đức</u> : KAS Hà nội, Văn phòng luật sư Duane Morris
21.–	Hội thảo	„Tăng cường tổ chức –	Hà nội,	<u>VN</u> : Văn phòng chính phủ,

Thời gian	Hình thức tổ chức	Chủ đề	Địa điểm	Thành phần tham dự
25.04.2008		Công chức tại Đức và Việt Nam, cũng như Luật Công chức“	Cát Bà, Hải phòng	MoJ, MoI, NV, VNU, UBND TP Hải phòng <u>Đức:</u> InWEnt (từ 01.01.2011 GIZ)
05.– 07.05.2008	Hội thảo	„Thảo luận về luật chống bạo lực gia đình“	Hạ Long	<u>VN:</u> VLA, MoJ <u>Đức:</u> KAS Hà nội, UBND TP Stuttgart
08.– 10.05.2008	Hội thảo	„Thảo luận về luật chống bạo lực gia đình“	Đà Nẵng	<u>VN:</u> VLA, MoJ <u>Đức:</u> KAS Hà nội, UBND TP Stuttgart
10.05.2008	Hội thảo	„Tòa án Hiệp pháp tại Việt Nam – Sự cần thiết và Định hướng“	Hà nội	<u>VN:</u> ISR <u>Đức:</u> KAS Hà nội
12.– 13.05.2008	Hội thảo	„Thảo luận về luật chống bạo lực gia đình“	Vũng Tàu	<u>VN:</u> VLA, MoJ <u>Đức:</u> KAS Hà nội, chính quyền TP Stuttgart
22.– 23.05.2008	Hội thảo	„Tur vấn pháp luật thông qua Công đoàn – Kinh nghiệm của Đức và Việt Nam“	TP HCM	<u>VN:</u> Tổng liên đoàn lao động Việt Nam <u>Đức:</u> FES Hà nội
05.– 06.06.2008	Chuyến đi khảo sát	„Pháp luật và Hành chính“	Bonn, Saarbrücken	<u>VN:</u> Bộ Tài chính <u>Đức:</u> BMJ, Cục Tư pháp Liên bang, Công ty Juris
10.– 21.06.2008	Chuyến đi khảo sát	„Quy trình làm Luật tại Đức – Sự phối hợp giữa Chính phủ và Quốc hội“	Köln, Bonn, Düsseldorf, Berlin, Straßburg	<u>VN:</u> Văn phòng chính phủ <u>Đức:</u> InWEnt (từ 01.01.2011 GIZ)
24.– 26.08.2008	Hội thảo	„Sự độc lập của Tòa án“	Hạ Long	<u>VN:</u> ISR, Luật sư, Thẩm phán <u>Đức:</u> KAS Hà nội, Tòa án Bang Köln
27.– 29.08.2008	Hội thảo	„Sự độc lập của Tòa án“	TP HCM	<u>VN:</u> ISR, MoJ, Luật sư, Thẩm phán <u>Đức:</u> KAS Hà nội, Tòa án Bang Köln
08.– 11.09.2008	Hội thảo	„Cấu thành và phạm vi của Luật chịu trách nhiệm của nhà nước tại Việt Nam – từ góc độ so sánh luật“	Nha Trang	<u>VN:</u> MoJ, Thẩm phán, Công chứng viên, Nhà khoa học <u>Đức:</u> KAS Hà nội, Văn phòng luật sư Duane Morris
09.– 22.09.2008	Thực tập	„Nhiệm vụ và Quyền hạn của Viện kiểm sát trong quá trình điều tra và tố tụng vụ“	Berlin, Lübeck	<u>VN:</u> VKSND tối cao <u>Đức:</u> BMJ, Viện công tố Lübeck

Thời gian	Hình thức tổ chức	Chủ đề	Địa điểm	Thành phần tham dự
		án hình sự“		
15.– 20.09.2008	Hội thảo	„Kỹ thuật ban hành Luật và Phương pháp đưa ra ý kiến về qui định pháp luật“	Hà nội, Tuan Chau, Quang Ninh	<u>VN</u> : Văn phòng chính phủ, NV, MoJ, VNU, MoIT <u>Đức</u> : BMJ, InWEnt (từ 01.01.2011 GIZ)
15.09.– 15.10. 2008	Chuyến đi khảo sát	„Vai trò của các Ủy ban trong quá trình phê duyệt luật“ (Quốc hội Đức), „Tư soạn dự thảo luật đến thông qua tại Chính phủ“	Berlin	<u>VN</u> : Văn phòng chính phủ <u>Đức</u> : InWEnt (từ 01.01.2011 GIZ), BMJ, Quốc hội
08.– 15.10.2008	Hội thảo	„Tăng cường tổ chức – Vai trò của Văn phòng Chính phủ trong quá trình ban hành văn bản pháp luật cũng như quản lý nhân sự tại Văn phòng Chính phủ“	Hải Phòng	<u>VN</u> : Văn phòng chính phủ, MoJ, VFF, Bộ chính trị <u>Đức</u> : InWEnt (từ 01.01.2011 GIZ)
15.– 27.10.2008	Thực tập	„Nhiệm vụ và cách thức làm việc của Viện công tố Đức“	Berlin, Potsdam, Brandenbu rg an der Havel, Cott-bus, Frankfurt/ Oder	<u>VN</u> : VKSND tối cao <u>Đức</u> : BMJ, Viện công tố Brandenburg, Cơ quan điều tra hình sự Brandenburg, Cơ quan điều tra thuế Berlin- Brandenburg
22.– 24.10.2008	Hội thảo	„Hạn chế khung hình phạt tử hình tại một số tội danh“	Hà nội	<u>VN</u> : ISR, Thẩm phán, Nhà khoa học, Cán bộ của các trại giam <u>Đức</u> : KAS Hà nội
26.– 28.10.2008	Hội thảo	„Hạn chế khung hình phạt tử hình tại một số tội danh“	TP HCM	<u>VN</u> : ISR, Thẩm phán, Nhà khoa học, Cán bộ của các trại giam <u>Đức</u> : KAS Hà nội
02.– 06.11.2008	Hội thảo	„Luật tố tụng hình sự và Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hình sự“	Hà nội	<u>VN</u> : VKSND tối cao, MoJ <u>Đức</u> : BMJ, KAS Hà nội
24.– 28.11.2008	Hội thảo và giới thiệu	„Trình bày về công việc của Văn phòng chính phủ, Cầu nối tới người thứ ba“	Đại Lái, Mê Linh – Vĩnh Phúc, Hà nội	<u>VN</u> : Văn phòng chính phủ, MoJ, VNU, VFF, MoIT <u>Đức</u> : InWEnt (từ 01.01.2011 GIZ)
15.– 19.12.2008	Chuyến đi khảo sát của Thứ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thế	„Hệ thống tư pháp tại Đức – Phát triển đối thoại pháp quyền“	Berlin, Stuttgart, Karlsruhe, Hei-	<u>VN</u> : MoJ, NV, Hội luật gia, VKSND tối cao, ISR <u>Đức</u> : trong đó có Bộ Ngoại giao, BMJ, Ủy ban quyền



Thời gian	Hình thức tổ chức	Chủ đề	Địa điểm	Thành phần tham dự
	Liên trong khuôn khổ Chương trình khách mời của Cộng hòa Liên bang Đức		delberg	con người và viện trợ nhân đạo Quốc hội Đức, Ủy ban đối ngoại Quốc hội Đức, BVerfG, BGH, Viện tổng công tố, BRAK, Viện MPI về công pháp quốc tế Trường HU Berlin, Bộ Tư pháp Baden-Württemberg, Tòa án Bang Baden-Württemberg, Tòa án Stuttgart
16.12.2008	Hội nghị bàn tròn	„Đánh giá khả năng hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa Đức và Việt Nam“	Berlin	<u>VN</u> : MoJ, NV, VKSND tối cao, Viện Luật pháp và Thương mại quốc tế VLA, ISR, Đại sứ quán Việt Nam <u>Đức</u> : BMJ, Bộ Ngoại giao, BMZ, BfJ, DPMA, BNotK, BRAK, DAV, KAS, InWEnt (từ 01.01.2011 GIZ)
<b>--- Năm thứ nhất: 2009 ---</b>				
07.– 10.01.2009	Hội thảo	„Luật sở hữu của Đức và Việt Nam qui định tại Bộ luật dân sự“	Nha Trang	<u>VN</u> : MoJ, Thẩm phán, Công chứng viên, Công chức, Nhà khoa học <u>Đức</u> : KAS Hà nội, Tòa án Aachen
09.– 13.02.2009	Hội thảo	„Củng cố : Công cụ về hài hòa luật pháp và Luật pháp trong sạch“	Ninh Bình	<u>VN</u> : Văn phòng chính phủ, NV, MoJ, Bộ Công an, Bộ Tài nguyên và Môi trường, MARD, MoIT, Bộ Y tế. Bộ Thông tin và Truyền thông, VFF, VNU, ISR <u>Đức</u> : InWEnt (từ 01.01.2011 GIZ), Bộ Nội vụ Bang Nordrhein-Westfalen
23.– 25.02.2009, 27.02.2009	Hội thảo	„Chuẩn bị và sửa đổi một phần bộ luật Lao động“	Hà nội	<u>VN</u> : Ủy ban xã hội của Quốc hội <u>Đức</u> : FES Hà nội
24.– 26.02.2009	Hội thảo	„Chuẩn bị và sửa đổi một phần bộ luật Lao động“	Hà nội	<u>VN</u> : MoLISA, Đại diện công đoàn, Sở Lao động <u>Đức</u> : FES Hà nội

Thời gian	Hình thức tổ chức	Chủ đề	Địa điểm	Thành phần tham dự
25.– 27.02.2009	Hội thảo	„Hiệu quả của một văn phòng đại biểu quốc hội chuyên nghiệp“	Hà nội	<u>VN</u> : Văn phòng quốc hội, Đại biểu quốc hội, VLA <u>Đức</u> : KAS Hà nội
22.– 24.03.2009	Hội thảo	„Xây dựng Tòa án Hiến pháp tại Việt Nam- Mô hình và Các bước tiến hành“	Hà nội	<u>VN</u> : ISR, VNU, Thẩm phán, Công chức, Đảng viên <u>Đức</u> : KAS Hà nội
23.– 27.03.2009	Hội thảo	„Kỹ thuật ban hành văn bản pháp luật – Thống nhất ý kiến giữa các Bộ và Ý kiến của lãnh đạo chính trị“	Thái Nguyên	<u>VN</u> : Văn phòng chính phủ, MoJ, MARD, Bộ Tài Nguyên và Môi trường, MoLISA, MoIT, Bộ Y tế, ISR <u>Đức</u> : InWent (từ 01.01.2011 GIZ), BKAmt
25.– 27.03.2009	Hội thảo	„Xây dựng Tòa án Hiến pháp tại Việt Nam – Mô hình và Các bước tiến hành“	TP HCM	<u>VN</u> : ISR, VNU, Công chức, Đảng viên KPV <u>Đức</u> : KAS Hà nội
29.03.– 10.04. 2009	Chuyến đi khảo sát	„Cải cách hành chính tại Đức“	Berlin	<u>VN</u> : Ủy ban xã hội của Quốc hội <u>Đức</u> : FES
14.– 18.04.2009	Tham luận và chuyên thăm của Quốc vụ khanh Lutz Diwell (BMJ)	„Hợp tác trong lĩnh vực hình sự, Vai trò của Viện kiểm sát trong phiên tòa hình sự, Vai trò của luật sư trong phiên tòa hình sự, Vị trí của luật sư và công chứng viên“	Hà nội	<u>VN</u> : VKSND tối cao, MoJ, TAND tối cao, Hội Luật gia <u>Đức</u> : BMJ, BRAK, GTZ (từ 01.01.2011 GIZ), DED (từ 01.01.2011 GIZ), KfW, RLS Hà nội, FES Hà nội, KAS
16.04.2009	Ký kết tuyên bố chính phủ	„Biên bản chung về thực hiện kế hoạch hợp tác 3 năm trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp“	Hà nội	<u>VN</u> : MoJ (cơ quan ký) <u>Đức</u> : BMJ (cơ quan ký), BRAK
16.04.2009	Ký kết chương trình làm việc	„Chương trình hợp tác 3 năm (2009–2011) thực hiện tuyên bố chung về hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp“	Hà nội	<u>VN</u> : MoJ (cơ quan ký) <u>Đức</u> : BMJ (cơ quan ký), BRAK
10.– 16.05.2009	Chuyến đi khảo sát	„Củng cố: Công cụ về hài hòa luật pháp và Luật pháp trong sạch“	Köln, Düsseldorf, Karlsruhe	<u>VN</u> : Văn phòng chính phủ, NV, MoJ <u>Đức</u> : InWent (từ 01.01.2011 GIZ), Ủy ban tiêu chuẩn, BVerfG
20.– 23.05.2009	Hội thảo	„Luật Đức và Luật EU – Bộ luật dân sự Đức định hướng cho Việt Nam: Luật sở hữu“	Nha Trang	<u>VN</u> : MoJ, Thẩm phán, Công chứng viên, Công chức, Nhà khoa học

Thời gian	Hình thức tổ chức	Chủ đề	Địa điểm	Thành phần tham dự
		mới“		<u>Đức</u> : KAS Hà nội
18.– 19.06.2009	Hội thảo	„Điều kiện khung pháp lý cho các tổ chức dân sự tại Việt Nam“	Hà nội	<u>VN</u> : ISR, Chính trị gia, Nhà khoa học, Sinh viên <u>Đức</u> : KAS Hà nội
22.– 23.06.2009	Hội thảo	„Điều kiện khung pháp lý cho các tổ chức dân sự tại Việt Nam“	Đà Lạt	<u>VN</u> : ISR, Chính trị gia, Công chức, Nhà khoa học, Sinh viên <u>Đức</u> : KAS Hà nội
26.06.2009	Hội nghị bàn tròn	„Hợp tác pháp lý với Việt Nam – triển vọng thực hiện kế hoạch hợp tác 3 năm 2009–2011“	Berlin	<u>Đức</u> : BMJ, Bộ Ngoại giao, BMZ, BMI, BMF, BMAS, BMWi, UBND TP Berlin, Bộ Tư pháp Hessen, Tòa Tài chính Hamburg, HHRV, BDVR, BfJ, DPMA, BGH, BPatG, BRAK, BNotK, DJB, DAV, DGVB, Hiệp hội Đức về Luật biển quốc tế, Văn phòng luật sư Brendel & Associates, KAS, FES, HSS, IRZ, InWEnt, DED, GTZ (3 tổ chức cuối cùng từ ngày 01.01.2011 đổi tên thành GIZ), GIGA, DAAD
27.– 28.06.2009	Hội thảo	„Trao đổi thông tin về sửa đổi dự thảo luật về người cao tuổi“	Thanh Hóa	<u>VN</u> : MoLISA <u>Đức</u> : FES Hà nội
15.– 18.07.2009	Hội thảo	„Luật Đức và Luật EU định hướng cho Việt Nam – Luật hợp đồng“	Đắc Lăks	<u>VN</u> : MoJ, Thẩm phán, Công chứng viên, Nhà khoa học và Công chức <u>Đức</u> : KAS Hà nội, Toà án Köln
19.– 22.07.2009	Hội thảo	„Luật Đức và Luật EU định hướng cho Việt Nam – Luật hợp đồng“	Hội An	<u>VN</u> : MoJ, Thẩm phán, Công chứng viên, Nhà khoa học và Công chức <u>Đức</u> : KAS Hà nội, Toà án Köln
22.– 24.07.2009	Chuyến thăm	„Cải thiện việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế về quyền con người“	Berlin	<u>VN</u> : Bộ Ngoại giao, Văn phòng chính phủ, Văn phòng trung ương Đảng, Bộ Công an, MoJ, MoLISA <u>Đức</u> : Bộ Ngoại giao, BMJ, BMAS, UNDP
03.–	Hội thảo	„Tối ưu hóa qui định làm	Hà nội	<u>VN</u> : Văn phòng chính phủ,

Thời gian	Hình thức tổ chức	Chủ đề	Địa điểm	Thành phần tham dự
07.08.2009		việc trong các cơ quan nhà nước“		MoJ, MoI, NV, Văn phòng Ủy ban phòng chống tham nhũng, Học viện chính trị và hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, VNU, ISR, VFF <u>Đức:</u> InWEnt (từ 01.01.2011 GIZ)
11.08.2009	Hội thảo	„Qui định những tiêu chí về mức lương tối thiểu cho 4 khu vực từ 2010“	Hà nội	<u>VN:</u> MoLISA, Công đoàn, VCCI <u>Đức:</u> FES Hà nội
13.– 14.08.2009	Hội thảo	„Sửa đổi luật lao động và luật công đoàn- Kinh nghiệm của Đức“	Quảng Ninh	<u>VN:</u> Công đoàn Việt Nam tại các tỉnh phía Bắc <u>Đức:</u> FES Hà nội
17.– 18.08.2009	Hội thảo	„Hệ thống cơ quan tổ chức trong môi quan hệ lao động“	Tam Đảo- Vĩnh Phúc	<u>VN:</u> Ủy ban xã hội của Quốc hội, Ban khoa học của quốc hội, Hội đồng nhân dân <u>Đức:</u> FES Hà nội, Đại học Bremen
20.– 21.08.2009	Hội thảo	„Sửa đổi luật lao động và luật công đoàn- Kinh nghiệm của Đức“	Long An	<u>VN:</u> Công đoàn Việt Nam tại các tỉnh phía Nam <u>Đức:</u> FES Hà nội, Đại học Bremen
20.– 30.08.2009	Hội thảo	„Nhiệm vụ và phương pháp làm việc của viện công tố tại CHLB Đức“	Berlin, Hamburg, Leipzig, Erfurt	<u>VN:</u> VKSND tối cao <u>Đức:</u> BMJ, HHRV, LG Hamburg, cơ sở Chi nhánh GBA tại Hamburg, BGH, chi nhánh GBA tại Leipzig, BVerwG, Viện công tố Thüringer, LG Erfurt, JVA Tonna, LKA Thüringen
22.– 23.08.2009	Hội thảo	„Sửa đổi luật lao động và luật công đoàn- Kinh nghiệm của Đức“	Cần Thơ	<u>VN:</u> Ủy ban xã hội của Quốc hội, MoLISA, các Sở Lao động, UBND Tỉnh Cần thơ <u>Đức:</u> FES Hà nội, ĐH Bremen, ĐH Friedrich-Alexander tại Erlangen-Nürnberg
28.– 29.08.2009	Hội thảo	„Trao đổi thông tin về dự thảo lần thứ 2 luật Lao động“	Hải Phòng	<u>VN:</u> MoLISA, Sở Lao động của các tỉnh phía Bắc <u>Đức:</u> FES Hà nội, Đại học Bremen

Thời gian	Hình thức tổ chức	Chủ đề	Địa điểm	Thành phần tham dự
31.08.– 01.09. 2009	Hội thảo	„Luật Lao động sửa đổi và Luật Công đoàn sửa đổi- Kinh nghiệm của Đức và thế giới“	Đại Lái	<u>VN</u> : VKSND tối cao, Ban khoa học của quốc hội, Hội đồng nhân dân <u>Đức</u> : FES Hà nội, Đại học Bremen
02.09.2009	Chuyến đi khảo sát	„Nhiệm vụ, tổ chức, phương thức hoạt động của các hiệp hội. Cơ sở pháp lý cũng như vấn đề tài chính của các hiệp hội này tại Đức“	Berlin	<u>VN</u> : Cơ quan hỗ trợ kinh tế Đức – Việt <u>Đức</u> : BMJ
21.09.2009	Điều phối	„Hợp điều phối chương trình hợp tác Đức – Việt trong lĩnh vực Pháp luật và Tư pháp (Chương trình 3 năm)“	Hà nội	<u>VN</u> : trong đó có MoJ, VKSND tối cao, TAND tối cao, Cục sở hữu trí tuệ, ĐH Luật Hà nội, VBF <u>Đức</u> : KAS Hà nội, KAS Berlin, Đại sứ quán Đức, FES Hà nội, InWent (từ 01.01.2011 GIZ), DED (từ 01.01.2011 GIZ), GTZ (từ 01.01.2011 GIZ)
26.09.– 04.10. 2009	Chuyến đi khảo sát	„Quy trình làm luật – So sánh hệ thống giữa Đức và Áo“	Wien – Cộng hòa Áo	<u>VN</u> : Văn phòng chính phủ, NV, MoJ <u>Đức</u> : InWent (từ 01.01.2011 GIZ)
05.– 06.10.2009	Hội thảo	„Sửa đổi luật tố tụng dân sự, đặc biệt vấn đề tranh chấp thương mại“	Vũng Tàu	<u>VNM</u> : ISR, VNU, Thẩm phán, Đảng viên, Công chức <u>Đức</u> : KAS Hà nội, Văn phòng luật sư Duane Morris
26.10.2009	Hội thảo	„Nhà nước pháp quyền Đức – So sánh với các nước châu Âu và Mỹ“	Hà nội	<u>VN</u> : Học viện chính trị và hành chính quốc gia Hồ Chí Minh“, Văn phòng khu vực 2 <u>Đức</u> : FES Hà nội
28.10.2009	Hội thảo	„Nhà nước pháp quyền Đức – So sánh với các nước châu Âu và Mỹ“	Hà nội	<u>VN</u> : Học viện chính trị và hành chính quốc gia Hồ Chí Minh“, Văn phòng khu vực 4 <u>Đức</u> : FES Hà nội
02.– 13.11.2009	Hội thảo	„Những cách thức khác trong hợp tác pháp luật“	Berlin, Leipzig, Karlsruhe, Heidelberg,	<u>VN</u> : MoJ, TAND tối cao, VLA <u>Đức</u> : BMJ, KAS, Viện Thẩm phán Đức, BRAK, Viện Luật sư Đức, Sở Tư

Thời gian	Hình thức tổ chức	Chủ đề	Địa điểm	Thành phần tham dự
			Freiburg	pháp Berlin, BNotK, DRiB, BVerwG, GBA, BGH, BVerfG, MPI
23.– 27.11.2009	Tổng kết	„Đánh giá hợp tác về pháp luật 2009 giữa Inwent và Văn phòng Chính phủ“	Hà nội	<u>VN</u> : Văn phòng Chính phủ, NV, MoJ <u>Đức</u> : InWent (từ 01.01.2011 GIZ)
26.– 27.11.2009	Hội thảo	„Biển Đông: Hợp tác về An ninh và Phát triển của khu vực“	Hà nội	<u>VN</u> : Học viện quan hệ quốc tế <u>Đức</u> : BMJ, Tòa quốc tế về biển
29.11.– 05.12. 2009	Hội thảo	„Những qui định cơ bản trong điều tra theo luật tố tụng hình sự Đức“	Hà nội	<u>VN</u> : MoJ, VKSND tối cao <u>Đức</u> : BMJ
07.– 08.12.2009	Hội thảo	„Vụ nghiên cứu pháp luật là một phần của công tác khoa học của Quốc hội Đức – một định hướng cho chức năng tư vấn của VLA đối với Quốc hội Việt Nam“	Hà nội	<u>VN</u> : Văn phòng quốc hội, Đại biểu quốc hội, VLA <u>Đức</u> : KAS Hà nội, Văn phòng quốc hội
13.– 17.12.2009	Hội thảo	„Luật vũ trụ“	Köln, Bonn	<u>VN</u> : VNU <u>Đức</u> : ĐH Köln, Trung tâm vũ trụ châu Âu, Trung tâm hàng không và vũ trụ Đức, BMWi, Hội công nghiệp hàng không và vũ trụ Đức
<b>--- Năm thứ 2: 2010 ---</b>				
24.02.– 05.03. 2010	Hội thảo	„Luật tố tụng dân sự và luật tố tụng hành chính“	Berlin	<u>VN</u> : Tòa tối cao <u>Đức</u> : BMJ, Sở Tư pháp Berlin
01.– 06.03.2010	Chuyên thăm	„Đánh giá những khả năng hợp tác Đức – Việt“	Hà nội	<u>VN</u> : MoJ, Học viện Tư pháp, TAND tối cao, VKSND tối cao, Hội Luật gia, VBF <u>Đức</u> : IRZ, FES Hà nội, KAS Hà nội, Đại sứ quán Đức, Văn phòng luật sư Brendel & Associates
15.03.2010	Hội thảo	„Trao đổi thông tin về dự thảo luật lao động sửa đổi“	Phan Thiết	<u>VN</u> : Ủy ban xã hội của Quốc hội <u>Đức</u> : FES Hà nội
20.– 27.03.2010	Hội thảo	„Đào tạo công tố viên tại Đức, Đấu tranh chống tham“	Berlin, Hamburg	<u>VN</u> : VKSND tối cao <u>Đức</u> : BMJ, GStA

Thời gian	Hình thức tổ chức	Chủ đề	Địa điểm	Thành phần tham dự
		những, Mối quan hệ giữa Viện công tố và các cơ quan thi hành án khác“		Hamburg
22.– 26.03.2010	Trao đổi về kế hoạch	„Nội dung và kế hoạch phát triển những hoạt động hợp tác giữa Inwent và các đối tác Việt Nam 2010“	Hà nội	<u>VN</u> : Văn phòng Chính phủ <u>Đức</u> : InWent (từ 01.01.2011 GIZ)
25.03.2010	Hội thảo	„Trao đổi thông tin về dự thảo luật lao động sửa đổi“	Vĩnh Long	<u>VN</u> : Ủy ban xã hội của Quốc hội <u>Đức</u> : FES Hà nội
26.03.2010	Điều phối	„Hợp điều phối chương trình hợp tác Đức – Việt trong lĩnh vực Pháp luật và Tư pháp (Chương trình 3 năm)“	Hà nội	<u>VN</u> : MoJ, ĐH Luật Hà nội, VKSND tối cao, TAND tối cao <u>Đức</u> : KAS Hà nội, Đại sứ quán Đức, FES Hà nội, InWent (từ 01.01.2011 GIZ), DED (từ 01.01.2011 GIZ)
29.– 30.03.2010	Hội thảo chuyên ngành	„Luật lao động“	Hà nội	<u>VN</u> : ĐH Luật Hà nội <u>Đức</u> : FES Hà nội, HTW Berlin, Đại học Bremen
31.03.2010	Hội thảo	„Trao đổi thông tin về dự thảo lần 3 luật lao động“	Hà nội	<u>VN</u> : Ủy ban xã hội của Quốc hội <u>Đức</u> : FES Hà nội
01.– 02.04.2010	Hội thảo	„Trao đổi thông tin về dự thảo lần 3 luật Lao động và dự thảo lần thứ 5 luật công đoàn“	Hải Phòng	<u>VN</u> : Liên đoàn lao động Việt Nam <u>Đức</u> : FES Hà nội
08.– 09.04.2010	Hội thảo	„Trao đổi thông tin về luật cho người khuyết tật“	Bắc Ninh	<u>VN</u> : MoLISA, Bộ Giao thông, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo Trung tâm trẻ khuyết tật, Viện giáo dục <u>Đức</u> : FES Hà nội
14.– 26.04.2010	Thực tập	„Luật tố tụng hình sự“	Berlin, Lübeck	<u>VN</u> : VKSND tối cao <u>Đức</u> : BMJ, Viện công tố Lübeck, LG Lübeck
26.– 27.04.2010	Hội thảo	„Cải thiện hợp tác giữa Chính phủ phủ và Quốc hội“	Ba Vì, Hà nội	<u>VN</u> : Văn phòng Chính phủ, MoJ, MoLISA, NV, ISR, VFF, Báo Đất Việt <u>Đức</u> : InWent (từ 01.01.2011 GIZ), BKAmt, Quốc hội Đức
02.– 08.05.2010	Chuyến đi khảo sát	„Vai trò của Viện công tố và Cảnh sát“	Karlsruhe, Frei-burg	<u>VN</u> : VKSND tối cao <u>Đức</u> : BMJ, GBA, BGH,

Thời gian	Hình thức tổ chức	Chủ đề	Địa điểm	Thành phần tham dự
				Viện công tố Freiburg, MPI về Công pháp và Tư pháp quốc tế, ĐH Albert-Ludwigs tại Freiburg
06.05.2010	Khánh thành trung tâm pháp luật Đức	Trung tâm pháp luật Đức tại trường đại học Luật	Hà nội	<u>VN</u> : ĐH Luật Hà nội <u>Đức</u> : FES Hà nội, DAAD, FU Berlin, HU Berlin, HTW Berlin, ĐH Justus-Liebig tại Gießen, ĐH Leuphana tại Lüneburg, ĐH Passau, ĐH Bremen, ĐH Georg-August tại Göttingen, WUS
06.05.2010	Tặng sách	Lễ trao tặng tài liệu chuyên ngành cho Trung tâm pháp luật Đức	Hà nội	<u>VN</u> : Trung tâm Pháp luật Đức tại ĐH Luật Hà nội <u>Đức</u> : IRZ
24.– 28.05.2010	Hội thảo và tư vấn	„Sửa đổi luật khiếu nại“	Hà nội	<u>VN</u> : Văn phòng Chính phủ, Thanh tra chính phủ, MARD, Bộ Giao thông, Đại học Luật TP HCM, Tòa Hành chính Hà nội, TAND tối cao <u>Đức</u> : InWEnt (từ 01.01.2011 GIZ), Bộ Nội vụ bang Nordrhein-Westfalen
01.– 02.06.2010	Hội thảo	„Bảo vệ người tiêu dùng – Luật Đức và Luật EU – Định hướng“	TP HCM	<u>VN</u> : MoJ, Công chức, Nhà khoa học <u>Đức</u> : KAS Hà nội, Ủy ban Hiến pháp, Quyền và Bảo vệ người tiêu dùng của Quốc hội Bang Bayern
10.– 11.06.2010	Hội thảo	„Bình luận về dự thảo sửa đổi và bổ xung luật dân sự“	Huế	<u>VN</u> : MoJ <u>Đức</u> : KAS Hà nội
14.– 15.06.2010	Hội thảo	„Tòa hành chính trong khuôn khổ xây dựng nhà nước pháp quyền và tiến trình hòa nhập quốc tế của Việt Nam“	Hà nội	<u>VN</u> : ISR, Thẩm phán, Luật sư, Nhà khoa học, Công chức <u>Đức</u> : KAS Hà nội, Đại học Köln
17.– 18.06.2010	Hội thảo	„Tòa hành chính trong khuôn khổ xây dựng nhà nước pháp quyền và tiến trình hòa nhập quốc tế của Việt Nam“	Nha Trang	<u>VN</u> : ISR, Thẩm phán, Luật sư, Nhà khoa học, Công chức tỉnh Khánh hòa <u>Đức</u> : KAS Hà nội, Đại học Köln
20.–	Chuyên đi khảo	„Luật chịu trách nhiệm nhà	Berlin	<u>VN</u> : MoJ, MoI, Bộ Tài



Thời gian	Hình thức tổ chức	Chủ đề	Địa điểm	Thành phần tham dự
26.06.2010	sát	nước và Luật bồi thường“		chính, Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương, Văn phòng chính phủ <u>Đức:</u> BMJ, IRZ, Bộ Tư pháp Brandenburg, Tòa hành chính Berlin
27.06.– 02.07. 2010	Chuyến đi khảo sát trong khuôn khổ chương trình khách mời của CHLB Đức	„Bảo vệ quyền con người và nguyên tắc pháp quyền“	Berlin, Stuttgart, Karlsruhe, Straß-burg	<u>VN:</u> NV <u>Đức:</u> trong đó có Bộ Ngoại giao, Ủy ban đối ngoại quốc hội Đức, Ủy ban quyền con người và hỗ trợ nhân đạo quốc hội Đức, AI, HRW, Diễn đàn quyền con người, Transparency International, KAS, FES, FNS, HSS, Bộ Tư pháp Bang Baden-Württemberg, BVerfG, EuR, EGMR
04.– 09.07.2010	Chuyến thăm của Bộ trưởng (MoJ)	Chuyến thăm của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hà Hùng Cường	Berlin, Potsdam, Wiesbade n, Leip-zig	<u>VN:</u> MoJ, Sở Tư pháp Hà Tĩnh, <i>Vietnam Legal Newspaper</i> <u>Đức:</u> BMJ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp Bang Hessen, Sở Tư pháp Berlin, Bộ Tư pháp, Nhóm Nghị sĩ quốc hội ASEAN của Quốc hội Đức, KAS, IRZ, DRiB, BNotK, BRAK, DAV, Tòa Berlin, BVerwG, Tòa hình sự của BGH, Văn phòng Leipzig của Viện tổng công tố Liên bang
12.– 21.07.2010	Hội thảo	„Đấu tranh chống tham nhũng tại Đức“	Berlin, Neurup- pin, Dresden	<u>VN:</u> Văn phòng phòng chống tham nhũng <u>Đức:</u> BMJ, Transparency International, Viện công tố Berlin, Viện công tố Neuruppin, LKA Berlin, Bộ Tư pháp Bang Sachsen
20.07.2010	Chuyến đi khảo sát (Thứ trưởng Bộ Ngoại giao )	„Quản lý biển tại Đức, Sử dụng và Bảo vệ biển cũng như những chính sách phát triển biển“	Berlin	<u>VN:</u> Bộ Ngoại giao <u>Đức:</u> BMJ
21.– 31.07.2010	Hội thảo	„Tình hình tội phạm liên quan đến công nghệ thông	Berlin, Cottbus,	<u>VN:</u> TAND tối cao <u>Đức:</u> BMJ, Tòa Berlin, LG

Thời gian	Hình thức tổ chức	Chủ đề	Địa điểm	Thành phần tham dự
		tin“, „Tranh chấp thương mại“	Eberswalde	Berlin, Viện công tố Cottbus, LKA Brandenburg
26.– 27.07.2010	Hội thảo	„Luật trọng tài“	Hà Nội	<u>VN</u> : VLA, Ủy ban Tư pháp Quốc hội, MoJ KAS Hà Nội, Văn phòng luật sư GLN
01.– 04.08.2010	Hội thảo	„Luật trọng tài“	Đà Lạt	<u>VN</u> : VLA, Ủy ban Tư pháp quốc hội, MoJ <u>Đức</u> : KAS Hà Nội, Văn phòng luật sư Gide Loyrette Nouel
01.– 07.08.2010	Chuyến đi khảo sát	Đào tạo, bồi dưỡng tư pháp tại Đức	Berlin	<u>VN</u> : MoJ, ĐH Luật Hà Nội, Văn phòng chính phủ <u>Đức</u> : IRZ, BMJ, Viện thẩm phán Đức, BRAK, Đại học Humboldt Berlin, Cơ quan đào tạo pháp lý Berlin
12.– 13.08.2010	Hội thảo	„Chuyên gia kiến thức-Điều cần thiết của một Quốc hội hiệu quả“	Hà Nội, Hạ Long	<u>VN</u> : VLA, Ủy ban Tư pháp của quốc hội <u>Đức</u> : KAS Hà Nội
16.– 20.08.2010	Hội thảo	Sửa đổi luật lao động Việt Nam	Hà Nội	<u>VN</u> : Văn phòng Chính phủ, NV, MoLISA, ĐH Luật Hà Nội, ISR, VFF, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Vietnam Cooperative Alliance, UPI Pharmaceutical <u>Đức</u> : InWEnt (từ 01.01.2011 GIZ), Tòa Lao động Köln
26.08.2010	Chuyến đi khảo sát	Hành chính tư pháp tại Đức	Berlin	<u>VN</u> : Cơ quan hỗ trợ kinh tế Đức – Việt <u>Đức</u> : BMJ
04.– 14.09.2010	Chuyến đi khảo sát	„So sánh hệ thống và phân tích về luật lao động“	Bonn, Köln, Frankfurt a. M., Düsseldorf	<u>VN</u> : Văn phòng Chính phủ, NV, MoLISA, VFF, UPI Pharmaceutical <u>Đức</u> : InWEnt (từ 01.01.2011 GIZ)
07.09.2010	Hội thảo	„Vai trò và đạo đức của thẩm phán“	Hà Nội	<u>VN</u> : Viện Tư pháp, Đại học Luật Hà Nội, Thẩm phán của nhiều tòa án <u>Đức</u> : IRZ, DRiB, Sứ quán

Thời gian	Hình thức tổ chức	Chủ đề	Địa điểm	Thành phần tham dự
				Đức
17.– 18.09.2010	Hội thảo khu vực	„Di cư lao động sang các nước ASEAN và các nước láng giềng“	Hà nội	<u>VN</u> : Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội <u>Đức</u> : FES Hà nội
20.– 21.09.2010	Hội nghị quốc tế	„Chức năng giám sát pháp luật của quốc hội“	Hà nội	<u>VN</u> : Viện nghiên cứu Luật của Quốc hội, Nghị sĩ quốc hội <u>Đức</u> : FES Hà nội
28.– 29.09.2010	Hội thảo	„Thực thi luật qua công chứng viên“	Hà nội	<u>VN</u> : Học viện Tư pháp, Công chứng viên <u>Đức</u> : IRZ, BNotK, Đại sứ quán Đức
03.– 07.10.2010	Chuyến thăm cấp bộ trưởng	Chuyến thăm của Bộ trưởng tư pháp, hào nhập và châu Âu bang Hessen Jörg-Uwe Hahn	Hà nội	<u>VN</u> : MoJ, Văn phòng Chính phủ <u>Đức</u> : Bộ Tư pháp bang Hessen, Sứ quán Đức
05.– 06.10.2010	Trao đổi với các giảng viên	„Luật thương mại và Luật hành chính“	Hà nội	<u>VN</u> : ĐH Luật Hà nội, <u>Đức</u> : FES Hà nội, HTW Berlin
07.– 08.10.2010	Hội thảo	„So sánh luật tố tụng hành chính giữa Đức và Việt Nam“	Hà nội	<u>VN</u> : ĐH Luật Hà nội <u>Đức</u> : FES Hà nội, HTW Berlin, Đại học Justus-Liebig tại Giessen, BVerwG
18.– 19.10.2010	Hội thảo	„Những vấn đề cơ bản của luật hình sự, Phòng chống tội phạm, Vai trò của kiểm sát viên trong tòa hình sự, đặc biệt đối với các loại tội phạm trong lĩnh vực giao thông, ma túy, hối lộ và tham nhũng“	Hà nội	<u>VN</u> : VKSND tối cao <u>Đức</u> : BMJ, Sứ quán Đức, BGH, GBA
20.10.2010	Trao đổi về chương trình làm việc	„Triển khai chương trình 3 năm về đối thoại pháp luật Đức – Việt 2011, hợp tác trong tương lai giữa các Bộ Tư pháp“	Hà nội	<u>VN</u> : MoJ <u>Đức</u> : BMJ, Đại sứ quán Đức, BGH, GBA
21.10.2010	Thăm trại giam	Thăm trại giam Phú Sơn 4	Thái Nguyên	<u>VN</u> : VKSND tối cao, Bộ Công an, Trại giam Phú Sơn 4 <u>Đức</u> : BMJ, Sứ quán Đức, BGH, GBA
21.– 22.10.2010	Hội thảo	„Một vài câu hỏi về bố cục của Luật dân sự và luật tài sản“	Hà nội	<u>VN</u> : MoJ, ISR, Luật sư, Công chức <u>Đức</u> : IRZ, Đại học Martin-

Thời gian	Hình thức tổ chức	Chủ đề	Địa điểm	Thành phần tham dự
				Luther tại Halle-Wittenberg, Sứ quán Đức
03.11.2010	Hội thảo	„Đạo đức nghề nghiệp của Luật sư“	Hà nội	<u>VN</u> : VBF, Luật sư <u>Đức</u> : IRZ, BRAK, Sứ quán Đức
16.– 25.11.2010	Hội thảo	„Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, Luật sở hữu và Luật thương hiệu“	München, Karlsruhe, Frankfurt a. M.	<u>VN</u> : TAND tối cao <u>Đức</u> : BMJ, BGH, BPatG, DPMA, Văn phòng luật sư Duane Morris Freshfields Bruckhaus Deringer
22.– 26.11.2010	Đánh giá	Đánh giá hợp tác trong lĩnh vực pháp luật giữa Inwent và Văn phòng chính phủ 2010	Hà nội	<u>VN</u> : Văn phòng Chính phủ, NV, MoJ, MoLISA, MARD, VNU, Đại học Đông Đô, ISR, VFF, Hội LHPN, Đài TNVN, Tivi <u>Đức</u> : InWEnt (từ 01.01.2011 GIZ)
28.– 29.11.2010	Chuyến đi khảo sát	„Kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm tra biên giới và bảo vệ biên giới“	Berlin	<u>VN</u> : Ủy ban biên giới Bộ Ngoại giao <u>Đức</u> : BMJ
02.12.2010	Chuyến đi khảo sát	„Hành chính tư pháp tại Đức“	Berlin	<u>VN</u> : Học viện chính trị và hành chính quốc gia Hồ Chí Minh <u>Đức</u> : BMJ
05.– 12.12.2010	Chuyến đi khảo sát	„Phân cấp địa phương trong lĩnh vực tư pháp“	Berlin	<u>VN</u> : VNU <u>Đức</u> : RLS, BMJ
09.12.2010	Hội thảo	„Tư vấn về Luật chống buôn bán người“	Hà nội	<u>VN</u> : MoJ <u>Đức</u> : IRZ
11.– 23.12.2010	Chuyến đi khảo sát	„Những bảo đảm của hiến pháp và những khả năng thực hiện quyền tự do ngôn luận, tự do thông tin và tự do hội họp“	Berlin	<u>VN</u> : Ban Tuyên giáo trung ương, Cơ quan hỗ trợ kinh tế Đức – Việt <u>Đức</u> : BMJ, BMI, SPD, Cơ quan báo chí Liên bang, Hội xuất bản báo Đức, Hội báo chí, Cơ quan thông tin báo chí, Đài PTTH Bắc Đức, Nhà xuất bản Henke
12.– 16.12.2010	Hội thảo	„Vai trò của Luật sư trong quá trình điều tra của Viện kiểm sát“	Berlin	<u>VN</u> : VBF <u>Đức</u> : IRZ, BMJ, BRAK, Đoàn luật sư Hansa Hamburg, Tòa án quận Berlin-Tiergarten, JVA Berlin-Tegel
15.12.2010	Điều phối	„Kiểm tra quá trình thực hiện kế hoạch 3 năm trong	Hà nội	<u>VN</u> : trong đó có MoJ, VKSNN tối cao, TAND

Thời gian	Hình thức tổ chức	Chủ đề	Địa điểm	Thành phần tham dự
		lĩnh vực Pháp luật và Tư pháp giữa Việt Nam và Đức“		tối cao, Cục Sở hữu trí tuệ, ĐH Luật Hà nội Đức: KAS Hà nội, Sứ quán Đức, FES Hà nội, InWEnt (từ 01.01.2011 GIZ), DED (từ 01.01.2011 GIZ)
15.12.2010	Công bố xuất bản	„Tòa hành chính“	Hà nội	VN: GS. TS. Nguyen Nhu Phat Đức: KAS Hà nội
<b>--- Năm thứ 3: 2011 ---</b>				
11.– 12.01.2011	Hội thảo	„Bảo vệ pháp lý trong tố tụng hành chính“	Hà nội	VN: MoJ, Viện khoa học pháp lý của TAND tối cao, Tòa án hành chính tối cao, VKSNN tối cao, ĐH Luật Hà Nội Đức: BMJ, IRZ, BVerwG, OVerwG Mecklenburg-Vorpommern, Văn phòng luật Brendel & Associates, Đại sứ quán Đức
10.02.2011	Hội nghị bàn tròn	„Trao đổi kinh nghiệm với các cơ quan đối tác Đức trong đối thoại Đức-Việt về nhà nước pháp quyền“	Berlin	DEU: trong đó có BMJ, AA, BMZ, BMI, BMF, BMWi, BMAS, BfJ, IRZ, DPMA, BGH, BRAK KAS, FES, GIZ, DAAD, GIGA
20.– 26.02.2011	Chuyến đi khảo sát (Thứ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thế Liên)	„Cải cách tư pháp và nhà nước pháp quyền- phương án, kinh nghiệm và những thách thức của Đức“	Berlin, Bremen, Bonn, Gießen, Frankfurt a. M.	VN: MoJ, ĐH luật Hà Nội, Đại sứ quán Việt Nam Đức: FES, FU Berlin, HTW Berlin, BMJ, Quốc hội liên bang, IRZ, đại học Bremen, Tòa án bang Bremen, Tòa án lao động bang Bremen, DAAD, trường ĐH Justus-Liebig ở Giessen, Đoàn luật sư Frankfurt a. M., Tòa án hành chính Frankfurt a. M.
20.– 27.02.2011	Hội thảo và thực tập	„Tổ chức và phương thức làm việc của cơ quan công tố ở Đức“	Berlin, Dresden	VN: TAND tối cao, TAND tỉnh Ninh Thuận, Tây Ninh, Cà Mau, Bà Rịa-Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Trường bồi dưỡng kiểm sát viên tại TP HCM, Ủy ban kiểm tra trung

Thời gian	Hình thức tổ chức	Chủ đề	Địa điểm	Thành phần tham dự
				ương đảng Đức: BMJ, Bộ tư pháp bang Sachsen, GStA Sachsen, BRAK
07.– 11.03.2011	Chuyến đi khảo sát	„Tur pháp dân sự và hình sự cũng như hành chính tư pháp ở Việt Nam“	Hà nội, Da Nang, Playku	VN: MoJ, TAND tối cao, Đoàn luật sư Việt Nam, Sở tư pháp Đà Nẵng, Gia Lai Đức: LG Mönchengladbach, AG Mön-chengladbach, AG Vierssen, AG Wupper-tal, OLG Düsseldorf, Viện công tố Mönchengladbach, Sở cảnh sát Mön-chengladbach, Đại sứ quán Đức
09.03.2011	Hội thảo	„Những chủ đề chính của công tác bảo vệ quyền con người“	Hà nội	VN: Viện quyền con người, Học viện chính trị và hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Công An Đức: IRZ, trường ĐH Trier, Đại sứ quán Đức
10.– 11.03.2011	Hội thảo	„Đánh giá chứng cứ từ góc độ của thẩm phán và của luật sư“	Hà nội	VN: Học viện Tư pháp, TAND tối cao, Tòa án Hà Nội, ĐH Luật Hà Nội, Đoàn luật sư Hà Nội Đức: IRZ, BRAK, DRiB, Đại sứ quán Đức
20.– 26.03.2011	Hội thảo	„Phòng chống tội phạm“	Wiesbaden	VN: Tổng cục phòng chống tội phạm, Bộ Công an Đức: BMJ, BKA
21.– 25.03.2011	Hội thảo	„Tương trợ tư pháp trong các vụ án hình sự“	Berlin, Swiecko/Ba Lan	VN: VKSND tối cao (Vụ điều tra án an ninh, Vụ tạm giữ, tạm giam và giáo dục người chấp hành án phạt tù, Vụ điều tra án ma túy, Vụ điều tra án hình sự, Vụ điều tra án tham nhũng, Vụ kiểm sát thi hành án, Vụ hợp tác quốc tế, Vụ tương trợ tư pháp hình sự quốc tế, Vụ điều tra án kinh tế), Bộ Công an (Vụ pháp chế), MoJ (Vụ tương trợ tư pháp hình sự quốc tế), VKSND TP HCM, TAND tối cao, VBF Đức: BMJ, BMI, Cảnh sát

Thời gian	Hình thức tổ chức	Chủ đề	Địa điểm	Thành phần tham dự
				liên bang, Viện công tố Berlin, Viện công tố München, Viện công tố Frankfurt a. M., BRAK, Viện nhân quyền Đức, BMZ, AA, JVA Berlin-Charlottenburg, BGH, Joint Centre for German-Polish Police and Customs Cooperation
27.03.–02.04.2001	Hội thảo	„Cải cách Bộ luật dân sự“	Fischbachau	VN: MoJ, ĐH Luật Hà Nội Đức: IRZ, BMJ
31.03.2011	Họp	„Trao đổi kinh nghiệm với các cơ quan đối tác Đức trong đối thoại Đức-Việt về nhà nước pháp quyền tại Việt Nam“	Hà nội	Đức: Đại sứ quán Đức, KAS Hà nội, FES Hà nội, GIZ
05.–06.04.2011	Hội thảo chuyên ngành	„Những điều chỉnh pháp luật nhằm bảo đảm phát triển bền vững ở Việt Nam và Đức“	Hà nội	VN: ĐH Luật Hà Nội Đức: FES Hà nội, HTW Berlin, VerwG Frankfurt a. M., trường ĐH Bremen
07.04.2011	Trao đổi với các giảng viên	„Pháp luật môi trường“	Hà nội	VN: ĐH Luật Hà Nội Đức: FES Hà nội, VerwG Frankfurt a. M.
08.04.2011	Hội thảo	„Pháp luật xã hội“	Hà nội	VN: Ủy ban xã hội của quốc hội Đức: FES Hà nội
13.04.11	Tham luận (cụm Bộ trưởng Bộ Tư pháp liên bang)	„Cải cách hành chính và tòa án“	Can Tho	VN: Đức: FES Hà nội
14.04.2011	Tham luận (cụm Bộ trưởng Bộ Tư pháp liên bang)	„Cải cách hiến pháp – Chức năng của hiến pháp trong nhà nước pháp quyền hiện đại“	Hà nội	VN: Viện nghiên cứu công tác lập pháp Đức: FES Hà nội
14.04.2011	Tham luận (cụm Bộ trưởng Bộ Tư pháp liên bang)	„Xây dựng hệ thống tòa án trong nhà nước pháp quyền“	Hà nội	VN: MoJ Đức: FES Hà nội
14.04.2011	Gặp gỡ các chuyên gia khoa học pháp lý từng được DAAD và FES cấp học bổng và Tham luận (cụm Bộ trưởng Bộ Tư pháp liên bang)	„Phòng chống tham nhũng – kinh nghiệm của Đức“	Hà nội	VN: Đức: FES Hà nội, DAAD
15.04.2011	Tham luận	„Sự độc lập của tòa án và thẩm phán trong nhà nước“	Hà nội	VN: ĐH Luật Hà nội ĐEU: FES Hà nội

<b>Thời gian</b>	<b>Hình thức tổ chức</b>	<b>Chủ đề</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Thành phần tham dự</b>
		pháp quyền – kinh nghiệm của Đức“		
15.04.2011	Giảng bài bằng Video	„Giới thiệu pháp luật hành chính Đức“	Hà nội	VN ĐH Luật Hà nội DEU; FES Hà nội



--- Ký hiệu viết tắt ---

AI	Tổ chức ân xá quốc tế
BDVR	Hiệp hội thẩm phán hành chính Liên bang
BfJ	Cục tư pháp Liên bang
BGB	Bộ Luật dân sự
BGH	Tòa tối cao liên bang
BKA	Cơ quan cảnh sát điều tra Liên bang
BKAmt	Phủ Thủ tướng liên bang
BMAS	Bộ Lao động và Xã hội Liên bang
BMF	Bộ Tài chính Liên bang
BMI	Bộ Nội vụ Liên bang
BMJ	Bộ Tư pháp Liên bang
BMWi	Bộ Kinh tế và Công nghệ Liên bang
BMZ	Bộ Hợp tác kinh tế và Phát triển Liên bang
BNotK	Đoàn công chứng viên Liên bang
BPatG	Tòa án sở hữu trí tuệ Liên bang
BRAK	Đoàn luật sư Liên bang
BVerfG	Tòa án hiến pháp Liên bang
BVerwG	Tòa án Hành chính Liên bang
DAAD	Cơ quan trao đổi hàn lâm Đức
DAV	Hội luật sư Đức
DED	Cơ quan phát triển Đức
DJB	Hội nữ luật gia Đức
DoLISA	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
DGVB	Hội chấp hành viên Liên bang
DPMA	Cơ quan sở hữu và thương hiệu
DRiB	Hội Thẩm phán Đức
EGMR	Tòa EU về Quyền con người
EuR	Hội đồng châu Âu
FES	Viện Friedrich-Ebert
FNS	Viện Friedrich-Naumann
FU Berlin	Trường đại học Tự do Berlin
GBA	Viện kiểm sát tối cao Liên bang
GIGA	Viện nghiên cứu toàn cầu và khu vực Đức
GIZ	Tổ chức hợp tác quốc tế Đức
GStA	Viện kiểm sát
GTZ	Tổ chức hợp tác kỹ thuật Đức
HCMS	Thành phố Hồ Chí Minh
HHRV	Hội thẩm phán Hamburg
HRW	Tổ chức nhân quyền “Human Rights Watch”
HSS	Viện Hanns-Seidel
HTW Berlin	Trường đại học kỹ thuật và kinh tế Berlin
HU Berlin	Trường đại học tổng hợp Humboldt Berlin
InWent	Tổ chức đào tạo quốc về và phát triển
IRZ	Viện hợp tác quốc tế về Pháp luật Đức

ISR	Viện Nhà nước và Pháp luật thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam
Nam	
JVA	Trại giam
KfW	Ngân hàng tái thiết Đức
KPV	Đảng cộng sản Việt Nam
LG	Tòa án Bang
LKA	Cơ quan cảnh sát điều tra Bang
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
MoI	Bộ Nội vụ
MoIT	Bộ Công thương
MoJ	Bộ Tư pháp
MoLISA	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
MPI	Viện Max-Planck
NV	Quốc hội
OLG	Tòa án tối cao của Bang
OVerwG	Tòa án hành chính tối cao
RLS	Viện Rosa-Luxemburg
SPD	Đảng Xã hội dân chủ Đức
VBF	Hội Luật sư Việt Nam
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VFF	Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam
VLA	Hội Luật gia Việt Nam
VN	Việt Nam
VNU	Trường đại học quốc gia
WUS	World University Service
ZK	Ban chấp hành trung ương Đảng

**--- Những thỏa thuận đã ký kết ---**

- „Tuyên bố chung về hợp tác trong lĩnh vực Pháp luật và Tư pháp“ ngày 29.02.2008 (Bộ ngoại giao Đức, Bộ ngoại giao Việt Nam)
- „Biên bản chung về việc thực hiện chương trình hợp tác ba năm trong lĩnh vực Pháp luật và Tư pháp“ ngày 16.04. 2009 (BMJ, MoJ)
- „Chương trình hợp tác ba năm (2009-2011) thực hiện Tuyên bố chung về hợp tác trong lĩnh vực Pháp luật và Tư pháp“ ngày 16.04.2009 (BMJ, MoJ)

**TUYÊN BỐ CHUNG, BIÊN BẢN CHUNG VÀ  
CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC 3 NĂM (2009-2011)**  
**Common Declaration, Common MOU,  
Three Year Cooperation Programme  
(2009 – 2011)**

**TUYÊN BỐ CHUNG  
VỀ  
HỢP TÁC TRONG LĨNH VỰC PHÁT LUẬT VÀ TƯ PHÁP  
GIỮA  
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
VÀ  
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC**

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Liên bang Đức, do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hai nước đại diện, sau đây gọi là "hai Bên",

Trên cơ sở mối quan hệ tốt đẹp giữa hai Nhà nước, hai Chính phủ và sự hợp tác sẵn có trong hoạt động xây dựng pháp luật và đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia pháp luật,

Với nhận thức về vai trò quan trọng của quan hệ hợp tác song phương trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp,

Với mong muốn tiếp tục củng cố mối quan hệ này nhằm tăng cường hiểu biết về Nhà nước pháp quyền, làm tốt hơn công tác xây dựng và thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, cũng như tăng cường năng lực của các thiết chế pháp luật,

Với sự tin tưởng rằng, sự hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa hai nước sẽ tạo ra những tiền đề và động lực quan trọng để tiếp tục tăng cường mối quan hệ hợp tác song phương trong những lĩnh vực quan trọng mà hai Bên cùng quan tâm,

Tuyên bố như sau:

1. Hai Bên đặt mục tiêu thúc đẩy quan hệ hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và

tư pháp, đặc biệt trong hoạt động xây dựng pháp luật, quản lý hành chính tư pháp, tương trợ tư pháp, cũng như trong việc đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp. Với mục tiêu này hai Bên hỗ trợ tổ chức các cuộc tọa đàm, thảo luận về chuyên môn, tổ chức các đoàn khảo sát, khóa đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, trao đổi văn bản pháp luật và các tài liệu liên quan đến hoạt động lập pháp và tư pháp mà hai Bên cùng quan tâm thông qua chương trình hợp tác hàng năm và các dự án cụ thể.

2. Hai Bên cùng chia sẻ quan điểm rằng, sự hợp tác trước hết cần được tiến hành trong những lĩnh vực sau đây:

(1) Thực hiện các công ước quốc tế mà hai Bên cùng ký kết hoặc tham gia;

(2) Tạo các tiền đề trong nước để gia nhập các công ước quốc tế mà hai Bên cùng quan tâm và đề xuất các biện pháp nhằm thực hiện các cam kết quốc tế phát sinh từ các công ước quốc tế đó;

(3) Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và địa vị pháp lý của các chức danh tư pháp như: thẩm phán, công tố viên, luật sư, công chứng viên và các chức danh tư pháp khác; khuyến nghị hợp tác về xây dựng pháp luật trong lĩnh vực này;

(4) Tiếp tục phát triển pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự, đặc biệt lưu ý các quy định pháp luật nhằm bảo đảm các quyền của chủ sở hữu và của người tiêu dùng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ;

(5) Tiếp tục phát triển pháp luật thương mại;

(6) Tiếp tục phát triển pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự;

(7) Tiếp tục phát triển pháp luật trong lĩnh vực phòng chống tham nhũng, thi hành án hình sự, cải thiện tình hình tương trợ tư pháp trong các vụ án hình sự, cũng như hợp tác với Tòa án hình sự quốc tế, trong đó có việc nghiên cứu khả năng gia nhập Quy chế Rome về Tòa án hình sự quốc tế;

(8) Tiếp tục phát triển ngành tư pháp và hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật với mục tiêu đảm bảo cho pháp luật được thực thi một cách toàn diện, kể cả việc nghiên cứu cơ chế phán quyết về những hành vi vi phạm Hiến pháp.

3. Để thực hiện hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp, Bộ Tư pháp hai Bên đảm nhận nhiệm vụ điều phối các biện pháp thực hiện. Để thực hiện hợp tác trong khuôn khổ Bản Tuyên bố chung này, hai Bộ Tư pháp thống nhất với nhau về chương trình hợp tác dài hạn và chỉ định cơ quan thích hợp của mỗi bên làm đầu mối giúp chuẩn bị và thực hiện các kế hoạch làm việc, thúc đẩy việc trao đổi thông tin thường xuyên giữa các cơ quan liên quan và duy trì quan hệ với Bộ Ngoại giao và Đại sứ quán cũng như với các cơ quan đào tạo và bồi dưỡng của hai nước.

Các nội dung và hình thức hợp tác cụ thể do hai Bộ Tư pháp thỏa thuận bằng thư trao đổi định kỳ hàng năm.

Việc thực hiện các hoạt động hợp tác được tiến hành trong khuôn khổ khả năng nhân lực, tổ chức và tài chính của mỗi Bên và cũng được thỏa thuận bằng thư trao đổi định kỳ hàng năm.

4. Hai Bên sẽ định kỳ xem xét, đánh giá kết quả hợp tác và, nếu cần thiết, sẽ bổ sung các lĩnh vực hợp tác.

Bản Tuyên bố chung có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bản Tuyên bố chung này được ký tại Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2008, thành bốn bản bằng tiếng Việt và tiếng Đức (mỗi Bên giữ hai bản); cả hai văn bản bằng tiếng Việt và tiếng Đức đều có giá trị như nhau.

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ  
NƯỚC CHXHCN  
VIỆT NAM  
PHẠM GIA KHIÊM  
PHÓ THỦ TƯỚNG  
BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO  
(đã ký)**

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ  
NƯỚC CỘNG HÒA  
LIÊN BANG ĐỨC  
TS. FRANK-WALTER STEIMEIER  
BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO  
(đã ký)**

**BIÊN BẢN CHUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH BA NĂM  
VỀ HỢP TÁC TRONG LĨNH VỰC PHÁP LUẬT VÀ TƯ PHÁP**

Bộ Tư pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Tư pháp Liên bang nước Cộng hòa Liên bang Đức (sau đây gọi tắt là “hai Bên”);

Nhằm tăng cường hơn nữa sự hiểu biết về pháp luật, hệ thống pháp luật và các thiết chế pháp luật của mỗi nước và thực hiện thành công Bản Tuyên bố chung về hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa Chính phủ hai nước,

Với mong muốn tiếp tục củng cố mối quan hệ này nhằm tăng cường hiểu biết về Nhà nước pháp quyền, làm tốt hơn công tác xây dựng và thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, cũng như tăng cường năng lực của các thiết chế pháp luật,

Với sự tin tưởng rằng, sự hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa hai nước sẽ tạo ra những tiền đề và động lực quan trọng để tiếp tục tăng cường mối quan hệ hợp tác song phương trong những lĩnh vực quan trọng mà hai Bên cùng quan tâm,

đã cùng tuyên bố như sau:

**I. Cơ sở hợp tác**

Hai Bên có ý định hợp tác với nhau thực hiện Tuyên bố chung về hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp giữa Chính phủ hai nước đã được ký ngày 29 tháng 2 năm 2008 phù hợp với pháp luật và quy định tương ứng của mỗi nước trên cơ sở cùng có lợi, tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau.

**II. Các lĩnh vực hợp tác**

Sự hợp tác có thể bao gồm các lĩnh vực sau đây:

1. Thực hiện các Công ước quốc tế mà hai Bên cùng ký kết hoặc tham gia;
2. Tạo các tiền đề trong nước để gia nhập các Công ước quốc tế mà hai Bên cùng quan tâm và đề xuất các biện pháp nhằm thực hiện các cam kết quốc tế phát sinh từ các Công ước quốc tế đó;
3. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và địa vị pháp lý của các chức danh tư pháp như Thẩm phán, Công tố viên, Luật sư, Công chứng viên và các chức danh tư pháp khác; khuyến nghị hợp tác về xây dựng pháp luật trong các lĩnh vực này;
4. Tiếp tục phát triển pháp luật Dân sự và Tố tụng dân sự;
5. Tiếp tục phát triển pháp luật Thương mại;
6. Tiếp tục phát triển pháp luật về Lao động, Công đoàn và Xã hội;
7. Tiếp tục phát triển pháp luật Hình sự và pháp luật Tố tụng hình sự;
8. Tiếp tục phát triển pháp luật trong lĩnh vực phòng chống tham nhũng, các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thi hành án hình sự, cải thiện tình hình tương trợ tư pháp trong các vụ án hình sự với mục tiêu đảm bảo cho pháp luật được thực thi một cách toàn diện;
9. Tiếp tục phát triển ngành tư pháp và hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật với mục tiêu đảm bảo cho pháp luật được thực thi một cách toàn diện, kể cả việc nghiên cứu về cơ quan tài phán những hành vi vi phạm Hiến pháp;
10. Xây dựng tài liệu và cơ sở dữ liệu về pháp luật và tư pháp của Việt Nam và Đức;
11. Hỗ trợ thành lập Viện Pháp luật Đức.

Các lĩnh vực mà hai Bên dự kiến hợp tác trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2011 được thể hiện trong Chương trình hợp tác ba năm đính kèm theo Biên bản chung này.

### **III. Hình thức hợp tác**

1. Các hình thức hợp tác sau đây có thể được thực hiện:

- a) Trao đổi tài liệu và ấn phẩm về pháp luật và tư pháp;
- b) Trao đổi các đoàn đi nghiên cứu, khảo sát, công tác, bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn, giảng dạy;
- c) Xây dựng và tăng cường các hình thức trao đổi phù hợp và các hình thức hợp tác khác giữa các cơ quan chuyên môn có liên quan, các trường đại học, các công ty luật tư nhân và các tổ chức hữu quan khác;
- d) Phát triển và hỗ trợ hoạt động hợp tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao kiến thức và các hình thức liên kết giữa các cơ quan và tổ chức hữu quan;
- e) Tăng cường đào tạo ngành pháp luật bậc đại học và sau đại học;
- f) Tăng cường giao lưu thông qua các buổi thuyết giảng, hội nghị, hội thảo và các tọa đàm khoa học;
- g) Thúc đẩy và tăng cường hợp tác giữa các giới tư nhân hoạt động hành nghề pháp luật; và
- h) Hỗ trợ và đẩy mạnh hoạt động thông tin, phổ biến giáo dục pháp luật của mỗi nước thông qua báo chí và trang web Việt-Đức.

2. Hai Bên có thể bổ sung vào bất cứ lúc nào các hình thức hợp tác mới trong khuôn khổ các lĩnh vực được ghi trong Biên bản này.

### **IV. Kinh phí hoạt động**

1. Kinh phí cho các hoạt động hợp tác sẽ do hai Bên, hoặc do các cơ quan có liên quan trực tiếp tiến hành hoạt động hợp tác thảo luận, đề xuất và thống nhất.
2. Mọi biện pháp hợp tác trong Chương trình ba năm sẽ được thực hiện theo khả năng đáp ứng của kinh phí; nguồn kinh phí có thể được tìm kiếm từ bên thứ ba.
3. Để thực hiện thành công Kế hoạch ba năm đầu (2009 -2011) Bộ Tư pháp Liên bang dự kiến sẽ đề nghị Chính phủ Cộng hoà Liên bang Đức hỗ trợ tài chính.



## **V. Cơ quan đầu mối**

1. Hai Bên điều phối và thực hiện các hoạt động hợp tác thông qua các cơ quan đầu mối của mình, do mỗi Bên chỉ định.
2. Hai Bên dự kiến chỉ định Vụ Hợp tác Quốc tế Bộ Tư pháp Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Viện Konrad-Adenauer Cộng hoà Liên bang Đức tại Việt Nam làm cơ quan đầu mối của mình.
3. Hai cơ quan đầu mối này có thể giúp chuẩn bị và thực hiện các kế hoạch làm việc, thúc đẩy việc trao đổi thông tin thường xuyên giữa các cơ quan liên quan và duy trì quan hệ với Bộ Ngoại giao và Đại sứ quán cũng như với các cơ quan đào tạo và bồi dưỡng của hai nước.

Biên bản này được ký thành hai bản bằng tiếng Việt và tiếng Đức.

Ký tại Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2009

**ĐINH TRUNG TỤNG**  
THỨ TRƯỞNG  
TM. BỘ TƯ PHÁP  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
(đã ký)

**LUTZ DIWELL**  
QUỐC VỤ KHANH  
TM. BỘ TƯ PHÁP LIÊN BANG  
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC  
(đã ký)

**CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC BA NĂM (2009 -2011)**  
THỰC HIỆN TUYÊN BỐ CHUNG  
VỀ HỢP TÁC TRONG LĨNH VỰC PHÁT LUẬT VÀ TƯ PHÁP  
GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

**I. Thực hiện các Công ước quốc tế mà hai Bên cùng ký kết hoặc tham gia**

**1. Hỗ trợ việc thực thi các quy định của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO compliance), đặc biệt là Hiệp định về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS)**

Đối tác Việt Nam:

Bộ Tư pháp, Bộ Công thương, Đại học quốc gia Hà Nội

Đối tác Đức:

Bộ Tư pháp Liên bang, Bộ Kinh tế và Công nghệ Liên bang

**2. Hỗ trợ việc thực thi pháp luật quốc tế về biển**

Đối tác Việt Nam:

Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Đại học quốc gia Hà Nội

Đối tác Đức:

Hội pháp luật biển quốc tế của Đức

**3. Thực thi pháp luật hình sự quốc tế**

Đối tác Việt Nam:

Bộ Tư pháp, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an

Đối tác Đức:

Bộ Tư pháp Liên bang và Viện Max-Planck về pháp luật hình sự nước ngoài và quốc tế Freiburg (Gs. Ts. Ulrich Sieber)

**4. Hỗ trợ thực hiện Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR) của Liên hợp quốc**

Đối tác Việt Nam:

Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp

Đối tác Đức:  
Bộ Tư pháp Liên bang, Bộ Ngoại giao

## **II. Tạo các tiền đề trong nước để gia nhập các công ước quốc tế mà hai Bên cùng quan tâm và đề xuất các biện pháp nhằm thực hiện các cam kết quốc tế phát sinh từ các công ước quốc tế đó**

### **1. Trao đổi về việc gia nhập các Công ước La Hay về pháp luật dân sự quốc tế**

Đối tác Việt Nam: Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao  
Đối tác Đức: Bộ Tư pháp Liên bang, Bộ Ngoại giao

### **2. Pháp luật bảo vệ môi trường**

Đối tác Việt Nam: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Viện Khoa học xã hội Việt Nam  
Đối tác Đức: Trường Đại học Tổng hợp Tự do Berlin (Gs. Ts. Philip Kunig)

## **III. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và địa vị pháp lý của các chức danh tư pháp như thẩm phán, công tố viên, Luật sư, Công chứng viên và các chức danh tư pháp khác; khuyến nghị hợp tác về xây dựng pháp luật trong lĩnh vực này**

### **1. Trao đổi về vị trí của Viện Công tố trong Nhà nước và xã hội**

Đối tác Việt Nam: Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao  
Đối tác Đức: Bộ Tư pháp Liên bang, Viện Tổng Công tố Liên bang

### **2. Trao đổi về vị trí của Luật sư trong Nhà nước và xã hội**

Đối tác Việt Nam: Bộ Tư pháp  
Đối tác Đức: Bộ Tư pháp Liên bang, Đoàn Luật sư Liên bang, Hội Luật sư Đức

### **3. Bồi dưỡng chuyên môn cho Luật sư**

Đối tác Việt Nam: Bộ Tư pháp  
Đối tác Đức: Bộ Tư pháp Liên bang, Đoàn Luật sư Liên bang, Hội Luật sư Đức

### **4. Tăng cường năng lực nghề nghiệp cho Công chứng viên**

Đối tác Việt Nam: Bộ Tư pháp

Đối tác Đức: Bộ Tư pháp Liên bang, Đoàn Công chứng viên Liên bang

#### **5. Tăng cường năng lực thi hành án dân sự và năng lực Chấp hành viên**

Đối tác Việt Nam: Bộ Tư pháp

Đối tác Đức: Bộ Tư pháp Liên bang, Liên hiệp Chấp hành viên

#### **6. Tăng cường đào tạo và năng lực chuyên môn cho Chấp hành viên và các chức danh tư pháp khác**

Đối tác Việt Nam: Bộ Tư pháp

Đối tác Đức: Bộ Tư pháp Liên bang, cơ quan tư pháp bang

#### **7. Tăng cường công tác y pháp**

Đối tác Việt Nam: Bộ Tư pháp

Đối tác Đức: Bộ Tư pháp Liên bang, Viện Hàn lâm thẩm phán

### **IV. Pháp luật dân sự và tố tụng dân sự**

#### **1. Hỗ trợ soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLDS liên quan đến pháp luật về hợp đồng và sở hữu**

Đối tác Việt Nam: Bộ Tư pháp, Bộ Công thương

Đối tác Đức: Bộ Tư pháp Liên bang

#### **2. Hỗ trợ soạn thảo một số các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ Luật dân sự sửa đổi trong các lĩnh vực đăng ký bất động sản, bồi thường thiệt hại, thừa kế và các lĩnh vực khác**

Đối tác Việt Nam: Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Đối tác Đức: Bộ Tư pháp Liên bang

#### **3. Quy trình lập pháp cũng như việc thực hiện và áp dụng pháp luật ở Đức và Châu Âu**

Đối tác Việt Nam: Bộ Tư pháp

Đối tác Đức: Bộ Tư pháp Liên bang, Quốc hội Liên bang

#### **4. Bảo đảm các quyền của người tiêu dùng**

Đối tác Việt Nam: Bộ Tư pháp, Bộ Công thương, Hội bảo vệ người tiêu dùng  
Đối tác Đức: Bộ Tư pháp Liên bang

#### **5. Những quy định của Đức, Việt Nam và quốc tế về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và việc thực thi các quy định đó**

Đối tác Việt Nam: Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Đối tác Đức: Bộ Tư pháp Liên bang, Cục Sáng chế và nhãn hiệu Đức

### **V. Pháp luật Thương mại**

#### **1. Trao đổi về đăng ký doanh nghiệp và các nghĩa vụ của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân**

Đối tác Việt Nam: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp

Đối tác Đức: Bộ Tư pháp Liên bang

#### **2. Trao đổi về các nghĩa vụ thông tin và nghĩa vụ cân đối tài chính của các công ty cổ phần**

Đối tác Việt Nam: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp

Đối tác Đức: Bộ Tư pháp Liên bang

### **VI. Pháp luật về Lao động, Công đoàn và Xã hội**

Đối tác Việt Nam: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

Đối tác Đức: Viện Friedrich-Ebert

### **VII. Pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự**

#### **1. Bảo đảm các quyền của người tham gia tố tụng hình sự**

Đối tác Việt Nam: Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp

Đối tác Đức: Trường Đại học Tổng hợp Passau (Gs. Ts. Robert Esser)

#### **2. Những khả năng bảo vệ quyền cho phụ nữ**

Đối tác Việt Nam: Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Bộ Tư pháp

Đối tác Đức: Tổ chức phục vụ Phát triển Đức (DED)

### **3. Một số vấn đề thời sự trong pháp luật hình sự và tố tụng hình sự**

Đối tác Việt Nam: Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an

Đối tác Đức: Bộ Tư pháp Liên bang, Tòa án Tối cao Liên bang

### **4. Tương trợ tư pháp**

1. Trong lĩnh vực dân sự
2. Trong lĩnh vực hình sự
3. Nghiên cứu khả năng gia nhập Quy chế Rome về Tòa án hình sự quốc tế

Đối tác Việt Nam:

Mục 1: Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao

Mục 2: Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Bộ Công an

Mục 3: Bộ Tư pháp

Đối tác Đức: Bộ Tư pháp Liên bang

**VIII. Tiếp tục phát triển pháp luật trong lĩnh vực phòng chống tham nhũng, các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thi hành án hình sự, cải thiện tình hình tương trợ tư pháp trong các vụ án hình sự với mục tiêu đảm bảo cho pháp luật được thực thi một cách toàn diện**

### **1. Khả năng phòng chống tội phạm có tổ chức**

Đối tác Việt Nam:

Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

Đối tác Đức:

Trường Đại học Tổng hợp Passau (Gs. Ts. Robert Esser);

Viện Max-Planck về Pháp luật hình sự nước ngoài và quốc tế  
Freiburg (Gs. Ts. Ulrich Sieber)

### **2. Xây dựng pháp luật tố tụng hình sự và các thủ tục tố tụng tại Tòa án: loại hình phiên tòa thẩm vấn hay tranh tụng**

Đối tác Việt Nam:

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao

Đối tác Đức:

Trường Đại học Tổng hợp Passau (Gs. Ts. Robert Esser); Bộ Tư pháp Liên bang

### **3. Trao đổi về các khả năng phòng chống các tội phạm kinh tế/ tội tham nhũng**

Đối tác Việt Nam:  
Bộ Công an, Thanh tra Chính phủ

Đối tác Đức:  
Viện Max-Planck về Pháp luật hình sự nước ngoài và quốc tế tại Freiburg (Gs. Ts. Ulrich Sieber), Bộ Nội vụ Liên bang, Học viện Hành chính công Liên bang

### **4. Hợp tác nghiên cứu xây dựng ngân hàng dữ liệu về tiền án và bảo vệ dữ liệu cá nhân**

Đối tác Việt Nam:  
Bộ Tư pháp, Toà án nhân dân tối cao

Đối tác Đức:  
Bộ Tư pháp Liên bang, Cục Tư pháp Liên bang

## **IX. Tiếp tục phát triển ngành tư pháp và hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật với mục tiêu đảm bảo cho pháp luật được thực thi một cách toàn diện, kể cả việc nghiên cứu cơ chế phán quyết về những hành vi vi phạm Hiến pháp**

### **1. Các biện pháp tăng cường năng lực xây dựng luật của Quốc hội**

Đối tác Việt Nam:  
Văn phòng và các Ủy ban của Quốc hội

Đối tác Đức:  
Viện Konrad-Adenauer, Viện Friedrich-Ebert

### **2. Khả năng tiếp tục kiểm tra tính hợp hiến của văn bản pháp luật**

Đối tác Việt Nam:  
Các Ủy ban của Quốc hội, Bộ Tư pháp, Viện Nhà nước và pháp luật

Đối tác Đức:  
Viện Konrad-Adenauer, Trường Đại học Tổng hợp Tự do Berlin (Gs. Ts. Philip Kunig)

### **3. Hiện đại hóa quy trình và kỹ thuật lập pháp**

Đối tác Việt Nam:

Ủy ban pháp luật của Quốc hội, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ

Đối tác Đức:

Bộ Tư pháp Liên bang, Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang và Tổ chức Bồi dưỡng và Phát triển quốc tế (InWent)

#### **4. Trao đổi về vị trí của ngành tư pháp trong Nhà nước và xã hội; Chức năng và nhiệm vụ của các Tòa dân sự, lao động, hình sự và hành chính**

Đối tác Việt Nam:

Bộ Tư pháp, Tòa án Nhân dân tối cao

Đối tác Đức:

Bộ Tư pháp Liên bang, Viện Friedrich - Ebert

#### **5. Vai trò của các tổ chức xã hội dân sự trong Nhà nước pháp quyền**

Đối tác Việt Nam:

Bộ Nội vụ, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Ban Đối ngoại TW Đảng Cộng sản Việt Nam

Đối tác Đức:

Viện Konrad-Adenauer, Viện Friedrich-Ebert

#### **6. Hỗ trợ xây dựng và hoàn thiện các quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

Đối tác Việt Nam:

Bộ Tư pháp

Đối tác Đức:

Bộ Tư pháp Liên bang

#### **7. Tăng cường công tác rà soát và hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật**

Đối tác Việt Nam:

Bộ Tư pháp

Đối tác Đức:



Cục Tư pháp Liên bang, Công báo Đức

### **8. Tăng cường công tác thông tin, phổ biến và giáo dục ý thức pháp luật trong nhân dân, tư vấn pháp luật và hoàn thiện cơ sở pháp lý cho công tác này**

Đối tác Việt Nam:

Bộ Tư pháp, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Đối tác Đức:

Bộ Tư pháp Liên bang, Viện Friedrich-Ebert

### **9. Tăng cường trợ giúp pháp lý**

Đối tác Việt Nam: Bộ Tư pháp

Đối tác Đức: Bộ Tư pháp Liên bang

### **X. Xây dựng tài liệu và cơ sở dữ liệu về pháp luật và tư pháp của Việt Nam và Đức**

1. Tạp chí luật Việt - Đức,
2. Tự điển pháp luật Việt - Đức - Anh,
3. Văn bản pháp luật của Việt Nam và Đức,
4. Trang web Việt - Đức về các vấn đề về pháp luật và tư pháp,
5. Trang web về các cơ quan pháp luật và tư pháp của Việt Nam và Đức, cơ quan đầu mối và các cơ quan có thẩm quyền thực thi Tuyên bố chung

Đối tác Việt Nam:

Bộ Tư pháp

Đối tác Đức:

Bộ Tư pháp Liên bang, InWEnt

### **XI. Hỗ trợ thành lập Viện pháp luật Đức**

Đối tác Việt Nam:

Bộ Tư pháp

Đối tác Đức:

Viện Friedrich – Ebert

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2011  
VỚI BỘ TƯ PHÁP LIÊN BANG CHLB ĐỨC**  
**Approved Working Plan on the Cooperation  
between Vietnamese Agencies  
and German Federal Ministry of Justice 2011**

## BỘ TƯ PHÁP

### KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2011 VỚI BỘ TƯ PHÁP LIÊN BANG CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Stand 19/4/2011(NNH)

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ	ĐỀ XUẤT HỢP TÁC	HÌNH THỨC HỢP TÁC	THỜI GIAN	ĐỊA ĐIỂM	ĐỐI TÁC ĐỨC	GHI CHÚ
<b>Nhóm hoạt động I:<sup>1</sup> Thực hiện các Công ước quốc tế mà hai Bên cùng ký kết hoặc tham gia</b>						
	Không có hoạt động trong Nhóm này					
<b>Nhóm hoạt động II: Tạo các tiền đề trong nước để gia nhập các công ước quốc tế mà hai Bên cùng quan tâm và đề xuất các biện pháp nhằm thực hiện các cam kết quốc tế phát sinh từ các công ước quốc tế đó</b>						
<b>BTP (VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ, VỤ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ)</b>	<u>Hoạt động 1.</u> Kinh nghiệm về gia nhập Hội nghị Lahay về Tư pháp quốc tế, Công ước Lahay về miễn hợp pháp hóa giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp (Công ước Appostile), Công ước Lahay về tổng đạt giấy tờ	<b>- ĐOÀN RA</b> Khảo sát về kinh nghiệm thực tiễn của Đức và một số nước EU		- Đức - EU	- Bộ Tư pháp LB (BMJ)  - Văn phòng tư pháp LB (BfJ)  - Văn phòng đối ngoại LB (AA)	
<b>Nhóm hoạt động III: Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và địa vị pháp lý của các chức danh tư pháp như thẩm phán, công tố viên, Luật sư,</b>						

<sup>1</sup> Ghi theo số thứ tự hoạt động trong Chương trình hợp tác 3 năm 2009 - 2011

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ	ĐỀ XUẤT HỢP TÁC	HÌNH THỨC HỢP TÁC	THỜI GIAN	ĐỊA ĐIỂM	ĐỐI TÁC ĐỨC	GHI CHÚ
<b>Công chứng viên và các chức danh tư pháp khác; khuyến nghị hợp tác về xây dựng pháp luật trong lĩnh vực này</b>						
<b>ĐOÀN LSHN</b>  BTP (VỤ BỔ TRỢ TƯ PHÁP, VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ, HỌC VIỆN TƯ PHÁP)	<u>Hoạt động 2.</u>  2.1. Trao đổi pháp luật Đức và Châu Âu về luật sư, công chứng nhằm sửa đổi các văn bản pháp luật có liên quan của Việt Nam  2.2. Nâng cao năng lực giảng dạy cho giảng viên của Học viện Tư pháp	<b>- ĐOÀN RA</b> Đoàn khảo sát về hoạt động luật sư và công chứng của Đức	30/5 – 5/6	Đức	- Bộ Tư pháp LB (BMJ)  - Đoàn Luật sư LB (BRAK)  - Hiệp hội Luật sư Đức (DAV)  - BTP bang Bắc sông Ranh (NRW)	Ông Brink đã mời một đoàn 8 người sang khảo sát
<b>BTP (HỌC VIỆN TƯ PHÁP, TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ)</b>	<u>Hoạt động 3.</u>  Hỗ trợ trong việc nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về hoạt động thi hành án dân sự	<b>- ĐOÀN VÀO</b> Tổ chức hội thảo	Tháng 9/10	VN	Quỹ Hợp tác quốc tế Đức về pháp luật (IRZ)	
<b>VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO</b> BTP (HỌC VIỆN TƯ PHÁP)	<u>Hoạt động 4.</u>  Công tác đào tạo Công tố viên ở Đức và thảo luận CTHT 3 năm tiếp theo	<b>- ĐOÀN VÀO</b> Đoàn vào, Hội thảo	T10,11	VN	- Bộ Tư pháp LB (BMJ)  - Hiệp hội thẩm phán Đức (DRB)  - Tổng công tố Đức (GBA)	
<b>LIÊN ĐOÀN LSVN</b>	<u>Hoạt động 5.</u>				- Bộ Tư pháp LB (BMJ)	

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ	ĐỀ XUẤT HỢP TÁC	HÌNH THỨC HỢP TÁC	THỜI GIAN	ĐỊA ĐIỂM	ĐỐI TÁC ĐỨC	GHI CHÚ
BTP (VỤ BỔ TRỢ TƯ PHÁP, ĐOÀN LUẬT SƯ HÀ NỘI)	Hệ thống kỹ luật trong Liên đoàn Luật sư				- Đoàn Luật sư LB (BRAK)	
<b>ĐOÀN LS HÀ NỘI</b> LIÊN ĐOÀN LSVN BTP (VỤ BỔ TRỢ TƯ PHÁP, VỤ TCCB)	<u>Hoạt động 6.</u> Đào tạo nâng cao cho Luật sư	- <b>ĐOÀN RA</b>	T11	Đức	- Quỹ Hợp tác quốc tế Đức về pháp luật (IRZ)  - Đoàn Luật sư LB (BRAK)	
<b>BTP (HỌC VIỆN TƯ PHÁP, VỤ BỔ TRỢ TƯ PHÁP)</b>	<u>Hoạt động 7.</u> Tìm hiểu và học tập về đào tạo tư pháp và Luật công chứng của CHLB Đức	- <b>ĐOÀN RA</b>	27/6 – 2/7	Đức	- Quỹ Hợp tác quốc tế Đức về pháp luật (IRZ)  - Phòng công chứng liên bang (BnotK)  - Đoàn Luật sư LB (BRAK)	
<b>Nhóm hoạt động IV: Pháp luật dân sự và tố tụng dân sự</b>						
<b>BTP (HỌC VIỆN TƯ PHÁP)</b>	<u>Hoạt động 8.</u> Đánh giá và sử dụng chứng cứ trong vụ án Dân sự	- <b>ĐOÀN VÀO</b> Tổ chức Hội thảo	T3	VN	- Quỹ Hợp tác quốc tế Đức về pháp luật (IRZ)  - Tòa án LB (BGH)	<i>Đã thực hiện</i>

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ	ĐỀ XUẤT HỢP TÁC	HÌNH THỨC HỢP TÁC	THỜI GIAN	ĐỊA ĐIỂM	ĐỐI TÁC ĐỨC	GHI CHÚ
					- Đoàn Luật sư LB (BRAK)	
<b>BTP (VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ KINH TẾ)</b>	<u>Hoạt động 9.</u>  Nghiên cứu các quy định của BLDS Đức phục vụ việc soạn thảo Bộ luật Dân sự Việt Nam	- <b>ĐOÀN RA</b> Đoàn khảo sát Vụ DSKT và các cơ quan liên quan tại Munich	T3	Đức	Quỹ Hợp tác quốc tế Đức về pháp luật (IRZ)	<i>IV Đã thực hiện</i>
<b>BTP (VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ KINH TẾ, VIỆN KHOA HỌC PHÁP LÝ)</b>	<u>Hoạt động 10.</u>  Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước	- <b>ĐOÀN VÀO</b> Tổ chức Hội thảo	T10?	VN	- Bộ Tư pháp LB (BMJ)  - Max Planck Society for int. Civil Law (MPI)  - bang Hamburg	
<b>BTP (CỤC ĐĂNG KÝ QUỐC GIA GIAO DỊCH BẢO ĐẢM, VỤ PHÁP LUẬT DSKT)</b>	<u>Hoạt động 11( IV.1).</u>  Hỗ trợ sửa đổi, bổ sung BLDS 2005 phần về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự và đăng ký giao dịch bảo đảm	- <b>ĐOÀN VÀO</b> Hỗ trợ tổ chức HT trao đổi kinh nghiệm giữa các chuyên gia pháp lý của Đức và các chuyên gia của Việt Nam	T7 -12	VN	- Quỹ Hợp tác quốc tế Đức về pháp luật (IRZ)  - Hiệp hội thẩm phán Đức (DRB)	
<b>BỘ CÔNG THƯƠNG  (CỤC QUẢN LÝ CẠNH TRANH - BỘ CÔNG</b>	<u>Hoạt động 12.</u>  Tổ chức hội thảo tuyên truyền về pháp luật bảo vệ người tiêu dùng tại Việt Nam	- <b>ĐOÀN VÀO</b> Hội thảo	15/3/2011 (ngày tiêu dùng thế giới)	VN	Tổng Cục tiêu dùng – Bộ Lương thực, nông nghiệp và Bảo vệ người tiêu dùng Đức	

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ	ĐỀ XUẤT HỢP TÁC	HÌNH THỨC HỢP TÁC	THỜI GIAN	ĐỊA ĐIỂM	ĐỐI TÁC ĐỨC	GHI CHÚ
<b>THƯƠNG)</b>						
<b>BTP (HỌC VIỆN TƯ PHÁP, ĐHL HN)</b>	<u>Hoạt động 13.</u>  Tìm hiểu các quy định và thực tiễn bảo hộ quyền trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, luật bất động sản của CHLB Đức	- <b>ĐOÀN RA</b>	T9/10	Đức (Munich)	- Quỹ Hợp tác quốc tế Đức về pháp luật (IRZ) - Hiệp hội thẩm phán Đức (DRB)	
<b>BTP (CỤC ĐĂNG KÝ QUỐC GIA GIAO DỊCH BẢO ĐẢM)</b>	<u>Hoạt động 14. (IV.2)</u>  14.1 Hỗ trợ nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện pháp luật về đăng ký bất động sản	- <b>ĐOÀN VÀO</b> Hội thảo	15-19/8	VN	- Viện Konrad Adenauer (KAS)	
	14.2 Nghiên cứu, tìm hiểu kinh nghiệm của Đức về pháp luật bất động sản và đăng ký bất động sản	- <b>ĐOÀN RA</b> Tổ chức đi nghiên cứu, khảo sát tại Đức		Đức	IRZ	
<b>Nhóm hoạt động V: Pháp luật Thương mại</b>						
	Không có hoạt động trong Nhóm này					
<b>Nhóm hoạt động VI: Pháp luật về Lao động, Công đoàn và Xã hội</b>						
<b>BỘ LĐ-TB-XH</b>	<u>Hoạt động 15.</u>  Pháp luật về Lao động, Công đoàn và Xã hội				Bộ Lao động và xã hội LB (BMAS)	

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ	ĐỀ XUẤT HỢP TÁC	HÌNH THỨC HỢP TÁC	THỜI GIAN	ĐỊA ĐIỂM	ĐỐI TÁC ĐỨC	GHI CHÚ
<b>Nhóm hoạt động VII: Pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự</b>						
<b>ĐOÀN LSHN</b>  TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO  VIỆN KIỂM SÁT NDTC  BTP (VỤ PLHSHC, Viện KHPL)	<u>Hoạt động 16.</u>  Pháp luật Đức và Châu Âu về Hình sự và Tố tụng hình sự, tư pháp hình sự:  16.1. Kỹ năng xét xử và tranh tụng trong vụ án hình sự  16.2. Tham dự một số phiên tòa xét xử về hình sự	- <b>ĐOÀN RA</b> Tổ chức đi nghiên cứu, khảo sát tại Đức	T9	Đức/VN	- Bộ Tư pháp LB (BMJ)  - Quỹ Hợp tác quốc tế Đức về pháp luật (IRZ)  - Hiệp hội Luật sư Đức (DAV)	
<b>TÒA ÁN NDTC</b>  BTP (VỤ PL HSHC, TRƯỜNG ĐHL HN)	<u>Hoạt động 17.</u>  Giải quyết các tranh chấp về hành chính	- <b>ĐOÀN RA</b> Tổ chức đi nghiên cứu, khảo sát tại Đức	T7	Đức	- Quỹ Hợp tác quốc tế Đức về pháp luật (IRZ)  - Tòa Hành chính LB (BVerwG)	
<b>TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO</b>  BTP (VỤ PL DSKT)	<u>Hoạt động 18.</u>  Giải quyết các vụ án dân sự (bắt giữ tàu biển, tranh chấp Quyền SHTT)	- <b>ĐOÀN RA</b> Tổ chức đi nghiên cứu, khảo sát tại Đức	T10	Đức	- Quỹ Hợp tác quốc tế Đức về pháp luật (IRZ)  - Tòa sáng chế LB (BPatG)  - Max Planck Society for int. Civil Law (MPI)	



CƠ QUAN/ĐƠN VỊ	ĐỀ XUẤT HỢP TÁC	HÌNH THỨC HỢP TÁC	THỜI GIAN	ĐỊA ĐIỂM	ĐỐI TÁC ĐỨC	GHI CHÚ
					- bang Hamburg  - Hiệp hội Đức về Luật biển quốc tế (DVIS)	
<b>VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO</b>  TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO  BTP (VỤ HTQT)  LIÊN ĐOÀN LSVN	<u>Hoạt động 19 (VII.4).</u>  Hội thảo về Tương trợ tư pháp Hình sự	- <b>ĐOÀN RA</b> Đoàn ra liên ngành (phối hợp BTP, Tòa án, Liên đoàn Luật sư VN)	T3	Đức	- Bộ Tư pháp LB (BMJ)	<i>Đã thực hiện</i>
<b>VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO</b>  TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO  BTP (VỤPLHSHC)  LIÊN ĐOÀN LSVN	<u>Hoạt động 20 (VII+_VIII.2).</u>  Mô hình tổ tụng hình sự của Việt Nam	- <b>ĐOÀN VÀO</b> Tổ chức Hội thảo	T9	VN	- Bộ Tư pháp LB (BMJ)  - Prof. Esser  - Đoàn Luật sư LB (BRAK)  - Hiệp hội Luật sư Đức (DAV)	
<b>Nhóm hoạt động VIII: Tiếp tục phát triển pháp luật trong lĩnh vực phòng chống tham nhũng, các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thi hành án hình sự, cải thiện tình hình tương trợ tư pháp trong các vụ án hình sự với mục tiêu đảm bảo cho pháp luật được thực thi</b>						

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ	ĐỀ XUẤT HỢP TÁC	HÌNH THỨC HỢP TÁC	THỜI GIAN	ĐỊA ĐIỂM	ĐỐI TÁC ĐỨC	GHI CHÚ
<b>một cách toàn diện</b>						
<b>VP BAN CHỈ ĐẠO TW VỀ PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG</b>  BTP (VỤ PL HSHC)	<u>Hoạt động 21.</u>  Nghiên cứu kinh nghiệm về phòng, chống tham nhũng tại Đức	- <b>ĐOÀN VÀO</b> Tổ chức HT quốc tế		VN	- Bộ Tư pháp LB (BMJ)  - Sachsen  - Bộ Nội vụ LB (BMI)  - Hiệp hội Luật sư Đức (DAV)	
<b>BTP (VỤ HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP)</b>	<u>Hoạt động 22 (VIII.4).</u>  Lý lịch tư pháp	- <b>ĐOÀN VÀO</b> Tổ chức HT quốc tế	31/10-4/11	VN	Viện Konrad Adenauer (KAS)	
<b>Nhóm hoạt động IX: Tiếp tục phát triển ngành tư pháp và hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật với mục tiêu đảm bảo cho pháp luật được thực thi một cách toàn diện, kể cả việc nghiên cứu cơ chế phán quyết về những hành vi vi phạm Hiến pháp</b>						
<b>BTP (VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ)</b>	<u>Hoạt động 23.</u>  Hội thảo về khuôn khổ pháp luật quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp (hỗ trợ sửa đổi Nghị định 78/2008/ND-CP ngày 17/7/2008)	- <b>ĐOÀN VÀO</b> Tổ chức Hội thảo		VN	- Bộ Tư pháp LB (BMJ)	
<b>BTP</b>	<u>Hoạt động 24.</u>	- <b>ĐOÀN RA</b>	T5,6	Đức	- Bang Bắc sông	

<b>CƠ QUAN/ĐƠN VỊ</b>	<b>ĐỀ XUẤT HỢP TÁC</b>	<b>HÌNH THỨC HỢP TÁC</b>	<b>THỜI GIAN</b>	<b>ĐỊA ĐIỂM</b>	<b>ĐỐI TÁC ĐỨC</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<b>(VỤ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, VĂN PHÒNG BỘ, VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ)</b>	<p>24.1. Trao đổi, học tập kinh nghiệm xây dựng quy hoạch, kế hoạch tổng thể phát triển Ngành và triển khai công tác thống kê;</p> <p>24.2. Trao đổi về công tác xây dựng Chương trình, kế hoạch công tác của Ngành Tư pháp hàng năm và năm năm.</p>	Tổ chức Đoàn ra			<p>Ranh (NRW)</p> <p>- Văn phòng tư pháp LB (BfJ)</p> <p>- Phòng Thống kê LB Đức (DeStat)</p>	
<b>BTP (VỤ PLSHC)</b>	<p><u>Hoạt động 25 (IX.1).</u></p> <p>Hỗ trợ nghiên cứu đề đề xuất đưa vào chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh của Quốc hội khóa XIII dự án Luật ban hành quyết định hành chính</p>	<b>- ĐOÀN VÀO</b> Hội thảo		VN	<p>- Xã hội Đức về hợp tác quốc tế (GIZ)</p> <p>- Bộ Tư pháp LB (BMJ)</p>	
<b>BTP (CỤC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ)</b>	<p><u>Hoạt động 26.</u></p> <p>Hỗ trợ tăng cường năng lực cho người thực hiện trợ giúp pháp lý ở 10-15 địa phương có điều kiện kinh tế khó khăn (chưa có Dự án hỗ trợ)</p>	<b>- ĐOÀN VÀO</b> Hội thảo	T10	VN	Quỹ Hợp tác quốc tế Đức về pháp luật (IRZ)	
<b>VỤ BỒ TRỢ TƯ PHÁP</b>	<p><u>Hoạt động 27.</u></p> <p>Hỗ trợ kinh nghiệm xây dựng</p>	<b>- ĐOÀN VÀO</b> Tổ chức Tọa đàm: Pháp luật về trọng tài	T11	VN	Quỹ Hợp tác quốc tế Đức về pháp luật (IRZ)	

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ	ĐỀ XUẤT HỢP TÁC	HÌNH THỨC HỢP TÁC	THỜI GIAN	ĐỊA ĐIỂM	ĐỐI TÁC ĐỨC	GHI CHÚ
	Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Trọng Tài	thương mại – kinh nghiệm của Đức và quy định của Việt Nam				
<b>BTP</b> <b>(Vụ PLHSHC,</b> <b>Viện KHPL)</b>  <b>TÒA ÁN NHÂN</b> <b>DÂN TỐI CAO</b>	<u>Hoạt động 28 (IX.6).</u>  Hỗ trợ kinh nghiệm xây dựng Luật xử lý vi phạm hành chính	<b>- ĐOÀN VÀO</b> Hội thảo		VN	- Quỹ Hợp tác quốc tế Đức về pháp luật (IRZ)  - Tòa Hành chính LB (BVerwG)	
<b>BTP</b> <b>CỤC KIỂM TRA</b> <b>VĂN BẢN QUY</b> <b>PHẠM PHÁP</b> <b>LUẬT)</b>	<u>Hoạt động 29 (IX.7).</u> Tăng cường công tác tổng rà soát, rà soát và hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật	- Xây dựng tài liệu nghiệp vụ về rà soát, tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản;			- Bộ Tư pháp LB (BMJ)  - Văn phòng Tư pháp LB (BfJ)	
<b>VIỆN KHOA HỌC</b> <b>XÃ HỘI VIỆT</b> <b>NAM</b>	<u>Hoạt động 30.</u>  Tài phán hiến pháp (Đề án: Xây dựng nền tài phán hiến pháp ở nước ta hiện nay)	Nghiên cứu	2011-2012 (24 tháng)	HN và một số tỉnh, TP trực thuộc Trung Ương	- Bang Berlin  - Tòa Hiến pháp LB (BVerfG)	
<b>VIỆN NGHIÊN</b> <b>CỨU LẬP PHÁP</b>	<u>Hoạt động 31 (IX.1)</u>  Nghiên cứu cơ bản những vấn đề tổ chức Quốc hội Việt Nam	<b>- ĐOÀN VÀO</b> Tổ chức Hội thảo Chức năng lập pháp của Quốc hội trong nhà nước pháp quyền		VN	- Bộ Tư pháp LB (BMJ)  - Quốc hội LB (BTag)	

<b>CƠ QUAN/ĐƠN VỊ</b>	<b>ĐỀ XUẤT HỢP TÁC</b>	<b>HÌNH THỨC HỢP TÁC</b>	<b>THỜI GIAN</b>	<b>ĐỊA ĐIỂM</b>	<b>ĐỐI TÁC ĐỨC</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<b>HIỆP HỘI CÁC ĐÔ THỊ VIỆT NAM</b>	<u>Hoạt động 32.</u> Quan hệ hợp tác giữa xã hội dân sự và chính quyền thành phố là nền tảng cho sự phát triển xã hội dân chủ	<b>- ĐOÀN VÀO</b> Tổ chức Hội thảo	17.-22.10 (dự kiến)	VN	Viện Konrad Adenauer (KAS)	
<b>VIỆN KHOA HỌC TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC</b>	<u>Hoạt động 33.</u> Quan hệ giữa Nhà nước - xã hội dân sự - thị trường trong quá trình phát triển hành chính, kinh tế và xã hội	<b>- ĐOÀN VÀO</b> Tổ chức Hội thảo	30-31/5	VN	Viện Konrad Adenauer (KAS)	
<b>VIỆN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT</b>	<u>Hoạt động 34.</u> Hỗ trợ nghiên cứu góp ý sửa đổi Hiến pháp Việt Nam 1992	<b>- ĐOÀN VÀO</b> Tổ chức Hội thảo	17-21/1	VN	Viện Konrad Adenauer (KAS)	
<b>VIỆN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT</b>	<u>Hoạt động 35.</u> Xuất bản: Tài liệu nghiên cứu góp ý sửa đổi Hiến pháp Việt Nam 1992	<b>Xuất bản</b>			Viện Konrad Adenauer (KAS)	
<b>Nhóm hoạt động X. Hỗ trợ thành lập Trung tâm Pháp luật Đức tại Trường Đại học Luật Hà Nội</b>						
<b>BTP (TRUNG TÂM PHÁP LUẬT ĐỨC)</b>	<u>Hoạt động 36.</u> Cải cách Tư pháp và Nhà nước pháp quyền	<b>- ĐOÀN RA</b> Đoàn ra TTTT Liên 19-27/2/2011	T2	Đức	Viện Friedrich Ebert (FES)	<i>Đã thực hiện</i>

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ	ĐỀ XUẤT HỢP TÁC	HÌNH THỨC HỢP TÁC	THỜI GIAN	ĐỊA ĐIỂM	ĐỐI TÁC ĐỨC	GHI CHÚ
<b>ĐHLHN,</b> VỤ PL DSKT)	<u>Hoạt động 37.</u>  Hội thảo Lý luận Nhà nước và Pháp luật	- <b>ĐOÀN VÀO</b> Tổ chức Hội thảo	T4	VN	Viện Friedrich Ebert (FES)	<i>Đã thực hiện</i>
	<u>Hoạt động 38.</u>  Tọa đàm chuyên môn về pháp luật môi trường	- <b>ĐOÀN VÀO</b> Tổ chức Tọa đàm	T4	VN	Viện Friedrich Ebert (FES)	<i>Đã thực hiện</i>
	<u>Hoạt động 39.</u>  Hội thảo và Tọa đàm chuyên môn về pháp luật dân sự	- <b>ĐOÀN VÀO</b> Tổ chức Hội thảo	T10		Viện Friedrich Ebert (FES)	
<b>Nhóm Hoạt động điều phối và hợp tác khác</b>						
<b>BTP (VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ)</b>	<u>Hoạt động 40.</u>  Hội nghị điều phối CTHT 3 năm lần thứ 4	- <b>Tổ chức Hội nghị</b>	20 tháng 5	VN	Viện Konrad Adenauer (KAS)	
<b>BTP (VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ)</b>	<u>Hoạt động 41.</u>  41.1 Thực hiện hoạt động đánh giá hiệu quả CTHT 3 năm, thảo luận CTHT 3 năm tiếp theo	- <b>ĐOÀN VÀO</b> (dự kiến ông Josef Brink sang đánh giá hiệu quả CTHT 3 năm)		VN	- Bộ Tư pháp LB (BMJ)  - Viện Konrad Adenauer (KAS)	

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ	ĐỀ XUẤT HỢP TÁC	HÌNH THỨC HỢP TÁC	THỜI GIAN	ĐỊA ĐIỂM	ĐỐI TÁC ĐỨC	GHI CHÚ
	41.2 Tổ chức Hội nghị báo cáo kết quả đánh giá					
<b>BTP (ĐHL HN, VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ)</b>	<u>Hoạt động 42.</u> Bà cựu Bộ trưởng Bộ Tư pháp Liên bang sang thăm và làm việc tại Việt Nam	<b>- ĐOÀN VÀO</b>	T4 (14/4)	VN	- Bộ Tư pháp LB (BMJ)  - Viện Friedrich Ebert (FES)	<i>Đã thực hiện</i>
<b>BTP (VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ)</b>	<u>Hoạt động 43.</u> Ông Thứ trưởng Bộ Tư pháp LB Đức thăm và làm việc tại Việt Nam	<b>- ĐOÀN VÀO</b>	T11	VN	Bộ Tư pháp LB (BMJ)	

## PHỤ LỤC DANH MỤC VIẾT TẮT:

---

### Danh mục các đối tác Đức:

AA	Federal Foreign Office	Văn phòng Đối ngoại Liên bang
BfJ	Federal Office of Justice	Văn phòng Tư pháp Liên bang
BMAS	Federal Ministry of Labour and Social Affairs	Bộ Lao động và các vấn đề xã hội Liên bang
BMI	Federal Ministry of the Interior	Bộ Nội vụ Liên bang
BMJ	Federal Ministry of Justice	Bộ Tư pháp Liên bang
BNotK	German Civil Law Notaries	Phòng công chứng liên bang (BnotK)
BPatG	Federal Patent Court	Tòa sáng chế Liên bang
BRAK	Federal Chamber of Lawyers	Đoàn Luật sư Liên bang
BTag	Parliament of the Federal Republic of Germany	Quốc hội Liên bang
BVerfG	Federal Constitutional Court	Tòa Hiến pháp Liên bang
BVerwG	Federal Administrative Court	Tòa Hành chính Liên bang
BGH	Federal Supreme Court	Tòa án Tối cao Liên bang
DAV	German Bar Association	Hiệp hội Luật sư Đức
DeStatis	Federal Statistical Office	Phòng Thống kê Liên bang Đức
DRB	German Association of Judges	Hiệp hội thẩm phán Đức
DVIS	German Association for International Law of the Sea	Hiệp hội Đức về luật biển quốc tế
FES	Friedrich-Ebert-Foundation	Viện Friedrich-Ebert
GBA	Attorney <i>General</i> of Germany	Tổng công tố Đức
GIZ	German Society for International Cooperation	Xã hội Đức về Hợp tác quốc tế
Hamburg	Hamburg (state of Germany)	Bang Hamburg
IRZ	German Foundation for International Legal Cooperation	Quỹ Hợp tác quốc tế Đức về pháp luật
KAS	Konrad-Adenauer-Stiftung -Foundation	Viện Konrad-Adenauer
MPI	Max Planck Society for International Civil Law	Viện Max Planck về Luật dân sự quốc tế
NRW	North Rhine-Westphalia (state of Germany)	Bộ Tư pháp bang Bắc Sông Ranh
Sachsen	Saxony (state of Germany)	Bang Sachsen



**TENTATIVE WORKING PLAN IN 2011  
IN LEGAL AND JUDICIAL COOPERATION WITH FEDERAL MINISTRY OF JUSTICE –  
FEDERAL REPUBLIC OF GERMANY**

*Final version: 19/4/2011*

VIETNAMESE LEADING/ IMPLEMENTING AGENCIES	PROPOSED ACTIVITIES	FORMS OF COOPERATION	TIME FRAME	VENUE	GERMAN PARTNERS	NOTES
<b>GROUP OF ACTIVITIES I:<sup>2</sup> Implementation of international treaties that both parties signed or take part in</b>						
	No activity in this Group					
<b>GROUP OF ACTIVITIES II: Creation of domestic premise to join international treaties of mutual interest and proposing methods for enforcement of international commitment arising from those treaties</b>						
<b>MOJ (ICD + ILD)</b> <sup>3</sup>	<b><u>Activity 1.</u></b> Study experiences in joining the Hague Conference on Private International Law, Hague Convention on Abolishing the requirement of legalization for foreign public documents, Hague Convention on Service Abroad of Judicial and Extra Judicial Documents in Civil and Commercial matters	Study tour abroad		Germany	BMJ BfJ AA	

<sup>2</sup> In accordance with the order in the Three year Cooperation Program 2009 – 2011.

<sup>3</sup> Name in **bold letter**: Leading Agency, Name in normal letter: Participating Agency

VIETNAMESE LEADING/IMPLEMENTING AGENCIES	PROPOSED ACTIVITIES	FORMS OF COOPERATION	TIME FRAME	VENUE	GERMAN PARTNERS	NOTES
<b>GROUP OF ACTIVITIES III: Improving judicial title such as lawyers, public notary, judges, public prosecutors...</b>						
<b>HBA</b> MOJ (JSD, JA, ICD)	<b><u>Activity 2.</u></b> 2.1. Studying German and European law on lawyer and notary to renew related Vietnamese laws and regulations 2.2. Strengthening the training capacity for lectures of the Judicial Academy.	Study tour abroad	30 May – 5 June	Germany	BMJ BRAK DAV NRW	
<b>MOJ (JA, CJE)</b>	<b><u>Activity 3 (III.5).</u></b> Studying International experiences and good practice of Germany in civil judgment enforcement	Study tour abroad	Sept - Oct.	Germany	IRZ	
<b>SPP</b> MOJ (JA)	<b><u>Activity 4.</u></b> Public prosecutor training in Germany and discussing the next 3 year program	Workshop	October, November	Viet Nam	BMJ DRB GBA	
<b>VBF</b> MOJ (JSD) HBA	<b><u>Activity 5.</u></b> Disciplining System within the Bar Federation				BMJ BRAK	
<b>HBA</b> VBF	<b><u>Activity 6.</u></b> Education and Further Training for		November	Germany	IRZ BRAK	

VIETNAMESE LEADING/IMPLEMENTING AGENCIES	PROPOSED ACTIVITIES	FORMS OF COOPERATION	TIME FRAME	VENUE	GERMAN PARTNERS	NOTES
MOJ (JSD, OPD)	Lawyers					
MOJ (JA, JSD)	<b><u>Activity 7.</u></b> Legal Education and Notary Law	Study tour abroad	June	Germany	IRZ BNotK BRAK	
<b>GROUP OF ACTIVITIES IV: Civil Law and Civil Process Law</b>						
MOJ (JA)	<b><u>Activity 8.</u></b> Evaluating and using evidence in civil cases	Workshop	March	Viet Nam	IRZ BGH BRAK	<i>Done</i>
MOJ (CELD)	<b><u>Activity 9 (IV.)</u></b> Studying German Civil Law in order to perfect Vietnamese Civil Law	Study tour abroad	March	Viet Nam	IRZ	<i>Done</i>
MOJ (CELD, LRI)	<b><u>Activity 10 (IV.1).</u></b> Law on State Responsibility for Compensation	Workshop	October	Viet Nam	BMJ MPI Hamburg	
MOJ (NRAST, CELD)	<b><u>Activity 11 (IV.4).</u></b> Exchanging experiences between Vietnamese and German experts to assist the amendment of Civil Code 2005 (part on measures to ensure the enforcement of civil obligation and registry of secured transactions)	Workshop	July – Dec.	Viet Nam	IRZ DRB	

VIETNAMESE LEADING/ IMPLEMENTING AGENCIES	PROPOSED ACTIVITIES	FORMS OF COOPERATION	TIME FRAME	VENUE	GERMAN PARTNERS	NOTES
MOIT (CMD)	<b>Activity 12.</b> Workshop for disseminating Law on Consumer protection in Viet Nam	Workshop	15 Mar.2011		Ministry of Food, Agriculture and consumer protection – Germany	
MOJ (JA, HLU)	<b>Activity 13.</b> Study on Law on intellectual property Protection	Study tour abroad	September/ October	Germany (Munich)	IRZ DRB	
MOJ (NRAST)	<b>Activity 14 (IV.2).</b> 14.1 Exchange experience to improve laws and regulation on real estate registry and law on registry of secured transactions	Workshop	15-19 August	Viet Nam	KAS	
	14.2. Study and exchange experience of Germany and European countries to improve laws and regulation on real estate registry and law on registry of secured transactions	Study tour abroad		Germany	IRZ	
<b>GROUP OF ACTIVITIES V: Trade Law</b>						
	No activity in this Group					
<b>GROUP OF ACTIVITIES VI: Law of Labour, trade union and society</b>						

VIETNAMESE LEADING/ IMPLEMENTING AGENCIES	PROPOSED ACTIVITIES	FORMS OF COOPERATION	TIME FRAME	VENUE	GERMAN PARTNERS	NOTES
<b>MOLISA</b>	<b>Activity 15.</b> Law on Labour, Trade union and society				BMAS	
<b>GROUP OF ACTIVITIES VII: Criminal Law and Criminal Procedures</b>						
<b>HBA</b> SPC SPP MOJ (CALD, LRI)	<b>Activity 16.</b> Study on Criminal Law, Criminal process Law and criminal justice of Germany and European countries: - Study on skills of adjudication and participating in the proceedings; - Attending some trials about criminal cases.	Study tour	September	Germany/ Viet Nam	BMJ IRZ DAV	
<b>SPC</b> MOJ (CALD) HLU	<b>Activity 17.</b> Settling administrative disputes	Study tour abroad	July	Germany	IRZ BVerwG	
<b>SPC</b> MOJ (CELD) HLU	<b>Activity 18.</b> Dispute settlement on civil cases (capture of seagoing vessel, intellectual property rights)	Study tour abroad	October	Germany	IRZ BPatG MPI Hamburg DVIS	
<b>SPP</b> SPC MOJ (ICD) VBF	<b>Activity 19 (VII.4).</b> Workshop on mutual legal assistance in the criminal matter between Viet Nam and Germany	Workshop	March	Germany		<i>Done</i>

VIETNAMESE LEADING/ IMPLEMENTING AGENCIES	PROPOSED ACTIVITIES	FORMS OF COOPERATION	TIME FRAME	VENUE	GERMAN PARTNERS	NOTES
SPP SPC MOJ (CALD) VBF	<b><u>Activity 20 (VII+ VIII.2).</u></b>  Workshop on Criminal process models in Viet Nam	Workshop	September	Viet Nam	BMJ Prof. Esser BRAK DAV	
<b>GROUP OF ACTIVITIES VIII: Preventing corruption, enforcing criminal judgment , improving mutual legal assistance in criminal case</b>						
OCSPCO MOJ (CALD)	<b><u>Activity 20</u></b> Exchange experience of Germany on preventing corruption	Workshop		Viet Nam	BMJ Sachsen BMI DAV	
MOJ (JAD)	<b><u>Activity 22. (VIII.4)</u></b> Exchange experience on improvement of the system of criminal records management	Workshop	31/10-4/11	Viet Nam	KAS	
<b>GROUP OF ACTIVITIES XI: Continue to develop the justice sector and system of legal and judicial institutions with aims to ensure the legal enforcement and implementation in a comprehensive manner, including research on mechanism for prosecution of actions violating Constitution</b>						
MOJ (ICD)	<b><u>Activity 23.</u></b> Research and seminars on legal framework for management of international cooperation in legal and judicial fields (Support to amend Decree 78/2008/ND-CP dated 17/07/2008)	Workshop		Viet Nam	BMJ	
MOJ (PFD,	<b><u>Activity 24.</u></b>	Study tour abroad	May, June	Germany	NRW	

VIETNAMESE LEADING/ IMPLEMENTING AGENCIES	PROPOSED ACTIVITIES	FORMS OF COOPERATION	TIME FRAME	VENUE	GERMAN PARTNERS	NOTES
OMOJ, OPD)	Justice sector planning and statistics work.				BfJ DeStatis	
MOJ (CALD, LRI)	<b>Activity 25 (IX.1)</b> Studying to make proposal to insert in Law making Agenda of the XIIIth Legislature of the National Assembly a project on drafting law on issuance of Administrative decision	Workshop		Viet Nam	GIZ BMJ	
MOJ (NLAA)	<b>Activity 26.</b> Strengthening capacity for legal aid workers in 10 -15 provinces in economic difficulties (no donor funded project yet)	Workshop	October	Viet Nam	IRZ	
MOJ (JSD)	<b>Activity 27.</b> Exchange legal information and experience of Germany and Viet Nam to support for the development of a decree to give guidance to implement Law on Arbitration in Viet Nam	Workshop	November	Viet Nam	IRZ	
MOJ (CALD, LRI) SPC	<b>Activity 28.</b> Exchange of experience in drafting law on settlement of administrative violation	Workshop		Viet Nam	IRZ Federal Adm. Court	
MOJ (PRNLD)	<b>Activity 29.</b>	Drafting a			BMJ	

VIETNAMESE LEADING/ IMPLEMENTING AGENCIES	PROPOSED ACTIVITIES	FORMS OF COOPERATION	TIME FRAME	VENUE	GERMAN PARTNERS	NOTES
	Assistance in strengthening overall review and systematization of legal normative documents	Manual on skills for legal review and systematization			BfJ	
VASC MOJ (LRI)	<b>Activity 30.</b> Exchange of experience in development of a Constitutional jurisdiction in order to implement a project on “Development of a Constitutional Jurisdiction in Viet Nam	Research	2011-2012	Viet Nam	Berlin BVerfG	
LRINA MOJ (LRI)	<b>Activity 31.</b> Research on the the matter of organisation and structure of the National Assembly: Legislative function of the National Assembly	Workshop		Viet Nam	BMJ BTag	
ACVN	<b>Activity 32.</b> Cooperative relationship between civil society and city’s authority - foundation for the development of a democratic society (successful implementation of local democracy)	Workshop	17. – 22. Oct. 2011 (tbc)	Viet Nam	KAS	
ISOS	<b>Activity 33.</b>	Workshop	30. – 31.	Viet Nam	KAS	



VIETNAMESE LEADING/ IMPLEMENTING AGENCIES	PROPOSED ACTIVITIES	FORMS OF COOPERATION	TIME FRAME	VENUE	GERMAN PARTNERS	NOTES
	Relationship between state - civil society – market in the process of the administrative, economic and social development		May 2011			
ISL	<b>Activity 34.</b> Research to give comments for amendment of Viet Nam's Constitution 1992	Workshop	17. – 21. Jan. 2011	Viet Nam	KAS	
ISL	<b>Activity 35.</b> Publication of research report on giving comments for amendment Viet Nam's Constitution 1992	Publication	1. Dec. 2011	Viet Nam	KAS	
<b>Group of Activities X: Assistance for the German – Vietnamese Law Center in Ha Noi Law University</b>						
MOJ (HLU, CELD)	<b>Activity 36.</b> Study on juridical reform, rule of law	Study tour abroad	February		FES	<i>done</i>
	<b>Activity 37.</b> Study on Theory of State and Law	Workshop	April		FES	<i>done</i>
	<b>Activity 38.</b> Study on Environmental Law	Workshop	April		FES	<i>done</i>

VIETNAMESE LEADING/IMPLEMENTING AGENCIES	PROPOSED ACTIVITIES	FORMS OF COOPERATION	TIME FRAME	VENUE	GERMAN PARTNERS	NOTES
	<b>Activity 39.</b> Study on Civil Law	Workshop	October		FES	
<b>Group of Coordination Activities</b>						
<b>MOJ (ICD)</b>	<b>Activity 40.</b>  Fourth Coordination Meeting to review the implementation of the 3 year Cooperation Program (2009 – 2011) in the first six month of 2011 and preparation for development of the next 3 year Cooperation Program (2012 – 2015)	Meeting	20 May	Viet Nam	KAS	Co-funded by MOJ and KAS
<b>MOJ (ICD)</b>	<b>Activity 41.</b>  41.1. Evaluation on the effectiveness of the implementation of 3 year Cooperation Program (2009 – 2011)  41.2. Meeting on discussion of Evaluation Report on the effectiveness of the implementation of 3 year Cooperation Program (2009 – 2011) and proposal for the development of	Workshop		Viet Nam	BMJ KAS	

VIETNAMESE LEADING/ IMPLEMENTING AGENCIES	PROPOSED ACTIVITIES	FORMS OF COOPERATION	TIME FRAME	VENUE	GERMAN PARTNERS	NOTES
	the next 3 year Cooperation Program					
MOJ (ICD, HLU)	<p><b><u>Activity 42.</u></b></p> <p>Visit to Viet Nam by Former Minister of Federal Ministry of Justice of Germany – Mrs. Daeubler Gmelin to share knowledge and experience in development of a court system in a rule of law state</p>	Workshops	April		FES	<i>done</i>
MOJ (ICD)	43. Visit to Viet Nam of Vice Minister of Federal Ministry of Justice of Germany	Official visit	November 2011	Viet Nam	BMJ	

## ACRONYM:

---

Vietnamese agencies and organizations		German agencies and organizations	
<b>ACVN</b>	Association of Vietnam's Urbans and Cities	<b>AA</b>	Federal Foreign Office
<b>CALD</b>	Criminal and Administrative Legislation Department, MOJ	<b>BfJ</b>	Federal Office of Justice
<b>CELD</b>	Civil and Economic Legislation Department, MOJ	<b>BMAS</b>	Federal Ministry of Labour and Social Affairs
<b>CJE</b>	General Department of Civil Judgment Enforcement, MOJ	<b>BMI</b>	Federal Ministry of the Interior
<b>CMD</b>	General Department for Competition Management, MOIT	<b>BMJ</b>	Federal Ministry of Justice
<b>HBA</b>	Hanoi Bar Association	<b>BNotK</b>	German Civil Law Notaries
<b>ICD</b>	International Cooperation Department, MOJ	<b>BPatG</b>	Federal Patent Court
<b>ILD</b>	International Law Department, MOJ	<b>BRAK</b>	Federal Chamber of Lawyers
<b>ISL</b>	Institute for State and Law	<b>BTag</b>	Parliament of the Federal Republic of Germany
<b>ISOS</b>	Institute of State Organization Science	<b>DAV</b>	German Bar Association

Vietnamese agencies and organizations		German agencies and organizations	
<b>JA</b>	Judicial Academy	<b>DeStatis</b>	Federal Statistical Office
<b>JAD</b>	Judicial Administration Department, MOJ	<b>DRB</b>	German Association of Judges
<b>JSD</b>	Judicial Support Department, MOJ	<b>DVIS</b>	German Association for International Law of the Sea
<b>LRI</b>	Law Science Research Institute, MOJ	<b>FES</b>	Friedrich-Ebert-Foundation
<b>LRINA</b>	Legislative Research Institute of the National Assembly	<b>GBA</b>	Attorney <i>General</i> of Germany
<b>MOJ</b>	Ministry of Justice	<b>GIZ</b>	German Society for International Cooperation
<b>MOIT</b>	Ministry of Industry and Trade	<b>Hamburg</b>	Hamburg (state of Germany)
<b>NRAST</b>	National Registration for Secured Transactions Agency, MOJ	<b>IRZ</b>	German Foundation for International Legal Cooperation
<b>NLAA</b>	National Legal Aid Agency	<b>KAS</b>	Konrad-Adenauer-Stiftung -Foundation
<b>OCSPCO</b>	Office of the Central Steering Committee for Preventing and Fighting against Corruption	<b>MPI</b>	Max Planck Society for International Civil Law
<b>OPD</b>	Organisation and Personnel Department, MOJ	<b>NRW</b>	North Rhine-Westphalia (state of Germany)
<b>OMOJ</b>	Office of the Ministry of Justice	<b>Sachsen</b>	Saxony (state of Germany)

**Vietnamese agencies and organizations****German agencies and organizations**

<b>PDF</b>	Department of Planning and Finance, MOJ
<b>PRLND</b>	Agency for Post Checking of Legal Normative Documents, MOJ
<b>SPC</b>	Supreme People's Court
<b>SPP</b>	Supreme People's Procuracy
<b>VBF</b>	Viet Nam Bar Federation
<b>VASC</b>	Vietnam Academy Of Social Sciences

**NGHỊ ĐỊNH 93/2009/NĐ- CP NGÀY 22.10.2009 CỦA  
CHÍNH PHỦ BAN HÀNH QUY CHẾ QUẢN LÝ VÀ  
SỬ DỤNG VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI**

Decree number 93/2009/NĐ-CP dated 22.10.2009 of  
the Government issuing the Rules on Management and  
Utilisation of Foreign Non- Governmental Organisations

**NGHỊ ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài**

**CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;  
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

**Điều 2.** Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 và thay thế Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

**Điều 3.** Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**  
(Đã ký)  
**Nguyễn Tấn Dũng**

## QUY CHẾ

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI  
(Ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của  
Chính phủ)

### Chương 1.

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này điều chỉnh các hoạt động quản lý và sử dụng các nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

Viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (sau đây viết tắt là PCPNN) đề cập trong Quy chế này được hiểu là viện trợ không hoàn lại, không vì mục đích lợi nhuận của Bên tài trợ để thực hiện các mục tiêu phát triển và nhân đạo dành cho Việt Nam.

2. Bên tài trợ trong Quy chế này bao gồm các tổ chức PCPNN, các tổ chức và cá nhân người nước ngoài khác, kể cả các tập đoàn, công ty có vốn nước ngoài, cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài tôn trọng và chấp hành pháp luật Việt Nam, có thiện chí, cung cấp trực tiếp viện trợ không hoàn lại nhằm hỗ trợ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và nhân đạo của Việt Nam.

3. Các phương thức cung cấp viện trợ PCPNN, bao gồm:

a) Viện trợ thông qua các chương trình, dự án.

b) Viện trợ phi dự án (bao gồm cả cứu trợ khẩn cấp).

4. Các đối tượng được tiếp nhận viện trợ là các tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam; có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của các khoản viện trợ PCPNN tiếp nhận (sau đây được gọi là Bên tiếp nhận) gồm:

a) Các cơ quan của Đảng, Quốc hội, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Các tổ chức thuộc các cơ quan Trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam.



c) Các tổ chức thuộc các hội hoặc Liên hiệp hội được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các hội văn hóa nghệ thuật Việt Nam, Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam).

d) Các tổ chức, bao gồm:

- Các hội, hiệp hội được thành lập theo quy định của Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

- Các tổ chức Việt Nam hoạt động khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật và công nghệ được thành lập theo quy định của Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

- Các tổ chức Việt Nam được thành lập theo quy định của Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập;

- Các cơ sở bảo trợ xã hội do tổ chức trong nước thành lập theo quy định tại Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội;

- Các tổ chức được thành lập theo Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật;

- Các tổ chức được thành lập theo Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

- Các tổ chức phi lợi nhuận khác.

đ) Các tổ chức kinh tế (bao gồm cả các doanh nghiệp tư nhân) sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích được quy định tại Nghị định số 31/2005/NĐ-CP, ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về việc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (chỉ được tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN có mục tiêu, nội dung phù hợp sản phẩm, dịch vụ công ích mà tổ chức sản xuất, cung ứng).

Đối với các tổ chức khác, việc tiếp nhận viện trợ sẽ được trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

## **Điều 2. Nguyên tắc cơ bản trong quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ PCPNN trên cơ sở công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp, gắn quyền hạn với trách nhiệm, đảm bảo sự phối

hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các cấp, các cơ quan quản lý ngành, địa phương, tổ chức và các đơn vị thực hiện.

2. Các khoản viện trợ PCPNN khi được xây dựng và triển khai thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với Bên tài trợ đã được cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 15 Quy chế này phê duyệt. Trong trường hợp các quy định hoặc điều kiện viện trợ của Bên tài trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Không tiếp nhận các khoản viện trợ PCPNN gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

### **Điều 3. Lĩnh vực ưu tiên sử dụng viện trợ PCPNN**

1. Viện trợ PCPNN được sử dụng hỗ trợ thực hiện các mục tiêu ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội và nhân đạo của Việt Nam trong từng thời kỳ, chủ yếu bao gồm:

a) Phát triển nông nghiệp và nông thôn (bao gồm nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp, thủy sản) kết hợp xóa đói giảm nghèo.

b) Phát triển hạ tầng cơ sở xã hội (y tế, giáo dục và đào tạo, lao động, việc làm, dân số).

c) Bảo vệ môi trường và quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, phòng chống, giảm nhẹ hậu quả thiên tai, dịch bệnh.

d) Tăng cường năng lực thể chế, quản lý, kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực; chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực nghiên cứu và triển khai.

đ) Các hoạt động nhân đạo.

2. Một số lĩnh vực khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

### **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

Trong phạm vi Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “**Chương trình**” là một tập hợp các hoạt động, các dự án có liên quan đến nhau và có thể liên quan đến một hoặc nhiều ngành, lĩnh vực, nhiều vùng lãnh thổ, nhiều chủ thể khác nhau nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu xác định, có thời hạn thực hiện trung hoặc dài hạn hoặc theo nhiều giai đoạn, và nguồn lực để thực hiện có thể được huy động từ nhiều nguồn ở những thời điểm khác nhau, với nhiều phương thức khác nhau.

2. “**Dự án**” là một tập hợp các hoạt động liên quan đến nhau nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu xác định, được thực hiện trong một thời hạn nhất định, dựa trên những nguồn lực xác định. Dự án bao gồm dự án đầu tư và dự án hỗ trợ kỹ thuật.

3. “**Dự án đầu tư**” là dự án tạo mới, mở rộng hoặc cải tạo những cơ sở vật chất nhất định nhằm đạt được sự tăng trưởng về số lượng hoặc duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng của sản phẩm hoặc dịch vụ trong khoảng thời gian xác định.

4. “**Dự án hỗ trợ kỹ thuật**” là dự án có mục tiêu hỗ trợ phát triển năng lực và thể chế hoặc cung cấp các yếu tố đầu vào kỹ thuật để chuẩn bị và thực hiện các chương trình, dự án thông qua các hoạt động cung cấp chuyên gia, đào tạo, hỗ trợ trang thiết bị, tư liệu và tài liệu, tham quan khảo sát, hội thảo.

5. “**Văn kiện chương trình, dự án**” là tài liệu chính thức thể hiện cam kết giữa đại diện của Bên tiếp nhận và đại diện của Bên tài trợ về một chương trình hoặc một dự án cụ thể, trong đó đã xác định rõ: mục tiêu, các hoạt động, các kết quả cần đạt được, nguồn lực được sử dụng, thời hạn và kế hoạch thực hiện, nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan.

6. “**Viện trợ phi dự án**” là các khoản viện trợ không phải là chương trình, dự án, được cung cấp dưới dạng hiện vật, tiền hoặc chuyên gia (kể cả chuyên gia tình nguyện).

7. “**Cứu trợ khẩn cấp**” là các khoản viện trợ thuộc viện trợ phi dự án được thực hiện khẩn trương ngay sau khi xảy ra các trường hợp khẩn cấp (thiên tai hoặc tai họa khác) và kéo dài tối đa là 3 tháng sau khi các trường hợp khẩn cấp chấm dứt. Sau thời hạn trên, nếu khoản cứu trợ này vẫn được tiếp tục thì được coi là viện trợ khắc phục hậu quả sau khẩn cấp và được phê duyệt, thực hiện theo quy trình và thủ tục quy định thông thường đối với khoản viện trợ PCPNN.

8. “**Khoản viện trợ PCPNN**” là chương trình, dự án và viện trợ phi dự án (kể cả cứu trợ khẩn cấp).

9. “**Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN**” là:

a) Các cơ quan Trung ương của Đảng, cơ quan của Quốc hội, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan Trung ương của các tổ chức nêu tại các điểm b và c khoản 4 Điều 1 Quy chế này.

b) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (trong trường hợp các khoản cứu trợ khẩn cấp không có địa chỉ cụ thể).

10. “**Cơ quan chủ quản**” trong Quy chế này được hiểu là:

a) Các cơ quan nêu tại điểm a khoản 9 Điều này;

b) Các cơ quan chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp các tổ chức nêu tại điểm d và đ khoản 4 Điều 1 Quy chế này.

11. “**Chủ khoản viện trợ PCPNN**” là các tổ chức được giao trách nhiệm trực tiếp tiếp nhận, quản lý, thực hiện khoản viện trợ PCPNN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

12. “**Văn bản ghi nhớ về viện trợ PCPNN**” là văn bản ghi nhận ý nguyện ban đầu (không ràng buộc về pháp lý) về các khoản viện trợ PCPNN giữa đại diện của Bên tiếp nhận và Bên tài trợ để làm cơ sở tiến hành các thủ tục phê duyệt và tiếp nhận viện trợ tiếp theo.

13. “**Thỏa thuận viện trợ PCPNN**” là văn bản quy định các điều khoản chung, các yêu cầu, điều kiện cụ thể ràng buộc về pháp lý đối với các bên liên quan đến dự án. Văn bản này, trong một số trường hợp, Bên tài trợ yêu cầu ký chính thức với Bên tiếp nhận thay cho việc ký văn kiện chương trình, dự án.

14. “**Vốn đối ứng**” là khoản đóng góp của phía Việt Nam bằng giá trị các nguồn lực (tiền, hiện vật, nhân lực) để chuẩn bị và thực hiện các khoản viện trợ PCPNN theo yêu cầu cụ thể, bao gồm:

a) Vốn đối ứng cho chương trình, dự án: tùy theo từng chương trình, dự án, vốn đối ứng có thể bao gồm toàn bộ hoặc một số thành phần dưới đây:

- Vốn chuẩn bị cho việc lập chương trình, dự án viện trợ PCPNN;

- Vốn chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình, dự án viện trợ PCPNN;

b) Vốn đối ứng cho các khoản viện trợ phi dự án: tùy theo từng khoản viện trợ phi dự án, vốn đối ứng có thể bao gồm toàn bộ hoặc một số thành phần dưới đây:

- Vốn tiếp nhận thiết bị và vận chuyển nội địa;

- Vốn tổ chức đấu thầu, đấu giá.

## **Chương 2.**

### **VẬN ĐỘNG, ĐÀM PHÁN VÀ KÝ KẾT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI**

#### **Điều 5. Vận động viện trợ PCPNN**

Công tác vận động viện trợ PCPNN được tiến hành theo định hướng sau:

1. Vận động viện trợ PCPNN cho các mục tiêu phát triển được thực hiện trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cụ thể, chương trình đầu tư công cộng, định hướng và kế hoạch thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài của Nhà nước hoặc từng ngành, địa phương trong từng thời kỳ; trên cơ sở năng lực tiếp nhận (kể cả nguồn vốn đối ứng) của Bên tiếp nhận.

2. Vận động viện trợ cho các mục đích nhân đạo được thực hiện trên cơ sở tình hình xã hội và nhu cầu thực tế của Bên tiếp nhận trong từng thời kỳ.

3. Vận động cứu trợ khẩn cấp được thực hiện trên cơ sở căn cứ vào mức độ thiệt hại cụ thể về người, tài sản, công trình đối với từng vùng, địa phương bị thiên tai hoặc thảm họa khác. Bộ Ngoại giao phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức độ kêu gọi cứu trợ khẩn cấp với cộng đồng quốc tế (trong đó có Bên tài trợ được quy định trong Quy chế này).

### **Điều 6. Đàm phán, ký kết viện trợ PCPNN**

Công tác đàm phán ký kết viện trợ PCPNN được thực hiện theo quy trình sau:

1. Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN chủ trì hoặc ủy quyền cho đơn vị đầu mối trong quan hệ và vận động viện trợ PCPNN thực hiện đàm phán các khoản viện trợ PCPNN.

2. Việc ký kết văn kiện chương trình, dự án hoặc Thỏa thuận viện trợ PCPNN chỉ tiến hành sau khi văn kiện chương trình, dự án hoặc bản dự thảo Thỏa thuận viện trợ PCPNN đối với các khoản viện trợ PCPNN đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam nêu tại Điều 15 Quy chế này phê duyệt và được cơ quan chủ quản thông báo chính thức bằng văn bản cho Bên tài trợ.

### **Chương 3.**

### **CHUẨN BỊ, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI**

#### **Điều 7. Chuẩn bị, xây dựng văn kiện chương trình, dự án hoặc hồ sơ viện trợ phi dự án**

1. Nhiệm vụ của cơ quan chủ quản:

Cơ quan chủ quản giao cho một đơn vị trực thuộc chủ trì việc chuẩn bị chương trình, dự án hoặc hồ sơ viện trợ phi dự án trên cơ sở kiến nghị của chủ khoản viện trợ PCPNN hoặc thành lập Ban chuẩn bị khoản viện trợ PCPNN và phê duyệt quy chế tổ chức hoạt động và các văn bản cần thiết khác đối với Ban chuẩn bị khoản viện trợ PCPNN.

## 2. Nhiệm vụ của chủ khoản viện trợ PCPNN:

- a) Làm đầu mối phối hợp với các tổ chức trong nước và Bên tài trợ trong quá trình lập văn kiện chương trình, dự án và (hoặc) hồ sơ viện trợ phi dự án; đảm bảo tiến độ xây dựng, chất lượng, nội dung của văn kiện chương trình, dự án và hồ sơ viện trợ phi dự án.
- b) Tổ chức huy động các nguồn lực thích hợp cho việc chuẩn bị chương trình, dự án và hồ sơ viện trợ phi dự án.
- c) Lập kế hoạch chuẩn bị chương trình, dự án trình cơ quan chủ quản xem xét, phê duyệt.
- d) Trong trường hợp cần thiết, kiến nghị với cơ quan chủ quản về việc thành lập Ban chuẩn bị khoản viện trợ PCPNN cũng như dự thảo quy chế tổ chức hoạt động và các văn bản cần thiết khác đối với Ban chuẩn bị khoản viện trợ PCPNN.

## **Điều 8. Vốn chuẩn bị các chương trình, dự án viện trợ PCPNN**

1. Đối với các chương trình, dự án sử dụng viện trợ PCPNN thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương), Cơ quan chủ quản lập kế hoạch vốn chuẩn bị để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm của ngành, địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
2. Đối với các chương trình, dự án sử dụng viện trợ PCPNN không thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương) thì chủ khoản viện trợ PCPNN tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị chương trình, dự án thống nhất với các quy định hiện hành.
3. Trường hợp nhà tài trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị chương trình, dự án, chủ khoản viện trợ PCPNN có trách nhiệm đưa nguồn vốn chuẩn bị chương trình, dự án vào tổng vốn chung của khoản viện trợ PCPNN.

## **Điều 9. Nội dung chủ yếu của văn kiện chương trình, dự án và hồ sơ viện trợ phi dự án**

1. Văn kiện chương trình, dự án viện trợ PCPNN phải bao gồm những nội dung chủ yếu sau:
  - a) Bối cảnh và sự cần thiết của chương trình, dự án trong khuôn khổ quy hoạch, kế hoạch dài hạn phát triển của đơn vị thụ hưởng viện trợ PCPNN (cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương), đặc biệt nêu rõ những vấn đề mà chương trình, dự án sẽ hỗ trợ để giải quyết.
  - b) Mục tiêu dài hạn (nếu có) và mục tiêu ngắn hạn của chương trình, dự án.

c) Những kết quả chủ yếu của chương trình, dự án và các chỉ số đo lường các kết quả đó.

d) Nội dung chính của các dự án thành phần hoặc các cấu phần (nếu có) trong chương trình và những hoạt động chủ yếu của chương trình, dự án.

đ) Thời gian thực hiện chương trình, dự án và địa bàn triển khai hoạt động

e) Những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác đối với khoản viện trợ của Bên tài trợ. Nghĩa vụ và cam kết của Bên tiếp nhận để thực hiện chương trình, dự án.

g) Tổng giá trị tài trợ, cơ cấu vốn tài trợ theo các hạng mục chủ yếu (chuyên gia trong và ngoài nước, đào tạo trong và ngoài nước, trang thiết bị và vật tư mua trong nước và nhập khẩu, kinh phí tạo lập các quỹ triển khai hoạt động trong chương trình, dự án (nếu có), chi phí quản lý và các chi phí khác).

h) Vốn đối ứng và nguồn đảm bảo.

i) Năng lực tổ chức, quản lý và thực hiện chương trình, dự án của chủ khoản viện trợ (chủ chương trình, dự án) và chủ các dự án thành phần trong chương trình.

k) Phương thức tổ chức, quản lý và thực hiện chương trình, dự án.

l) Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án và kế hoạch chi tiết thực hiện trong năm đầu tiên, bao gồm bố trí vốn cho từng hoạt động theo những tiêu chí đã xác định.

m) Kế hoạch theo dõi, đánh giá và kiểm toán chương trình, dự án (bằng nguồn vốn chương trình, dự án hoặc nguồn khác nếu có).

n) Hiệu quả, khả năng vận dụng kết quả dự án vào thực tiễn và tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc.

2. Đối với văn kiện dự án đầu tư sử dụng vốn viện trợ PCPNN phải được xây dựng theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng công trình, bổ sung thêm lý do sử dụng vốn viện trợ PCPNN.

3. Hồ sơ khoản viện trợ phi dự án phải bao gồm các văn bản chủ yếu sau:

a) Văn bản đề nghị trình phê duyệt của: cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN đối với các khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ; của cơ quan chủ quản hoặc khoản viện trợ PCPNN (trong trường hợp cơ quan chủ quản trực tiếp quản lý) đối với các khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN, trong đó có nêu các nội dung chủ yếu sau:

- Trị giá của khoản viện trợ phi dự án;
- Tính phù hợp của khoản viện trợ phi dự án với định hướng, kế hoạch dài hạn phát triển, nhu cầu cụ thể của đơn vị thụ hưởng viện trợ PCPNN;
- Phương thức tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp trong quá trình thực hiện;
- Khả năng đóng góp của phía Việt Nam, đặc biệt là nguồn vốn đối ứng để tiếp nhận và sử dụng viện trợ phi dự án.

b) Văn bản của Bên tài trợ thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ cho khoản viện trợ phi dự án đó. Đối với khoản hàng hóa đã qua sử dụng thì Bên tài trợ phải có văn bản xác nhận khoản hàng hóa đó còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới.

c) Các văn bản ghi nhớ với Bên tài trợ; những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác đối với khoản viện trợ của Bên tài trợ; nghĩa vụ và cam kết của Bên tiếp nhận.

#### **Điều 10. Thẩm định chương trình, dự án viện trợ PCPNN**

1. Văn kiện chương trình, dự án viện trợ PCPNN hoặc Thỏa thuận viện trợ PCPNN cụ thể phải được thẩm định để làm cơ sở phê duyệt, ký kết và thực hiện.

2. Đối với chương trình, dự án viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Quy chế này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định.

3. Đối với chương trình, dự án viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ trưởng cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 15 Quy chế này, cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trì tổ chức thẩm định hoặc giao cho đơn vị chức năng trực thuộc chủ trì tổ chức thẩm định.

4. Cơ quan chủ trì việc tổ chức thẩm định có thể mời các cơ quan chuyên môn ở trung ương và địa phương, các tổ chức tư vấn và chuyên gia tư vấn độc lập để hỗ trợ thẩm định chương trình, dự án.

5. Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định phải làm rõ các nội dung sau:

a) Tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án với mục tiêu phát triển cụ thể của Bộ, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng chương trình, dự án.

b) Tính khả thi của phương thức tổ chức thực hiện.

c) Khả năng đóng góp của phía Việt Nam.



d) Tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của chương trình, dự án dành cho các hạng mục chủ yếu của chương trình, dự án.

đ) Những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác đối với khoản viện trợ của Bên tài trợ (nếu có). Nghĩa vụ và cam kết của Bên tiếp nhận để thực hiện chương trình, dự án.

e) Thông tin liên quan về đăng ký hoạt động hoặc tư cách pháp nhân của Bên tài trợ.

g) Hiệu quả, khả năng vận dụng kết quả chương trình, dự án vào thực tiễn và tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc.

h) Những ý kiến đã được thống nhất hoặc còn khác nhau giữa các bên.

Cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan, lập báo cáo thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nội dung văn kiện chương trình, dự án. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo thẩm định phải kèm theo dự thảo quyết định phê duyệt nội dung chương trình, dự án.

6. Các cơ quan hữu quan tham gia thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định chương trình, dự án viện trợ PCPNN có liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

### **Điều 11. Thẩm định viện trợ phi dự án**

1. Hồ sơ viện trợ phi dự án phải được các cơ quan, địa phương liên quan cho ý kiến đề tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 15 Quy chế này phê duyệt làm cơ sở cho việc ký kết và tiếp nhận.

2. Trong trường hợp còn các ý kiến khác nhau giữa các bên liên quan, hồ sơ viện trợ phi dự án phải được cấp có thẩm quyền thẩm định làm cơ sở phê duyệt, ký kết và thực hiện.

a) Đối với viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Quy chế này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định.

b) Đối với viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ trưởng Cơ quan phê duyệt Khoản viện trợ PCPNN quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 15 Quy chế này, cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trì tổ chức thẩm định hoặc giao cho đơn vị chức năng trực thuộc chủ trì tổ chức thẩm định.

c) Cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định có thể mời các cơ quan chuyên môn ở trung ương và địa phương, các tổ chức tư vấn và chuyên gia tư vấn độc lập để hỗ trợ thẩm định.

d) Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định phải làm rõ các nội dung sau:

- Tính phù hợp của khoản viện trợ phi dự án với định hướng, kế hoạch dài hạn phát triển, nhu cầu cụ thể của đơn vị thụ hưởng viện trợ PCPNN (cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương);
- Tính khả thi của phương thức tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp trong quá trình thực hiện;
- Khả năng đóng góp của phía Việt Nam, đặc biệt là nguồn vốn đối ứng để tiếp nhận và sử dụng viện trợ phi dự án;
- Những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác đối với viện trợ phi dự án của Bên tài trợ (nếu có). Nghĩa vụ và cam kết của Bên tiếp nhận để thực hiện viện trợ phi dự án;
- Thông tin liên quan về đăng ký hoạt động hoặc tư cách pháp nhân của Bên tài trợ;
- Những ý kiến đã được thống nhất hoặc còn khác nhau giữa các bên.

Ý kiến đồng thuận hoặc ý kiến khác nhau giữa các bên phải được phản ánh trong báo cáo thẩm định.

Cơ quan chủ trì thẩm định tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan, lập báo cáo thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nội dung hồ sơ phi dự án. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo thẩm định phải kèm theo dự thảo quyết định phê duyệt hồ sơ phi dự án.

đ) Các cơ quan hữu quan tham gia thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định viện trợ phi dự án liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

## **Điều 12. Hồ sơ và báo cáo thẩm định khoản viện trợ PCPNN**

1. Hồ sơ thẩm định bao gồm:

a) Văn bản đề nghị trình phê duyệt của:

- Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ;
- Cơ quan chủ quản hoặc chủ khoản viện trợ PCPNN (trong trường hợp cơ quan chủ quản trực tiếp quản lý) đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN.

b) Văn bản của Bên tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ PCPNN và thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ cho khoản viện trợ PCPNN đó.

c) Dự thảo văn kiện chương trình, dự án, danh mục các khoản viện trợ phi dự án (bằng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài) và dự thảo Thỏa thuận viện trợ PCPNN cụ thể (nếu được yêu cầu để ký kết thay văn kiện chương trình, dự án sau này).

d) Toàn bộ văn bản góp ý kiến của các cơ quan liên quan về khoản viện trợ PCPNN.

Đối với các khoản viện trợ PCPNN có nội dung liên quan đến Bộ, ngành, địa phương nào thì phải lấy ý kiến chính thức bằng văn bản của Thủ trưởng Bộ, ngành, địa phương đó như một phần của hồ sơ trong quá trình thẩm định để làm cơ sở cho việc phê duyệt nêu tại Điều 15 Quy chế này.

đ) Các văn bản ghi nhớ với Bên tài trợ, báo cáo của đoàn chuyên gia thẩm định thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ (nếu có).

e) Bản sao Giấy đăng ký hoạt động và/hoặc bản sao giấy tờ hợp pháp về tư cách pháp nhân của Bên tài trợ.

2. Hồ sơ thẩm định được lập thành 8 bộ đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có ít nhất 1 bộ gốc. Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

3. Nội dung chính của báo cáo thẩm định:

a) Sự phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành của các dữ liệu, luận cứ, tính toán, kết luận và đề xuất nêu trong hồ sơ được thẩm định.

b) Tính khả thi của khoản viện trợ PCPNN.

c) Tính hợp lý của việc sử dụng nguồn viện trợ PCPNN cho các nội dung, hoạt động của chương trình, dự án.

d) Những vấn đề bất cập, tồn tại, hướng xử lý, biện pháp xử lý, tổ chức có trách nhiệm xử lý và thời hạn xử lý.

đ) Những cam kết về thay đổi cơ chế, chính sách, sự khác biệt về thủ tục tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ PCPNN, các yêu cầu và điều kiện của Bên tài trợ đối với khoản viện trợ PCPNN (nếu có).

e) Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện (bao gồm cả năng lực tài chính) của chủ khoản viện trợ PCPNN.

g) Đề xuất cơ quan chủ trì tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ PCPNN.

h) Quy định thời hạn hoàn thiện hồ sơ khoản viện trợ PCPNN.

i) Thông tin về việc đăng ký hoạt động của Bên tài trợ tại Việt Nam và tư cách pháp nhân của Bên tài trợ.

Kết quả thẩm định với các nội dung chính nêu trên phải được thể hiện đầy đủ trong Báo cáo thẩm định.

### **Điều 13. Quy trình và thời hạn thẩm định khoản viện trợ PCPNN**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng quy trình thẩm định cụ thể đối với khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng hướng dẫn các yêu cầu và quy trình cơ bản thẩm định khoản viện trợ PCPNN để làm căn cứ cho các cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN hướng dẫn nội dung và quy trình thẩm định cụ thể khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình áp dụng cho Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức nêu tại các điểm b, c, d, đ khoản 4 Điều 1 Quy chế này.

3. Thời hạn thẩm định đối với các khoản viện trợ PCPNN là không quá 20 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

### **Điều 14. Quy trình và thời hạn hoàn thiện hồ sơ khoản viện trợ PCPNN sau thẩm định**

1. Khi khoản viện trợ PCPNN đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan chủ trì thẩm định trình cấp có thẩm quyền nêu tại Điều 15 phê duyệt khoản viện trợ PCPNN.

2. Trường hợp khi khoản viện trợ PCPNN chưa đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan chủ trì thẩm định gửi báo cáo kết quả thẩm định tới cơ quan chủ quản và chủ khoản viện trợ PCPNN nêu rõ những vấn đề cần bổ sung, điều chỉnh hoặc giải trình và quy định thời hạn cụ thể hoàn thiện hồ sơ khoản viện trợ PCPNN. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm chỉ đạo chủ khoản viện trợ PCPNN tiến hành các công việc nêu trên trong thời hạn quy định tại báo cáo thẩm định. Trong trường hợp việc hoàn thiện hồ sơ khoản viện trợ PCPNN hoặc giải trình bổ sung không tiến hành kịp trong thời gian quy định tại báo cáo thẩm định, chủ khoản viện trợ PCPNN cần có văn bản báo cáo với cơ quan chủ quản và cơ quan chủ trì thẩm định để làm rõ lý do và thống nhất các giải pháp phù hợp tiếp theo.

### **Điều 15. Phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN**

1. Thẩm quyền phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN

a) Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền phê duyệt:

- Các khoản viện trợ PCPNN có nội dung liên quan đến an ninh, quốc phòng, tôn giáo và các khoản viện trợ trực tiếp hỗ trợ xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách thuộc thẩm quyền ban hành của Thủ tướng Chính phủ và các cấp cao hơn, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cả nước, ngành, lãnh thổ;

- Danh mục cụ thể các chủng loại hàng hóa, trang thiết bị có kết cấu đơn giản đã qua sử dụng (còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới) phù hợp với nhu cầu và điều kiện sử dụng của Việt Nam trong từng thời kỳ, do Thủ trưởng các Bộ, ngành xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ, để làm cơ sở cho việc phê duyệt việc tiếp nhận nêu tại các điểm b và c của khoản này;

- Các khoản viện trợ PCPNN liên quan tới việc nhập khẩu ô tô và các phương tiện vận tải khác (máy bay, tàu, thuyền...)

b) Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức của Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng cơ quan Trung ương của các tổ chức nêu tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 1 Quy chế này có thẩm quyền phê duyệt:

- Các khoản viện trợ PCPNN không thuộc quy định tại điểm a của khoản này;

- Các khoản hàng hóa đã qua sử dụng có kết cấu đơn giản còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới (được Bên tài trợ có văn bản xác nhận) thuộc danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nêu tại tiết 2 điểm a của khoản này;

- Các khoản cứu trợ khẩn cấp đã có địa chỉ cụ thể.

c) Đối với các khoản viện trợ mà đối tượng tiếp nhận là các tổ chức được nêu tại các điểm d và đ khoản 4 Điều 1 Quy chế này:

- Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ phê duyệt các khoản viện trợ cho đối tượng tiếp nhận mà mình cấp đăng ký hoạt động hoặc đối tượng tiếp nhận hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn thuộc phạm vi quản lý của mình (được ghi trong quyết định thành lập tổ chức);

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt các khoản viện trợ mà đối tượng tiếp nhận là các tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các cơ quan của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập hoặc cấp Giấy đăng ký hoạt động, kinh doanh.

d) Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có thẩm quyền phê duyệt:

Các khoản cứu trợ khẩn cấp không có địa chỉ cụ thể (Bên tài trợ không ấn định cứu trợ cho một địa phương cụ thể nào).

2. Quy trình phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN:

a) Đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ:

- Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư hồ sơ khoản viện trợ PCPNN để thẩm định;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định khoản viện trợ PCPNN theo quy định;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt việc tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt việc tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ PCPNN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo cho cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN để triển khai các bước tiếp theo quy định của Chương III, Chương IV Quy chế này.

b) Đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN: quy trình phê duyệt thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Văn bản quyết định phê duyệt khoản viện trợ PCPNN (bản gốc) kèm theo văn kiện chương trình, dự án, thỏa thuận viện trợ PCPNN cụ thể, hồ sơ viện trợ phi dự án có đóng dấu giáp lai cũng như các tài liệu liên quan khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này, phải được cơ quan chủ quản gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày khoản viện trợ PCPNN được phê duyệt.

### **Điều 16. Việc bán hàng thuộc các khoản viện trợ PCPNN**

1. Hàng hóa thuộc các khoản viện trợ PCPNN được các Bên tiếp nhận và Bên tài trợ thỏa thuận đưa vào Việt Nam bán để hỗ trợ thực hiện các lĩnh vực ưu tiên nêu tại Điều 3 Quy chế này phải được cấp có thẩm quyền quyết định đồng thời với việc phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN được quy định tại Điều 15 Quy chế này.

2. Hàng hóa trên phải được tổ chức bán đấu giá theo quy định hiện hành về bán đấu giá tài sản.

## **Chương 4.**

### **THỰC HIỆN CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI**

#### **Điều 17. Nguyên tắc cụ thể trong việc thực hiện các khoản viện trợ PCPNN**

1. Các khoản viện trợ PCPNN (ngoại trừ cứu trợ khẩn cấp) chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 15 Quy chế này phê duyệt và được cơ quan chủ quản thông báo chính thức bằng văn bản cho Bên tài trợ.
2. Không tiếp nhận những hàng hóa (kể cả vật tư, thiết bị) thuộc danh mục các mặt hàng cấm nhập khẩu theo quy định của Chính phủ. Trong trường hợp cần thiết, việc tiếp nhận do Thủ tướng Chính phủ quyết định.
3. Ngoài việc thỏa thuận tiếp nhận các hàng hóa chưa sử dụng, mới 100%, cơ quan chủ quản chỉ thỏa thuận tiếp nhận những hàng hóa đã qua sử dụng, nếu có văn bản xác nhận của Bên tài trợ là hàng hóa đó còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới (đối với những hàng hóa đã qua sử dụng có kết cấu đơn giản) hoặc văn bản giám định hàng hóa đó còn hơn 80% so với giá trị mới của tổ chức giám định có thẩm quyền của nước bên tài trợ (đối với những hàng hóa đã qua sử dụng không thuộc Danh mục cụ thể các chủng loại hàng hóa, trang thiết bị có kết cấu đơn giản đã qua sử dụng). Cơ quan chủ quản chỉ thông báo cho Bên tài trợ gửi hàng khi được cấp có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt việc tiếp nhận.

Bên tài trợ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng hàng hóa do mình xác nhận cho tới khi hàng hóa được tiếp nhận.

Những lô hàng viện trợ không thực hiện đúng các quy định nêu trên khi nhập khẩu vào Việt Nam, được giao cơ quan chức năng xử lý theo quy định, chủ khoản viện trợ chịu mọi chi phí liên quan đến việc xử lý này.

4. Sau 6 tháng kể từ ngày chương trình, dự án được phê duyệt, nếu chương trình, dự án vẫn chưa triển khai được hoạt động nào mà không có lý do chính đáng, cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 15 Quy chế này quyết định thu hồi quyết định phê duyệt chương trình, dự án đã ban hành. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm thông báo cho Bên tài trợ về việc thu hồi quyết định phê duyệt chương trình, dự án.

#### **Điều 18. Chủ khoản viện trợ PCPNN**

Chủ khoản viện trợ PCPNN (kể cả chủ dự án thành phần, nếu có) phải được xác định trong quyết định phê duyệt khoản viện trợ PCPNN của cấp có thẩm quyền của Việt Nam.

#### **Điều 19. Ban Quản lý chương trình, dự án viện trợ PCPNN**

1. Các chương trình, dự án phải có Ban Quản lý chương trình, dự án.
2. Ban Quản lý chương trình, dự án là người đại diện cho chủ khoản viện trợ PCPNN, được thay mặt chủ khoản viện trợ PCPNN thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao. Ban Quản lý chương trình, dự án chịu trách nhiệm trước chủ khoản viện trợ PCPNN, cơ quan chủ quản, cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN và trước pháp luật về các quyết định của mình.
3. Ban Quản lý chương trình, dự án phải được chủ khoản viện trợ PCPNN hoặc cơ quan chủ quản (trong trường hợp cơ quan chủ quản trực tiếp quản lý, điều hành thực hiện) ban hành quyết định thành lập trong vòng 15 ngày sau khi chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 15 phê duyệt. Tại quyết định này, chủ khoản viện trợ PCPNN hoặc cơ quan chủ quản bổ nhiệm Giám đốc cũng như các thành viên và phê duyệt đồng Giám đốc Ban Quản lý chương trình, dự án (do Bên tài trợ giới thiệu, nếu có) và quy định các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý chương trình, dự án.
4. Ban Quản lý chương trình, dự án được mở tài khoản tại ngân hàng được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt Nam hoặc Kho bạc Nhà nước Việt Nam và có con dấu riêng để thực hiện chương trình, dự án viện trợ PCPNN phù hợp với quy định của pháp luật và các thỏa thuận hoặc cam kết đã ký kết.
5. Ban Quản lý chương trình, dự án phải có trụ sở là nơi làm việc và giao dịch chính thức, thường xuyên trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.
6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành hướng dẫn về cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý dự án.

#### **Điều 20. Thuế đối với các khoản viện trợ PCPNN**

Thuế đối với các khoản viện trợ PCPNN được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp lệnh hiện hành về thuế đối với các khoản viện trợ.

#### **Điều 21. Đấu thầu và đấu giá**

Việc đấu thầu hoặc đấu giá đối với khoản viện trợ PCPNN được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

#### **Điều 22. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án viện trợ PCPNN trong quá trình thực hiện**

1. Đối với các chương trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:
  - a) Các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung sau đây phải trình Thủ tướng Chính phủ:



- Các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dẫn đến thay đổi các mục tiêu cụ thể, cơ cấu tổ chức quản lý và thực hiện, các kết quả chính và địa bàn thực hiện của chương trình, dự án đã được phê duyệt, các điều chỉnh về tiến độ thực hiện dẫn đến vượt quá 12 tháng so với thời hạn hoàn thành dự án đã được phê duyệt;

- Các điều chỉnh, bổ sung làm cho chương trình, dự án viện trợ PCPNN thuộc vào một trong những trường hợp quy định tại tiết 3 điểm a khoản 1 Điều 15 Quy chế này.

b) Các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung không thuộc quy định tại điểm a khoản 1 Điều này do Thủ trưởng cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN phê duyệt.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình và thời hạn điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối với chương trình, dự án do Thủ trưởng các cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN phê duyệt.

a) Những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung làm cho chương trình, dự án trở thành một trong các trường hợp được quy định tại các tiết 1 và 3 điểm a khoản 1 Điều 15 thì phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

b) Các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung không thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này do Thủ trưởng các cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN phê duyệt.

c) Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN quy định cụ thể và ban hành quy trình và thời hạn điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về yêu cầu cơ bản và quy trình chung đối với việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nêu trên.

### **Điều 23. Quản lý xây dựng, nghiệm thu, bàn giao, quyết toán**

1. Việc thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, cấp giấy phép xây dựng, quản lý chất lượng công trình, nghiệm thu, bàn giao, bảo hành, bảo hiểm công trình xây dựng thuộc chương trình, dự án đầu tư có nguồn vốn viện trợ PCPNN được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

2. Đối với chương trình, dự án viện trợ PCPNN hỗ trợ kỹ thuật, sau khi kết thúc, chủ chương trình, dự án tổ chức nghiệm thu, đánh giá, họp kiểm điểm và tiến hành các biện pháp cần thiết để khai thác và phát huy kết quả đạt được.

3. Việc quyết toán các khoản viện trợ PCPNN phải được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

## **Chương 5.**

### **GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI**

#### **Điều 24. Giám sát thực hiện viện trợ PCPNN**

Giám sát thực hiện viện trợ PCPNN được thực hiện thường xuyên và định kỳ cập nhật toàn bộ các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện khoản viện trợ PCPNN; phân loại và phân tích thông tin; kịp thời đề xuất các phương án phục vụ việc ra quyết định của các cấp quản lý nhằm bảo đảm khoản viện trợ PCPNN được thực hiện đúng mục tiêu, đúng tiến độ, đạt chất lượng và hiệu quả, đúng quy định của pháp luật và trong khuôn khổ các nguồn lực đã được xác định.

#### **Điều 25. Đánh giá thực hiện viện trợ PCPNN**

1. Đánh giá thực hiện viện trợ PCPNN được thực hiện một cách toàn diện, có hệ thống và khách quan quá trình thực hiện viện trợ PCPNN nhằm đưa ra những điều chỉnh cần thiết và rút ra những bài học kinh nghiệm để áp dụng cho các giai đoạn tiếp theo và/hoặc áp dụng cho các chương trình, dự án khác.
2. Công tác đánh giá được tiến hành định kỳ và đột xuất (khi cần thiết).
3. Kế hoạch, phương thức thực hiện và nguồn kinh phí cho công tác đánh giá (từ nguồn vốn viện trợ PCPNN hoặc nguồn vốn đối ứng) phải được xác định trong văn kiện chương trình, dự án viện trợ PCPNN.

#### **Điều 26. Trách nhiệm giám sát, đánh giá viện trợ PCPNN**

1. Ban quản lý chương trình, dự án có trách nhiệm:

- a) Xây dựng kế hoạch chi tiết giám sát, đánh giá việc thực hiện chương trình, dự án, trong đó xác định rõ các nguồn lực sử dụng, tiến độ thực hiện, thời hạn hoàn thành, mục tiêu chất lượng và tiêu chí chấp nhận kết quả đối với từng hoạt động giám sát, đánh giá. Kế hoạch chi tiết phải được Ban Quản lý chương trình, dự án chuẩn bị chậm nhất sau 3 tháng, kể từ ngày khởi động (phê duyệt, ký) chương trình, dự án.
- b) Xây dựng quy chế, thu thập và lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu, sổ sách, chứng từ của chương trình, dự án viện trợ PCPNN cũng như báo cáo của các nhà thầu, những thay đổi trong chính sách, luật pháp của Nhà nước và các quy định của Bên tài trợ liên quan đến việc quản lý thực hiện.
- c) Lập báo cáo thực hiện theo quy định, cung cấp, chia sẻ thông tin thông qua hệ thống theo dõi, đánh giá cấp ngành, địa phương và cấp quốc gia.

d) Thực hiện hoặc thuê tư vấn giúp Ban Quản lý chương trình, dự án lập các báo cáo đánh giá ban đầu, giữa kỳ và kết thúc theo nội dung văn kiện chương trình, dự án viện trợ PCPNN đã được phê duyệt; làm đầu mối phối hợp với Bên tài trợ hoặc cơ quan quản lý có thẩm quyền để đánh giá chương trình, dự án.

2. Chủ khoản viện trợ PCPNN có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, hỗ trợ Ban Quản lý chương trình, dự án, đơn vị thụ hưởng viện trợ phi dự án trong việc giám sát, đánh giá chương trình, dự án viện trợ PCPNN hoặc sử dụng viện trợ phi dự án. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc mà không tự xử lý được, chủ khoản viện trợ PCPNN phải kịp thời đề nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết. Các cơ quan liên quan có trách nhiệm xem xét, xử lý và trả lời các đề nghị của Ban Quản lý chương trình, dự án, chủ khoản viện trợ PCPNN hoặc đơn vị thụ hưởng viện trợ phi dự án trong thời hạn 15 ngày làm việc, trường hợp không thể xử lý được trong thời hạn trên thì phải có thông báo cho Ban Quản lý chương trình, dự án và chủ khoản viện trợ PCPNN.

3. Cơ quan chủ quản chủ trì lập kế hoạch, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành hoặc thuê tư vấn giúp tiến hành đánh giá tác động của khoản viện trợ PCPNN (khi cần thiết); chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và Bên tài trợ tổ chức tiến hành các phiên họp kiểm điểm định kỳ (hàng năm) và đột xuất đối với từng chương trình, dự án viện trợ PCPNN.

4. Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và Bên tài trợ tổ chức tiến hành các phiên họp kiểm điểm định kỳ (hàng năm) và đột xuất đối với từng nhóm chương trình, dự án viện trợ PCPNN cũng như việc tiếp nhận, sử dụng các khoản viện trợ phi dự án; thực hiện giám sát, đánh giá việc tiếp nhận và thực hiện viện trợ PCPNN theo thẩm quyền.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về viện trợ PCPNN, trên cơ sở chức năng nhiệm vụ quy định tại Chương VI Quy chế này, thực hiện việc giám sát, đánh giá việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ PCPNN.

6. Kinh phí cho công tác quản lý, giám sát, đánh giá viện trợ PCPNN của các cơ quan quản lý nhà nước được cấp từ ngân sách nhà nước theo chức năng và nhiệm vụ trong công tác quản lý, giám sát, đánh giá viện trợ PCPNN nêu tại Chương VI Quy chế này.

## **Điều 27. Báo cáo quản lý, thực hiện các khoản viện trợ PCPNN**

1. Ban Quản lý chương trình, dự án có trách nhiệm:

Lập và gửi báo cáo định kỳ cho chủ chương trình, dự án, cơ quan chủ quản, cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN theo chế độ cụ thể do cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN quy định.

2. Chủ khoản viện trợ PCPNN có trách nhiệm:

a) Xây dựng và gửi báo cáo 6 tháng chậm nhất vào ngày 15 tháng 7 của năm báo cáo và báo cáo năm chậm nhất vào ngày 20 tháng 01 của năm tiếp sau cho cơ quan chủ quản, cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN đồng gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN.

b) Xây dựng và gửi báo cáo kết thúc, chậm nhất không quá 6 tháng sau khi kết thúc thực hiện các khoản viện trợ PCPNN cho các cơ quan sau: cơ quan chủ quản, cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN;

c) Các báo cáo cho Bên tài trợ được thực hiện theo thỏa thuận với Bên tài trợ.

3. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm xây dựng báo cáo tổng hợp 6 tháng và hàng năm về kết quả vận động viện trợ PCPNN, về tình hình thực hiện các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và đồng gửi Bộ Tài chính, Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN chậm nhất vào ngày 30 tháng 7 của năm báo cáo và ngày 31 tháng 01 của năm tiếp sau.

4. Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN có trách nhiệm xây dựng báo cáo tổng hợp 6 tháng và hàng năm về kết quả phê duyệt, quản lý các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và đồng gửi Bộ Tài chính, Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN chậm nhất vào ngày 30 tháng 7 của năm báo cáo và ngày 31 tháng 01 của năm tiếp sau.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo tổng hợp hàng năm về tình hình phê duyệt, thực hiện các khoản viện trợ PCPNN trong cả nước.

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn mẫu báo cáo thống nhất về các khoản viện trợ PCPNN.

7. Tổng cục Thống kê chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và tổng hợp các chỉ tiêu thống kê định kỳ về tình hình tiếp nhận và sử dụng viện trợ PCPNN để phản ánh vào hệ thống số liệu thống kê quốc gia về tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

## **Điều 28. Kiểm tra, thanh tra và giám sát việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN**

Việc kiểm tra, thanh tra và giám sát việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Chương 6.**

### **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI**

## **Điều 29. Nội dung quản lý nhà nước về viện trợ PCPNN**

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ PCPNN bao gồm các nội dung sau:

1. Quyết định hướng ưu tiên vận động và sử dụng viện trợ PCPNN cho từng thời kỳ.
2. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN.
3. Điều hành vĩ mô công tác quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN.
4. Kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN.

## **Điều 30. Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối quản lý các khoản viện trợ PCPNN, ngoài các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại các Chương I, II, III, IV và V Quy chế này, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chủ trì thẩm định và tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Quy chế này và việc bổ sung, điều chỉnh các chương trình, dự án được quy định các điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 22 Quy chế này.
2. Chủ trì soạn thảo, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN.
3. Chủ trì và phối hợp với Bộ Tài chính bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ PCPNN đã cam kết với Bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách.
4. Định kỳ đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ danh mục cụ thể các chủng loại hàng hóa, trang thiết bị có kết cấu đơn giản đã qua sử dụng (còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới) thuộc diện quản lý của Bộ, ngành tương ứng, phù hợp với nhu cầu và điều kiện sử dụng của Việt Nam trong từng thời kỳ để làm cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền được quy định tại tiết 2 điểm b khoản 1 Điều 15 quy chế này phê duyệt.
5. Phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và các cơ quan liên quan hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức xây dựng các đề xuất chương trình, dự án làm cơ sở cho việc vận động viện trợ PCPNN.
6. Kiểm tra các quyết định phê duyệt khoản viện trợ PCPNN và các quy định về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN của các cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về viện trợ PCPNN và các cơ quan liên quan tổ chức việc giám sát, kiểm tra tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ PCPNN; tổng hợp, phân tích và đánh giá hiệu quả viện trợ PCPNN; xử lý những vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định những vấn đề vượt thẩm quyền.

8. Biên soạn và phổ biến các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ về chuẩn bị, thẩm định, quản lý thực hiện, theo dõi, đánh giá việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ PCPNN; hỗ trợ công tác đào tạo quản lý chương trình, dự án theo hướng chuyên nghiệp và bền vững.

### **Điều 31. Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Tài chính**

Bộ Tài chính là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về tài chính đối với viện trợ PCPNN, ngoài các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại các Chương I, II, III, IV và V Quy chế này, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chủ trì, và phối hợp cùng các cơ quan liên quan xây dựng chế độ quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ PCPNN theo thẩm quyền.

2. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ PCPNN đã cam kết với Bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách.

3. Tổng hợp quyết toán tài chính của mọi khoản viện trợ PCPNN định kỳ theo quy định.

4. Có trách nhiệm kiểm tra các quy định về quản lý tài chính đối với việc sử dụng viện trợ PCPNN của các cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN, cơ quan chủ quản.

5. Tham gia thẩm định và góp ý kiến đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

6. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN và các cơ quan liên quan tổ chức việc theo dõi, kiểm tra tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện khoản viện trợ PCPNN.

### **Điều 32. Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Ngoại giao**

1. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác vận động và tranh thủ viện trợ PCPNN.

2. Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan trong kêu gọi cứu trợ khẩn cấp.

### **Điều 33. Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Công an**

1. Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
2. Tham gia thẩm định và góp ý kiến với Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các khoản viện trợ PCPNN liên quan đến nội dung nêu tại tiết 1 điểm a khoản 1 Điều 15 Quy chế này về mặt an ninh trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; hướng dẫn công an cấp tỉnh tham gia thẩm định các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
3. Tham gia giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ PCPNN, đặc biệt chú trọng tới khía cạnh tác động đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN.
4. Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN.

#### **Điều 34. Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Nội vụ**

Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN.

#### **Điều 35. Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Tư pháp**

Thẩm định về nội dung các chương trình, dự án viện trợ PCPNN trong lĩnh vực pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

#### **Điều 36. Nhiệm vụ và quyền hạn Văn phòng Chính phủ**

1. Giúp Thủ tướng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.
2. Tham gia thẩm định và đề xuất kiến nghị về chính sách đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

#### **Điều 37. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN**

1. Tham gia thẩm định và góp ý kiến (chủ yếu là cung cấp thông tin và nhận xét về các mặt hoạt động của Bên tài trợ) đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.
2. Tham gia giám sát việc thực hiện viện trợ PCPNN, đặc biệt chú ý đến khía cạnh hợp tác với các tổ chức PCPNN trong quá trình thực hiện các khoản viện trợ PCPNN.

3. Cung cấp thường xuyên, đầy đủ các thông tin về tình hình cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép và hoạt động của các tổ chức PCPNN để làm cơ sở cho việc tiến hành vận động và thẩm định viện trợ PCPNN theo quy định hiện hành.

### **Điều 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam**

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam là cơ quan đầu mối trong công tác quan hệ và vận động viện trợ PCPNN, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động vận động viện trợ PCPNN ở cấp quốc gia.
2. Chủ trì và phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan hướng dẫn các Bên tiếp nhận trong công tác vận động viện trợ PCPNN.
3. Lập và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo tổng hợp hàng năm về tình hình vận động viện trợ PCPNN để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung báo cáo Thủ tướng Chính phủ.
4. Phối hợp với Bộ Ngoại giao kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ về chủ trương vận động cứu trợ khẩn cấp.

### **Điều 39. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**

Phê duyệt, chủ trì tổ chức tiếp nhận, phân phối sử dụng các khoản cứu trợ khẩn cấp không có địa chỉ cụ thể và thông báo tới Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

### **Điều 40. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN**

Ngoài các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại các Chương I, II, III, IV và V Quy chế này, cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối về quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN và xác định một đơn vị trực thuộc phù hợp chịu trách nhiệm làm đầu mối trong quan hệ và vận động viện trợ PCPNN tại địa phương.

Các cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN khác xác định một đơn vị trực thuộc có nhiệm vụ và năng lực trong quản lý việc sử dụng và phối hợp các nguồn lực cho phát triển của cơ quan để làm đầu mối trong quan hệ, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN phù hợp với tình hình thực tế của từng cơ quan mình.



Văn bản thông báo về việc cử các đơn vị đầu mối nêu tại khoản 1 Điều này phải được gửi cho các cơ quan quản lý nhà nước về viện trợ PCPNN nêu tại Chương này trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Nghị định ban hành Quy chế này có hiệu lực.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có nhiệm vụ:

a) Tham gia ý kiến trong quá trình thẩm định, phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN về lĩnh vực chuyên môn do cơ quan quản lý theo phân công của Chính phủ.

b) Định kỳ, xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ danh mục cụ thể các chủng loại hàng hóa, trang thiết bị có kết cấu đơn giản đã qua sử dụng (còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới) thuộc lĩnh vực chuyên môn do cơ quan quản lý theo phân công của Chính phủ. Danh mục đầu tiên phải được xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Nghị định ban hành Quy chế này có hiệu lực.

3. Thủ trưởng cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN theo thẩm quyền được quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 15 Quy chế này, phê duyệt việc điều chỉnh, bổ sung các chương trình, dự án theo thẩm quyền quy định tại Điều 22 Quy chế này và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định phê duyệt của mình cũng như chịu trách nhiệm việc phê duyệt, bố trí vốn đối ứng và quản lý thực hiện các khoản viện trợ đó.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN theo các quy định hiện hành, thực hiện đúng cam kết với Bên tài trợ.

5. Giám sát, đánh giá việc tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ PCPNN do Thủ trưởng cơ quan phê duyệt; kịp thời phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các vướng mắc, khó khăn, những vi phạm trong quá trình triển khai công tác tiếp nhận và sử dụng viện trợ PCPNN hoặc thông báo với các cơ quan quản lý nhà nước về viện trợ PCPNN liên quan được nêu tại Chương này để xử lý.

6. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ về chất lượng, hiệu quả thực hiện các khoản viện trợ PCPNN phù hợp với các quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo quy định tại Điều 27 Quy chế này.

#### **Điều 41. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chủ quản**

Ngoài các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại các Chương I, II, III, IV và V Quy chế này, các cơ quan chủ quản có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với cơ quan chức năng tìm hiểu và liên hệ với Bên tài trợ để vận động, tranh thủ viện trợ trên cơ sở các lĩnh vực, định hướng ưu tiên

trong kế hoạch hàng năm hoặc trong từng thời kỳ của mình và chính sách đối ngoại chung của Nhà nước.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN theo các quy định hiện hành, thực hiện đúng cam kết với Bên tài trợ.

3. Theo dõi, đánh giá việc tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ PCPNN trong ngành, địa phương mình; kịp thời phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các vướng mắc, khó khăn, những vi phạm trong quá trình triển khai công tác tiếp nhận và sử dụng viện trợ PCPNN hoặc thông báo với các cơ quan quản lý nhà nước về viện trợ PCPNN liên quan được nêu tại Chương này để xử lý.

4. Bố trí đầy đủ, kịp thời vốn chuẩn bị và vốn đối ứng thực hiện các chương trình, dự án viện trợ PCPNN phù hợp với những quy định trong văn kiện chương trình, dự án đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ về chất lượng, hiệu quả và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án viện trợ PCPNN phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo quy định tại Điều 27 Quy chế này.

## **Chương 7**

### **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 42. Khen thưởng**

Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Quy chế này được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

#### **Điều 43. Xử lý vi phạm**

1. Trường hợp các quyết định phê duyệt việc tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN hoặc các quy định về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN của cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN trái với Quy chế này và các văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ đối với những quyết định phê duyệt và quy định này theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp các quy định về quản lý tài chính đối với việc sử dụng viện trợ PCPNN của cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN, cơ quan chủ quản trái với Quy chế này và các văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên, Bộ Tài chính kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ đối với những quyết định phê duyệt và quy định này theo quy định của pháp luật.

### 3. Xử lý vi phạm chế độ báo cáo:

a) Đối với các trường hợp vi phạm chế độ báo cáo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được áp dụng các hình thức xử lý sau:

- Vi phạm chế độ báo cáo không thường xuyên: Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản yêu cầu cơ quan vi phạm chế độ báo cáo giải trình nguyên nhân vi phạm và cam kết thực hiện những biện pháp khắc phục;

- Vi phạm chế độ báo cáo có hệ thống, kéo dài: Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ những trường hợp này và đề xuất các biện pháp xử lý thích hợp, kể cả đề nghị Thủ tướng Chính phủ không phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN do các cơ quan này đề xuất cho đến khi tình hình chấp hành chế độ báo cáo được cải thiện.

b) Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN quy định hình thức xử lý vi phạm thích hợp để bảo đảm sự tuân thủ các quy định về chế độ báo cáo của chủ khoản viện trợ PCPNN và các Ban Quản lý dự án do Thủ trưởng cơ quan phê duyệt khoản viện trợ ra quyết định thành lập.

4. Mọi khoản viện trợ PCPNN được coi là không hợp lệ và phải đình chỉ thực hiện để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc chuyển giao cho cơ quan chức năng của Việt Nam xử lý theo quy định của pháp luật nếu vi phạm các quy định trong Quy chế này và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan.

5. Lãnh đạo các cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN, cơ quan chủ quản và chủ khoản viện trợ PCPNN chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những vi phạm nêu trên.

6. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Quy chế này thì theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật./.

**QUYẾT ĐỊNH 76/2010/QĐ- TTG NGÀY 30.11.2010 CỦA  
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC TỔ CHỨC, QUẢN LÝ  
HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM**

**Decision No. 76/2010/QĐ- TTg dated  
30.11.2010 of the Prime Minister of the  
Government on the Organisation and  
Management of International Workshop and  
Conference in Viet Nam**

**QUYẾT ĐỊNH  
VỀ VIỆC TỔ CHỨC, QUẢN LÝ HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;  
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Chương 1**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này là hoạt động hội họp có yếu tố nước ngoài, được tổ chức theo hình thức gặp gỡ trực tiếp trên lãnh thổ Việt Nam, hoặc theo hình thức trực tuyến với ít nhất là một đầu cầu thuộc lãnh thổ Việt Nam, bao gồm:

1. Hội nghị, hội thảo do các cơ quan, tổ chức Việt Nam tổ chức có sự tham gia hoặc tài trợ của nước ngoài.
2. Hội nghị, hội thảo do các cơ quan, tổ chức nước ngoài tổ chức.

Hợp báo quốc tế không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

## **Điều 2. Đối tượng điều chỉnh**

1. Các cơ quan, tổ chức Việt Nam:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là cơ quan Trung ương).

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là địa phương).

c) Các cơ quan Trung ương của các tổ chức nhân dân: bao gồm các đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội – nghề nghiệp và một số tổ chức khác.

2. Các cơ quan, tổ chức nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức nước ngoài) đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam cho phép hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

## **Chương 2**

### **QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ**

**Điều 3. Thẩm quyền cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế**

1. Thủ tướng Chính phủ cho phép tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế sau:

a) Hội nghị, hội thảo quốc tế cấp cao, thành viên tham dự là người đứng đầu hoặc quan chức cấp Bộ trưởng hoặc tương đương trở lên của các nước, các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế.

b) Hội nghị, hội thảo quốc tế có nội dung liên quan đến các vấn đề chính trị, an ninh, quốc phòng, dân tộc, tôn giáo, nhân quyền, biên giới lãnh thổ hoặc thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

2. Thủ trưởng cơ quan Trung ương, địa phương quyết định việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế của cơ quan, địa phương mình và cho phép các đơn vị trực thuộc, các tổ chức nước ngoài được tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế có nội dung không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, phù hợp với quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan, địa phương theo quy định hiện hành.

3. Các cơ quan Trung ương của các tổ chức nhân dân tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng.

**Điều 4. Quy trình tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế**

1. Các cơ quan, tổ chức Việt Nam khi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ phải thực hiện theo quy trình sau:

a) Lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao và các cơ quan, địa phương liên quan. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

b) Có tờ trình (kèm theo đề án tổ chức) trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tờ trình và đề án được đồng gửi Bộ Ngoại giao để tổng hợp, theo dõi. Thời hạn trình ít nhất là 20 ngày trước ngày dự kiến tổ chức.

Đề án tổ chức cần nêu rõ:

- Lý do, danh nghĩa tổ chức, mục đích của hội nghị, hội thảo;
- Thời gian và địa điểm tổ chức hội nghị, hội thảo; địa điểm tham quan, khảo sát (nếu có);
- Hình thức và công nghệ tổ chức (trong trường hợp tổ chức hội nghị, hội thảo trực tuyến);
- Nội dung, chương trình làm việc và các hoạt động bên lề hội nghị, hội thảo;
- Thành phần tham gia tổ chức: cơ quan phía Việt Nam, cơ quan phía nước ngoài, cơ quan tài trợ (nếu có);
- Thành phần tham dự: số lượng và cơ cấu thành phần đại biểu, bao gồm cả đại biểu Việt Nam và đại biểu có quốc tịch nước ngoài;
- Nguồn kinh phí;
- Ý kiến (bằng văn bản) của Bộ Ngoại giao và các cơ quan, địa phương liên quan.

c) Tiến hành hội nghị, hội thảo theo đúng chương trình, đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; thực hiện đúng các quy định hiện hành về chi tiêu, thanh quyết toán tài chính.

d) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ tóm tắt kết quả tổ chức hội nghị, hội thảo trong phạm vi 15 ngày kể từ khi kết thúc hội nghị, hội thảo, đồng gửi cho Bộ Ngoại giao để tổng hợp (mẫu số 1 kèm theo).

2. Các cơ quan khi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng cơ quan Trung ương, địa phương phải thực hiện theo quy trình sau:

a) Lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, địa phương liên quan. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

b) Có tờ trình (kèm theo đề án hoặc kế hoạch tổ chức) trình Thủ trưởng cơ quan Trung ương, địa phương phê duyệt. Thời hạn trình ít nhất là 20 ngày trước ngày dự kiến tổ chức.

Đề án hoặc kế hoạch tổ chức cần nêu rõ:

- Lý do, danh nghĩa tổ chức, mục đích của hội nghị, hội thảo;
- Thời gian và địa điểm tổ chức hội nghị, hội thảo; địa điểm tham quan, khảo sát (nếu có);
- Hình thức và công nghệ tổ chức (trong trường hợp hội nghị, hội thảo trực tuyến);
- Nội dung, chương trình làm việc và các hoạt động bên lề hội nghị, hội thảo;
- Thành phần tham gia tổ chức: cơ quan phía Việt Nam, cơ quan phía nước ngoài, cơ quan tài trợ (nếu có);
- Thành phần tham dự: số lượng và cơ cấu thành phần đại biểu, bao gồm cả đại biểu Việt Nam và đại biểu có quốc tịch nước ngoài;
- Nguồn kinh phí;
- Ý kiến của các cơ quan, địa phương liên quan (nếu có).

c) Tiến hành hội nghị, hội thảo theo đúng chương trình, đề án đã được Thủ trưởng cơ quan Trung ương, địa phương phê duyệt; thực hiện đúng các quy định hiện hành về chi tiêu, thanh quyết toán tài chính.

d) Gửi báo cáo tóm tắt kết quả hội nghị, hội thảo cho Thủ trưởng cơ quan Trung ương, địa phương trong phạm vi 15 ngày kể từ khi kết thúc hội nghị, hội thảo.

3. Tổ chức nước ngoài khi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế phải thực hiện theo quy trình sau:

a) Có kế hoạch tổ chức trình cấp có thẩm quyền nêu tại khoản 2 Điều 3 của Quyết định này phê duyệt. Thời hạn trình ít nhất là 20 ngày trước ngày dự kiến tổ chức.

Kế hoạch tổ chức cần nêu rõ:

- Lý do, danh nghĩa tổ chức, mục đích của hội nghị, hội thảo;
- Thời gian và địa điểm tổ chức hội nghị, hội thảo; địa điểm tham quan, khảo sát (nếu có);
- Hình thức và công nghệ tổ chức (trong trường hợp hội nghị, hội thảo trực tuyến);
- Nội dung, chương trình làm việc và các hoạt động bên lề hội nghị, hội thảo;
- Thành phần tham gia tổ chức: cơ quan phía nước ngoài, cơ quan phía Việt Nam, cơ quan tài trợ (nếu có);
- Thành phần tham dự: số lượng và cơ cấu thành phần đại biểu, bao gồm cả đại biểu có quốc tịch nước ngoài và đại biểu Việt Nam.

Sau khi nhận được kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, cấp có thẩm quyền lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, địa phương liên quan; ra quyết định việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế theo đề nghị của các tổ chức nước ngoài hoặc trình Thủ tướng Chính phủ nếu vượt quá thẩm quyền của mình. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

b) Tiến hành hội nghị, hội thảo theo đúng chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Gửi báo cáo tóm tắt kết quả hội nghị, hội thảo cho cấp có thẩm quyền trong phạm vi 15 ngày kể từ khi kết thúc hội nghị, hội thảo.

## **Điều 5.** Trách nhiệm quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước trên phạm vi toàn quốc và phân cấp cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý đối với hội nghị, hội thảo quốc tế trong phạm vi quản lý của cơ quan, địa phương mình.

2. Bộ Ngoại giao là Cơ quan đầu mối, giúp Thủ tướng Chính phủ thống nhất quản lý đối với hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam; định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

3. Cấp có thẩm quyền cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế chịu trách nhiệm quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế đã cho phép tổ chức. Cơ quan quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế có trách nhiệm:

a) Thẩm định nội dung và đề án tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế.



b) Yêu cầu cơ quan tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế chịu trách nhiệm về nội dung các tài liệu, báo cáo, tham luận, tư liệu, số liệu liên quan phát hành trước, trong và sau hội nghị, hội thảo.

c) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, các quy định về thông tin, tuyên truyền trước, trong và sau hội nghị, hội thảo.

d) Phát hiện và xử lý đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật hoặc các quy định của Quyết định này. Trong trường hợp vượt quá thẩm quyền và phân cấp quản lý, báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp và phối hợp với các cơ quan liên quan để chỉ đạo xử lý vi phạm.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động cho các tổ chức nước ngoài có trách nhiệm thẩm định nội dung và các hoạt động liên quan đến hội nghị, hội thảo quốc tế do các tổ chức này đề nghị trước khi tiến hành các thủ tục theo quy định của Quyết định này.

5. Nếu phát hiện việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế có dấu hiệu vi phạm pháp luật và các quy định của Quyết định này, Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan quản lý các lĩnh vực liên quan đến nội dung hội nghị, hội thảo có quyền ra văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền nêu tại khoản 3 Điều này đình chỉ việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế.

6. Các cơ quan Trung ương, địa phương báo cáo tổng hợp tình hình tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế của cơ quan, địa phương mình gửi Bộ Ngoại giao trước ngày 31 tháng 12 hàng năm để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ (mẫu số 2 kèm theo).

### **Chương 3.**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

##### **Điều 6.** Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Quyết định này được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quyết định này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

##### **Điều 7.** Hiệu lực thi hành

Quyết định này thay cho Quyết định số 122/2001/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ và có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2011.

##### **Điều 8.** Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan Trung ương, địa phương rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành quy chế về hoạt động đối ngoại của cơ quan mình, trong đó có quy định về tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế.

2. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, QHQT (5b)

**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Tấn Dũng**

## PHỤ LỤC

### MẪU BÁO CÁO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam)

#### Mẫu 1. Báo cáo tóm tắt kết quả hội nghị, hội thảo quốc tế trình Thủ tướng Chính phủ

TÊN Cơ QUAN

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----

Số: .....

(Địa điểm), ngày ... tháng ... năm ...

### BÁO CÁO

#### Tóm tắt kết quả hội nghị, hội thảo quốc tế về...

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

1. Tên hội nghị, hội thảo
2. Mục đích hội nghị, hội thảo
3. Nội dung, chương trình của hội nghị, hội thảo
4. Thời gian và địa điểm tổ chức hội nghị, hội thảo
5. Người chủ trì, đồng chủ trì (nếu có)
6. Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức (phía Việt Nam và phía nước ngoài)
7. Thông tin về báo cáo viên người nước ngoài
8. Thành phần tham dự, số lượng và cơ cấu thành phần đại biểu Việt Nam và đại biểu có quốc tịch nước ngoài
9. Nguồn kinh phí
10. Đánh giá tóm tắt kết quả hội nghị, hội thảo
11. Những vướng mắc, vấn đề phát sinh trong hội nghị, hội thảo đã hoặc chưa được xử lý (nếu có)
12. Những đề xuất, kiến nghị (nếu có).

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
**TRUNG ƯƠNG, ĐỊA PHƯƠNG**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Nơi nhận:**  
- Như trên;

- Bộ Ngoại giao;
- (Các cơ quan liên quan);
- Lưu: ....

## Mẫu 2. Báo cáo Năm của Cơ quan Trung ương và địa phương

TÊN CƠ QUAN

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----

Số: .....

(Địa điểm), ngày ... tháng ... năm ...

V/v báo cáo tình hình tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại (bộ, địa phương) năm...

**Kính gửi:** Bộ Ngoại giao

### A. Thông tin tổng hợp

Các hội nghị, hội thảo quốc tế đã tổ chức	Số lượng đại biểu Việt Nam	Số lượng đại biểu có quốc tịch nước ngoài	Chủ đề, nội dung hội nghị, hội thảo (phân loại theo nhóm, nếu được)	Tổng kinh phí (gồm kinh phí từ NSNN, do nước ngoài tài trợ, do nguồn khác)
...	...	...	...	...
Tổng số	...	...	...	...

### B. Nhận xét, đánh giá tình hình tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế của Bộ, địa phương:

- Đánh giá kết quả các hội nghị, hội thảo (trực tiếp cho ngành, cho cơ quan, gián tiếp, tác động chung).
- Đánh giá về tình hình quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Bộ, địa phương; những sự cố phát sinh (nếu có) và hướng xử lý.
- Kinh nghiệm được rút ra về công tác tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế.

### C. Dự kiến kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế năm tiếp theo của Bộ, địa phương:

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- (Các cơ quan liên quan);
- Lưu: ....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN  
TRUNG ƯƠNG, ĐỊA PHƯƠNG**  
(ký tên và đóng dấu)



**NGHỊ ĐỊNH 78/2008/NĐ-CP NGÀY 30.11.2010 CỦA  
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC TỔ CHỨC, QUẢN LÝ  
HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM**

**Decree No. 178/2008/ND-CP dated 17.7.2008 of  
the Government on Management of Cooperation  
with Foreign Countries in the Legal Area**

**NGHỊ ĐỊNH**  
**Về quản lý hợp tác với nước ngoài về pháp luật**

**CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này áp dụng đối với các hoạt động hợp tác về pháp luật của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là "cơ quan chủ quản") với cơ quan chính phủ, tổ chức quốc tế liên chính phủ và tổ chức phi chính phủ nước ngoài (sau đây gọi tắt là "cơ quan, tổ chức nước ngoài").

2. Đơn vị trực thuộc cơ quan chủ quản nói tại khoản 1 Điều này tiến hành các hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật phải thông qua cơ quan chủ quản của mình.

## **Điều 2. Nguyên tắc hợp tác với nước ngoài về pháp luật**

1. Hợp tác với nước ngoài về pháp luật phải được tiến hành trên cơ sở đảm bảo độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, phong tục, tập quán của dân tộc, bảo đảm tính hiệu quả, thiết thực và tránh trùng lặp.

2. Hợp tác với nước ngoài về pháp luật phải được tiến hành trên cơ sở chương trình, kế hoạch, dự án (sau đây gọi tắt là chương trình, dự án) được ký kết bằng văn bản giữa cơ quan chủ quản và cơ quan, tổ chức nước ngoài sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam quy định tại Điều 14 của Nghị định này cho phép.

3. Nội dung chương trình, dự án hợp tác phải căn cứ vào đường lối chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật; chiến lược cải cách tư pháp, chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội, mức độ ưu tiên của vấn đề hợp tác và khả năng hợp tác của cơ quan chủ quản cũng như của cơ quan, tổ chức nước ngoài.

4. Việc hình thành, cho phép ký kết và thực hiện chương trình, dự án hợp tác phải tuân theo các quy định của Nghị định này, các quy định hiện hành về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), về quản lý và sử dụng nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

## **Điều 3. Nội dung hợp tác**

Hợp tác với nước ngoài về pháp luật quy định tại Nghị định này bao gồm các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật trong các lĩnh vực sau:

1. Soạn thảo, thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; giám sát việc thi hành pháp luật.

3. Tăng cường năng lực của các cơ quan xây dựng pháp luật, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, hành chính tư pháp và hỗ trợ tư pháp.

4. Đào tạo luật ở bậc đại học và sau đại học, đào tạo nghề nghiệp, nâng cao trình độ của cán bộ, công chức soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, thẩm phán, thẩm tra viên toà án, thư ký toà án, kiểm sát viên, điều tra viên, chấp hành viên, thẩm tra viên thi hành án, trợ giúp viên trợ giúp pháp lý, cán bộ thi hành án hình sự, trọng tài viên, công chứng viên, đăng ký viên, luật sư và các chức danh tư pháp khác.

5. Thông tin pháp luật, phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý.

6. Các hoạt động hợp tác khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Hình thức hợp tác**

1. Ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế, các chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật.
2. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học, tập huấn chuyên sâu về pháp luật có sự tham gia hoặc tài trợ của cơ quan, tổ chức nước ngoài.
3. Tổ chức các đoàn khảo sát, trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật.
4. Trao đổi tài liệu pháp luật, bao gồm giáo trình, sách giáo khoa, bài giảng, văn bản pháp luật và các sách chuyên khảo về pháp luật.
5. Cung cấp chuyên gia tư vấn về các nội dung quy định tại Điều 3 Nghị định này.
6. Các hình thức hợp tác khác theo quy định của pháp luật.

### **Chương II**

#### **VẬN ĐỘNG, ĐIỀU PHỐI CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN HỢP TÁC**

#### **Điều 5. Vận động chương trình, dự án hợp tác**

1. Vận động chương trình, dự án hợp tác về pháp luật được thực hiện trên cơ sở sau: chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; định hướng thu hút và sử dụng ODA; chiến lược xây dựng pháp luật; chiến lược cải cách tư pháp; chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội; các quy định pháp luật về quản lý, sử dụng ODA và quản lý, sử dụng nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài.
2. Cơ quan chủ quản có nhu cầu hợp tác với nước ngoài về pháp luật và đã có đối tác hợp tác phải phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan để hình thành nội dung hợp tác dưới hình thức chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật.
3. Trong trường hợp cơ quan chủ quản có nhu cầu hợp tác về pháp luật, nhưng chưa có đối tác nước ngoài, thì có thể đề nghị Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài hỗ trợ trong việc tìm kiếm đối tác.

#### **Điều 6. Điều phối hoạt động hợp tác**

1. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị và tổ chức Hội nghị điều phối hỗ trợ quốc tế về pháp luật.
2. Trên cơ sở các chương trình, dự án ODA về pháp luật thuộc danh mục yêu cầu tài trợ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và danh mục chương trình, dự án đề



ngộ vận động viện trợ phi Chính phủ nước ngoài, cam kết hỗ trợ của các đối tác nước ngoài, Bộ Tư pháp điều phối hoạt động hợp tác quốc tế theo các tiêu chí sau đây:

- a) Mức độ ưu tiên của vấn đề hợp tác;
- b) Kinh nghiệm quản lý, năng lực tiếp nhận và sử dụng nguồn hỗ trợ;
- c) Không trùng lặp về nội dung hợp tác.

3. Nếu lĩnh vực đối tác cam kết tài trợ đã có nhiều đối tác khác hỗ trợ hoặc không phù hợp với mức độ ưu tiên hợp tác, Bộ Tư pháp phối hợp với cơ quan chủ quản tổ chức đàm phán với đối tác nước ngoài để chuyển cam kết tài trợ sang lĩnh vực khác phù hợp hơn.

### **Chương III** **THẨM ĐỊNH CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN HỢP TÁC**

#### **Điều 7. Thẩm quyền thẩm định**

1. Chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ phải được Bộ Tư pháp tiến hành thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

2. Trong quá trình thẩm định chương trình, dự án, Bộ Tư pháp có quyền hạn:

a) Yêu cầu cơ quan chủ quản thuyết trình về chương trình, dự án hợp tác pháp luật, đề nghị cơ quan chủ quản cung cấp thông tin và tài liệu có liên quan đến chương trình, dự án hợp tác trong trường hợp dự thảo văn kiện chương trình, dự án hợp tác còn có nội dung chưa rõ ràng hoặc có nhiều vấn đề còn có ý kiến khác nhau;

b) Tổ chức cuộc họp với sự tham gia của cơ quan chủ quản và đại diện các cơ quan, tổ chức hữu quan, các tổ chức tư vấn và chuyên gia tư vấn độc lập để thảo luận, trao đổi ý kiến về nội dung thẩm định trong trường hợp cần thiết.

#### **Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản trong việc thẩm định**

Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ quản có trách nhiệm:

1. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp trong các hoạt động đàm phán chương trình, dự án hợp tác pháp luật, bảo đảm chất lượng dự thảo văn kiện chương trình, dự án và chất lượng của báo cáo thẩm định.

2. Gửi đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 11 của Nghị định này đến Bộ Tư pháp để tiến hành thẩm định.

3. Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết có liên quan đến dự thảo văn kiện chương trình, dự án hợp tác theo yêu cầu của Bộ Tư pháp; thuyết trình về dự thảo văn kiện chương trình, dự án hợp tác pháp luật khi có yêu cầu của Bộ Tư pháp.

4. Nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo văn kiện chương trình, dự án hợp tác pháp luật trên cơ sở văn bản thẩm định của Bộ Tư pháp trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình, dự án.

### **Điều 9. Nguyên tắc thẩm định**

Việc thẩm định chương trình, dự án hợp tác pháp luật phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm tính khách quan và khoa học.
2. Tuân thủ trình tự, thủ tục và thời hạn thẩm định theo quy định của Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 10. Nội dung thẩm định**

Chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật được thẩm định về các nội dung sau đây:

1. Sự cần thiết của chương trình, dự án.
2. Sự phù hợp của mục tiêu, nội dung, hình thức hợp tác và kết quả dự kiến của chương trình, dự án với các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này và với mức độ ưu tiên hợp tác, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản.
3. Tính hợp hiến, hợp pháp và mức độ tương thích của chương trình, dự án với các quy định của pháp luật Việt Nam; sự phù hợp của chương trình, dự án với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
4. Tính không trùng lặp với các chương trình, dự án khác.
5. Tính khả thi của chương trình, dự án; tư cách, khả năng chuyên môn, kinh nghiệm hợp tác của cơ quan, tổ chức nước ngoài.
6. Hiệu quả kinh tế - xã hội của việc thực hiện chương trình, dự án; nhân tố bất lợi có thể có của chương trình, dự án.
7. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản.

### **Điều 11. Hồ sơ thẩm định**

Cơ quan chủ quản gửi Bộ Tư pháp 05 bộ hồ sơ để tiến hành thẩm định, bao gồm các giấy tờ sau:

1. Công văn đề nghị thẩm định.
2. Dự thảo Tờ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình, dự án.
3. Dự thảo văn kiện chương trình, dự án.
4. Văn bản thuyết minh, tài liệu chứng minh sự cam kết của cơ quan, tổ chức nước ngoài.
5. Bản tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành liên quan về chương trình, dự án hợp tác pháp luật và bản sao ý kiến của mỗi Bộ, ngành có liên quan đó.

### **Điều 12. Tiếp nhận hồ sơ thẩm định**

1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ thẩm định.
2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ thẩm định chưa đầy đủ các tài liệu quy định tại Điều 11 Nghị định này, Bộ Tư pháp có quyền yêu cầu cơ quan chủ quản bổ sung hồ sơ.
3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bổ sung hồ sơ của Bộ Tư pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo, đàm phán có trách nhiệm bổ sung hồ sơ thẩm định.
4. Thời hạn thẩm định là 10 ngày làm việc, tính từ ngày Bộ Tư pháp nhận được hồ sơ hợp lệ.

### **Điều 13. Hội đồng thẩm định**

1. Hội đồng thẩm định đối với các chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ được Bộ Tư pháp thành lập trong các trường hợp sau đây:

- a) Dự án có nội dung liên quan đến nhiều Bộ, ngành;
- b) Các Bộ, ngành có ý kiến khác nhau về các nội dung quy định tại Điều 10 của Nghị định này;
- c) Các chương trình, dự án do Bộ Tư pháp là cơ quan chủ quản.

2. Thành phần của Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Thư ký Hội đồng và các thành viên là đại diện Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính

phủ nước ngoài và các cơ quan, tổ chức hữu quan. Chủ tịch và Thư ký Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định.

3. Bộ Tư pháp hướng dẫn Quy chế làm việc của Hội đồng thẩm định chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật.

#### **Chương IV**

### **THỦ TỤC TRÌNH VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC**

#### **Điều 14. Thủ tục trình chương trình, dự án**

1. Việc trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình, dự án phải tuân theo thủ tục, trình tự quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

2. Đối với các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan chủ quản tổ chức lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

3. Đối với các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản, cơ quan chủ quản tổ chức lấy ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan trước khi xem xét, phê duyệt.

#### **Điều 15. Thực hiện chương trình, dự án**

1. Cơ quan chủ quản chỉ được triển khai thực hiện hoặc cho phép thực hiện chương trình, dự án sau khi văn bản ký kết có hiệu lực pháp luật.

2. Việc thực hiện nội dung hợp tác và các hoạt động cụ thể của chương trình, dự án phải được chuẩn bị kỹ về nội dung, bảo đảm đạt kết quả dự kiến, thiết thực, đúng mục tiêu, bảo vệ bí mật Nhà nước.

3. Thủ tục quyết định đoàn ra, đoàn vào, cung cấp thông tin theo chương trình, dự án hợp tác phải tuân theo quy định hiện hành của pháp luật.

4. Trong quá trình thực hiện, cơ quan chủ quản phải thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài về các vấn đề thuộc thẩm quyền quản lý chuyên ngành của mỗi cơ quan.

#### **Điều 16. Sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh chương trình, dự án hợp tác**

1. Việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh chương trình, dự án hợp tác pháp luật phải tuân theo các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và quản lý và sử dụng nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có yêu cầu sửa đổi, bổ sung điều chỉnh chương trình, dự án hợp tác pháp luật dẫn đến thay đổi mục tiêu của chương trình, dự án hợp tác đó hoặc làm thay đổi nội dung điều ước quốc tế đã ký kết, thì cơ quan chủ quản phải làm thủ tục thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

#### **Điều 17. Đình chỉ, tạm đình chỉ, hủy bỏ chương trình, dự án hợp tác**

Việc đình chỉ, tạm đình chỉ, hủy bỏ chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật của cơ quan chủ quản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

### **Chương V**

#### **THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN HỢP TÁC**

#### **Điều 18. Trách nhiệm theo dõi, đánh giá chương trình, dự án hợp tác**

1. Ban Quản lý chương trình, dự án có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, đánh giá chương trình, dự án.

2. Chủ chương trình, dự án có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, hỗ trợ Ban Quản lý chương trình, dự án trong việc theo dõi, đánh giá chương trình, dự án.

3. Cơ quan chủ quản chủ trì lập kế hoạch, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành hoặc thuê tư vấn tiến hành đánh giá tác động của chương trình, dự án.

4. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thực hiện việc giám sát đánh giá năng lực quản lý thực hiện các chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật.

5. Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng các chỉ tiêu thống kê định kỳ về tình hình tiếp nhận và thực hiện các chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật; phối hợp với các cơ quan có liên quan thiết lập và vận hành hệ thống thông tin theo dõi và đánh giá chương trình, dự án, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chia sẻ thông tin và khai thác hệ thống này.

#### **Điều 19. Chế độ báo cáo tình hình thực hiện chương trình, dự án**

1. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm định kỳ 6 tháng và hàng năm gửi Bộ Tư pháp báo cáo về tình hình thực hiện hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật và dự kiến thực hiện chương trình, dự án hợp tác cho thời kỳ tiếp theo theo biểu mẫu thống nhất do Bộ Tư pháp ban hành.

2. Bộ Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp tình hình, phân tích, đánh giá hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật và định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

#### **Điều 20. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chương trình, dự án**

1. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc kiểm tra việc thực hiện chương trình, dự án hợp tác về pháp luật của cơ quan chủ quản; cơ quan chủ quản có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra.

2. Cơ quan chủ quản thực hiện việc kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Tư pháp thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra việc thực hiện chương trình, dự án.

4. Khi kiểm tra, Bộ Tư pháp và Đoàn kiểm tra liên ngành được quyền yêu cầu cơ quan chủ quản thực hiện chương trình, dự án chấn chỉnh hoạt động hợp tác; nếu thấy có hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác thì kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

### **Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 21. Quản lý nhà nước đối với hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật**

1. Chính phủ thống nhất quản lý hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật, bao gồm:

- a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về hợp tác với nước ngoài về pháp luật;
- b) Quyết định chủ trương, phương hướng hợp tác;
- c) Chỉ đạo việc đàm phán, ký kết và thực hiện chương trình, dự án hợp tác;
- d) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chương trình, dự án hợp tác;

đ) Trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định chương trình, dự án hợp tác về pháp luật được ký kết với danh nghĩa Nhà nước theo quy định của pháp luật về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế;

e) Quyết định đàm phán, ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc đình chỉ, huỷ bỏ chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật được ký kết với danh nghĩa Nhà nước hoặc Chính phủ theo quy định của pháp luật về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế.

2. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đàm phán, ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc đình chỉ, huỷ bỏ chương trình, dự án đối với các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền.

## **Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp**

Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc quản lý thống nhất các hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Soạn thảo trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về hợp tác pháp luật với nước ngoài.

2. Xây dựng và trình Chính phủ chủ trương, phương hướng hợp tác pháp luật với nước ngoài.

3. Tổng hợp và điều phối về nội dung các chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác về pháp luật với nước ngoài.

4. Thẩm định về nội dung các chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác, kể cả việc sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn các chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác đó.

5. Ban hành biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật.

6. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các Bộ, ngành hữu quan theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện nội dung các chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác về pháp luật với nước ngoài.

7. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra cơ quan chủ quản quy định tại Điều 1 của Nghị định này thực hiện hoạt động hợp tác theo đúng các quy định của Nghị định này; trong trường hợp phát hiện hành vi vi phạm thì kiến nghị Thủ tướng Chính phủ hình thức xử lý thích hợp.

8. Sơ kết, tổng kết, thống kê, đánh giá, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác về pháp luật với nước ngoài.

### **Điều 23. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện việc quản lý đối với chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật có sử dụng nguồn ODA theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng nguồn ODA; có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thực hiện nhiệm vụ này.

2. Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài thực hiện việc quản lý đối với các chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật có sử dụng nguồn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài; có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thực hiện nhiệm vụ này.

3. Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện việc quản lý nhà nước đối với chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc quản lý hợp tác với nước ngoài về pháp luật theo quy định của Nghị định này.

### **Điều 24. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản**

Cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm về việc lựa chọn đối tác và nội dung hợp tác; phê duyệt chương trình, dự án theo thẩm quyền được phân cấp; thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật đã được ký kết và bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh các nguyên tắc hợp tác quy định tại Điều 2 của Nghị định này.

### **Điều 25. Xử lý vi phạm**

1. Chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật của cơ quan chủ quản mà không được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Nghị định này thẩm định, phê duyệt thì bị huỷ bỏ.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Nghị định này và các quy định có liên quan của pháp luật thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật; trong trường hợp hành vi vi phạm gây thiệt hại về tài sản thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.



**Điều 26. Áp dụng đối với các chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật của các cơ quan của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao**

Các quy định của Nghị định này cũng được áp dụng chung cho các cơ quan của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện các hoạt động hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật.

**Điều 27. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Nghị định số 103/1998/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 1998 của Chính phủ về quản lý hợp tác với nước ngoài về pháp luật./.

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- BQL KKTCKQT Bờ Y;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, QHQT (5b). M

**Đã ký**

**Nguyễn Tấn Dũng**

## MẪU SỐ 1

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT ĐỀ XUẤT DỰ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC VỚI NƯỚC NGOÀI VỀ PHÁP LUẬT

#### **I. Bối cảnh và sự cần thiết của chương trình, dự án, hoạt động:**

1. Mô tả tóm tắt quy hoạch, kế hoạch phát triển của đơn vị thụ hưởng (cơ quan, ngành, lĩnh vực) liên quan đến nội dung của chương trình, dự án và sự cần thiết, vai trò, vị trí của chương trình, dự án trong quy hoạch, kế hoạch đó.
2. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của đơn vị đề xuất chương trình, dự án.
3. Khái quát những vấn đề cần giải quyết trong phạm vi của chương trình, dự án đề xuất.
4. Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của chương trình, dự án đề xuất.

#### **II. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ:**

1. Tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ.
2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ.
3. Các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

#### **III. Mục tiêu:**

1. Mục tiêu dài hạn:
2. Mục tiêu ngắn hạn:

#### **IV. Các kết quả chủ yếu:**

Kết quả dự kiến đạt được của chương trình, dự án (theo từng cấu phần nếu có)

#### **V. Cấu phần, hoạt động chủ yếu và dự kiến phân bổ nguồn lực:**

Mô tả tóm tắt các cấu phần, hoạt động chủ yếu theo từng kết quả của chương trình, dự án (trong đó nêu rõ từng kết quả theo từng cấu phần) và nguồn lực dự kiến tương ứng.

#### **VI. Kiến nghị cơ chế tài chính trong nước:**

##### **1. Đối với vốn ODA:**

Vốn ODA:..... nguyên tệ, tương đương.....USD.

**2. Đối với vốn của các tổ chức phi chính phủ:**

Vốn của các tổ chức phi chính phủ:..... nguyên tệ, tương đương.....USD.

**3. Đối với vốn đối ứng:**

Vốn đối ứng:.....VND,

Trong đó: - Hiện vật: tương đương.....VND

- Tiền mặt:.....VND

Nguồn vốn đối ứng được huy động theo một hoặc một số hình thức sau:

- Vốn ngân sách Trung ương cấp phát:.....VND (...%) tổng vốn đối ứng

- Vốn khác (nêu rõ nguồn vốn):..... VND (...%) tổng vốn đối ứng.

**VII. Tổ chức quản lý thực hiện:**

1. Phương thức tổ chức quản lý thực hiện chương trình, dự án:

2. Khái quát cơ chế làm việc, quan hệ giữa các cơ quan: cơ quan chủ quản, chủ chương trình, dự án, Ban quản lý chương trình, dự án, các nhà thầu, nhà tài trợ và các bên tham gia khác để thực hiện và quản lý chương trình, dự án:

3. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện của chủ chương trình, dự án dự kiến sẽ được giao thực hiện chương trình, dự án:

**VIII. Phân tích sơ bộ tính khả thi:**

**IX. Phân tích sơ bộ hiệu quả:**

1. Đánh giá hiệu quả trực tiếp đối với đơn vị thực hiện:

2. Đánh giá tác động kinh tế, môi trường và xã hội đối với ngành, lĩnh vực và địa phương:

3. Đánh giá tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc:

.....ngày.....tháng.....năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT**

*(Ký tên, đóng dấu)*

## MẪU SỐ 2

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC VỚI NƯỚC NGOÀI VỀ PHÁP LUẬT

Tên cơ quan chủ quản:.....

Tên đơn vị thực hiện (chủ Dự án):.....

#### I. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC VỚI NƯỚC NGOÀI VỀ PHÁP LUẬT :

STT	Tên Dự án/Chương trình/Hoạt động	Tên đối tác nước ngoài	Tóm tắt mục tiêu chính	Tóm tắt kết quả đầu ra đã đạt được; tiến độ giải ngân <sup>4</sup> (.....%)	Vướng mắc, khó khăn chính hoặc vấn đề cần lưu ý trong quá trình thực hiện	Tên đầu mối liên lạc <sup>5</sup>

#### II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ:

1. Đánh giá chung về tình hình hợp tác với nước ngoài về pháp luật:

2. Đánh giá đóng góp của các dự án, chương trình, hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật (vào quá trình xây dựng và hoàn thiện thể chế; nâng cao năng lực của các thiết chế thi hành pháp luật; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ pháp luật; thông tin, tuyên truyền pháp luật, trợ giúp pháp lý):

<sup>4</sup> Tổng số vốn đã giải ngân/tổng số vốn cam kết viện trợ trong Dự án, Chương trình, Kế hoạch, tính ra %.

<sup>5</sup> Ghi rõ tên Giám đốc/Quản đốc hoặc cán bộ theo dõi, địa chỉ, điện thoại, e-mail.

3. Những hạn chế, vướng mắc trong quá trình hợp tác với nước ngoài về pháp luật (về chủ trương, chính sách; về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện; về những vấn đề khác):

4. Các vấn đề cần lưu ý trong quá trình hợp tác với nước ngoài về pháp luật (về chủ trương, chính sách; về trình tự, thủ tục hình thành, phê duyệt, triển khai chương trình, dự án, hoạt động; về năng lực của cơ quan thực hiện; về đối tác nước ngoài; về đảm bảo an ninh):

5. Kiến nghị với Chính phủ, Bộ Tư pháp các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác với nước ngoài về pháp luật:

.....ngày.....tháng....năm.....  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CHỦ QUẢN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**THE GOVERNMENT**

---

No. 78/2008/ND-CP

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence – Freedom – Happiness**

---

Hanoi, 17 July 2008

**DECRRE ON**  
**MANAGEMENT OF COOPERATION WITH FOREIGN COUNTRIES IN THE**  
**LEGAL AREA**

---

**THE GOVERNMENT**

- Pursuant to the Law on Organization of the Government dated 25 December 2001;
- In considering the request of the Minister of Justice;

**DECREES**

**Chapter I**  
**GENERAL PROVISIONS**

**Article 1. Scope and target of coverage**

1. This Decree shall be applied to cooperation activities in the law area of Ministries, Ministry-equivalent agencies, Government-affiliated agencies, central agencies of socio-political organizations, social organizations, socio-professional organizations, People's Committees of provinces and centrally-administered cities (hereinafter referred to as "governing agencies in charge") with Government agencies, international inter-governmental organizations and NGO's of foreign countries (hereinafter referred to as "foreign agencies and organizations").

2. Those units under governing agencies in charge as mentioned in Clause (1) of this Article shall undertake their cooperation activities with foreign countries in the law via their respective governing agencies in charge.

**Article 2: The principle of cooperation in the law area with foreign countries**

1. Cooperation in the law area with foreign countries shall be undertaken on the basis of safeguarding independence, sovereignty, national security, social order and safety, in compliance with the Constitution, the law, national customs, ensuring effectiveness and relevance, and avoiding overlapping.

2. Cooperation in the law area with foreign countries shall be undertaken on the basis of programs, plans and projects (hereinafter referred to as programs, projects) that are signed in writing by the governing agencies in charge and foreign agencies, organizations after having obtained permissions from those competent agencies of Vietnam as mentioned in Article 14 of this Decree.

3. The content of cooperation programs/ projects must be based on the guidelines, policies, strategies for socio-economic development of the Party and the State, strategies for building and improving the law system, strategies for judicial reform, the agendas for legislation development of the National Assembly, the level of priority of the cooperation issues and the cooperation ability of governing agencies in charge as well as of foreign agencies and organizations.

4. The formulation of, and permission for signing and implementing, cooperation programs/ projects must comply with provisions of this Decree, current rules and regulations on management and utilization of the ODA, management and utilization of foreign non-governmental grants and other related legal regulatory documents.

### **Article 3. The content of cooperation**

Cooperation in the law area with foreign countries as ruled by this Decree shall include technical assistance activities in the following areas:

1. Preparing, assessing and examining legal regulatory documents.
2. Organizing for the implementation of those legal regulatory documents and international conventions and treaties of which Vietnam is one of the signatories; and overseeing the enforcement of laws.
3. Strengthening the capacity of those agencies in charge of law-making, investigations, prosecutions, trials, enforcement of court sentences/ verdicts, judicial administration and justice assistance.
4. Jurisprudence education at the graduate and postgraduate levels, professional training, improving and upgrading knowledge, skills and abilities of public officials and civil servants in charge of preparing legal regulatory documents, judges, court examiners, court secretaries, procurators, investigators, court enforcers, court sentence enforcement examiners, legal assistants, criminal sentence enforcers, arbitrators, notary officers, lawyers and other judicial titles.
5. Law information, dissemination and education of law and judicial assistance.
6. Other cooperation activities in accordance with the law.

### **Article 4. Form of cooperation**

1. Signing and implementing international conventions and treaties, cooperation programs/ projects with foreign countries in the law area.

2. Organizing scientific seminars, workshops, conferences, round-table, and in-depth training workshops in the law area with the participation or funding of foreign agencies and/or organizations.
3. organizing overseas study tours to learn and to exchange experiences and practices in the law area.
4. Exchanging law documents, including syllabuses, curriculums, textbooks, teaching notes/ presentations, legal and regulatory texts and law monographs.
5. Providing experts and consultants on those content areas as mentioned in Article 3 of this Decree.
6. Other forms of cooperation in accordance with law.

## **Chapter II**

### **MOBILIZING AND COORDINATING COOPERATION PROGRAMS/ PROJECTS**

#### **Article 5. Mobilizing cooperation programs/ projects**

1. Mobilization of cooperation programs/ projects in the law area shall be undertaken on such bases as socio-economic development strategies; orientations for attracting and utilizing ODA funds; strategies for development of laws; strategies for judicial reforms; agendas for development of legislation of the National Assembly; legal regulatory rules and regulations on management and utilization of ODA funds, and management and utilization of non-governmental grants of foreign countries.
2. Governing agencies in charge that have the need to cooperate with foreign countries in the law area and already have their cooperation partners shall have to closely coordinate with the Ministry of Justice and relevant agencies to formulate the cooperation contents in the form of programs/ projects for cooperation with foreign countries in the law area.
3. In cases where governing agencies in charge have the need for cooperation in the law area but do not have their foreign partners yet, they may request the Ministry of Justice, the Ministry of Planning and Investment or the Working Committee on Foreign NGO's to assist in finding foreign partners.

#### **Article 6. Coordinating cooperation activities**

1. The Ministry of Justice shall take the lead responsibility, in coordination with the Ministry of Planning and Investment, in organizing a Conference on Coordination of International Support in the Law Area.
2. Based on those ODA programs/ projects in the law area included in the list of programs/ projects whose funding is requested that has been approved by the Prime Minister and the list of programs/ projects subject to mobilization of foreign NGO's funding, commitments to support of foreign partners, the



Ministry of Justice shall coordinate cooperation activities using the following criteria:

- (a) The level of priority for the cooperation issue(s) in question;
  - (b) Experiences in management of and the capacity to receive and to absorb the funding;
  - (c) No overlapping or duplication of cooperation contents.
3. If the area of cooperation where the partner's commitment to provide funding has been confirmed does not suit with the level of priority for cooperation, the Ministry of Justice shall, in coordination with the governing agency in charge, organize negotiations with the foreign partner to move such commitment to provide funding to another area which is deemed more appropriate and suitable.

### **Chapter III**

#### **APPRAISAL OF COOPERATION PROGRAMS/ PROJECTS**

##### **Article 7. Jurisdiction/ competence for appraisal**

1. Programs/ projects for cooperation with foreign countries in the law area that come within the Prime Minister's jurisdiction for appraisal thereof shall be subject to appraisal by the Ministry of Justice prior to submission to the Prime Minister for consideration and approval.
2. In the process of appraising programs/ projects, the Ministry of Justice shall have the following powers:
  - (a) Requesting the governing agency in charge to make a presentation on the proposed program and/or project for cooperation in the law area, and requesting the governing agency in charge to provide information and documents related to the cooperation program and/or project in question in the event of the draft program/ project document still having unclear content items or many controversial issues.
  - (b) Organizing the meeting with the participation of the governing agency in charge and representatives of relevant agencies and organizations, consultancy organizations and independent consultants to discuss and to exchange ideas on those content items subject to appraisal in case of need.

##### **Article 8. Responsibility of the governing agency in charge**

In the process of appraisal, the governing agency in charge is responsible for:

1. Closely coordinating with the Ministry of Justice in such activities as negotiations of programs/ projects for cooperation in the law area, ensuring the quality of draft program and project documents and the quality of reports on appraisal.

2. Sending the full documentation as ruled by Article 11 of this Decree to the Ministry of Justice so that the process of appraisal can start.
3. Providing necessary information and documents related to the draft program and project documents for cooperation in the law area at the request of the Ministry of Justice.
4. Conducting research work and revising the draft program and project documents for cooperation in the law area based on the appraisal report produced by the Ministry of Justice prior to submitting such program and project proposals to the Prime Minister for consideration and approval.

### **Article 9. Appraising principles**

The appraisal of programs/ projects for cooperation with foreign countries in the law area shall have to uphold the following principles:

1. Ensuring objectivity and scientism;
2. Complying with the processes, procedures and the time frames for appraisal as ruled by this Decree and other related legal regulatory documents.

### **Article 10. Content of appraisal**

Programs/ projects for cooperation with foreign countries in the law area shall be appraised with regard to the following contents:

1. The need to have the programs/ projects.
2. The appropriateness of the objectives, contents and forms of cooperation and expected results of the programs/ projects with regard to those contents mentioned in Clause 2 Article 2 of this Decree and with regard to the level of priority for cooperation, functions and duties of the governing agency in charge.
3. The constitutionality, the legality and the compatibility of the programs/ projects with regard to rules and regulations provided for by the law of Vietnam; the appropriateness of the programs/ projects with regard to those international conventions and treaties of which Vietnam is one of the signatories.
4. No overlapping or duplication with other programs and projects.
5. The feasibility of the programs/ projects; the status, professional/ technical capability and cooperation experiences of foreign agencies and organizations.
6. The socio-economic effectiveness of the implementation of the programs/ projects; adverse impacts that may happen as a result of the programs/ projects.
7. The language and the techniques of preparing the texts.

### **Article 11. Appraisal documentation**

The governing agency in charge shall send to the Ministry of Justice 5 sets of documents so that appraisal can start, including the following documents:

1. The official request for appraisal;
2. The draft submission to be sent to the agency that has the authority to approve the proposed programs/ projects.
3. The draft program and project documents.
4. The documents to provide justifications and documents to provide evidence of the commitment of the foreign agencies and organizations.
5. A synthesis reports on ideas and comments of relevant Ministries and central sectoral agencies regarding the proposed programs/ projects for cooperation in the law area and photocopies of ideas and comments of each of such relevant Ministries and central sectoral agencies.

#### **Article 12. Receiving the appraisal documentation**

1. The Ministry of Justice shall be responsible for receiving and checking the appraisal documentation.
2. Within three working days since the date of receiving the appraisal documentation, if the submitted appraisal documentation is found incomplete as per Article 11 of this Decree, the Ministry of Justice shall have the right to request the governing agency in charge to make sure that the appraisal document is complete and in order.
3. Within five working days since the date of receiving the Ministry of Justice's request for complete documentation, the lead agency in charge of preparing documentation and negotiations shall be responsible for submitting the complete sets of appraisal documents.
4. The appraisal duration shall be ten working days since the date of receiving the complete sets of valid documentation by the Ministry of Justice.

#### **Article 13. The appraisal council**

1. The appraisal council for those programs/ projects for cooperation in the law area with foreign countries that come within the jurisdiction of the Prime Minister shall be created by the Ministry of Justice in the following cases:
  - (a) The project has those contents that are related to many Ministries and central sectoral agencies.
  - (b) Ministries and central sectoral agencies have different ideas regarding what is mentioned in Article 10 of this Decree.
  - (c) Those programs/ projects of which the Ministry of Justice is the governing agency in charge.

2. The members of the Appraisal Council consist of the Chairperson of the Appraisal Council, the Secretary of the Appraisal Council and other members who are representatives of the Ministry of Justice, the Ministry of Planning and Investment, the Ministry of Foreign Affairs, the Ministry of Finance, the Office of the Government, the Working Committee on Foreign NGO's and relevant agencies and organizations. The Chairperson of the Appraisal Council and the Secretary of the Appraisal Council shall be appointed by the Minister of Justice.
3. The Ministry of Justice shall provide guidance for the Working Regulation of the Appraisal Council on programs/ projects for cooperation in the law area with foreign countries.

#### **Chapter IV**

### **PROCEDURES FOR SUBMISSION AND IMPLEMENTATION OF COOPERATION PROGRAMS/ PROJECTS**

#### **Article 14. Procedures for submission of proposed programs/ projects**

1. The submission to the agency that has the jurisdiction to approve the proposed programs/ projects shall have to follow those procedures and sequential order provided for by the law on management and utilization of the ODA funds and foreign NGO's grants.
2. Regarding those programs/ projects that come within the jurisdiction of the Prime Minister for approval, the governing agency in charge shall organize the collection of appraisal ideas of the Ministry of Justice before submitting those proposed programs and projects to the Prime Minister for consideration and approval.
3. Regarding those programs/ projects that come within the jurisdiction of the governing agency in charge for appraisal, the governing agency in charge shall organize the collection of comments of the Ministry of Justice and relevant agencies prior to consideration and approval.

#### **Article 15. Implementation of programs/ projects**

1. The governing agency in charge can only start implementing or authorize the implementation of the programs/ projects after the signed documents have come into legal force.
2. The implementation of the cooperation contents and specific activities of the programs/ projects must be carefully prepared in terms of content, ensure that

expected results will be achieved, be relevant, help attaining the objectives and safeguard State secrets.

3. Procedures to make decisions on in-coming and out-going delegations, and provision of information according to programs and projects shall have to comply with current rules and regulations provided for by the law.
4. In the course of implementation, the governing agency in charge shall have to maintain close coordination with the Ministry of Justice, the Ministry of Public Security, the Ministry of Foreign Affairs, the Ministry of Planning and Investment, the Ministry of Finance and the Working Committee on Foreign NGO's with regard to those issues that come within the competence of specialized administration of each agency.

#### **Article 16. Revision, modification and adjustment of cooperation programs/ projects**

1. Revision, modification and adjustment of programs/ projects for cooperation in the law area must comply with rules and regulations provided or by the law with regard to management and utilization of ODA funds and management and utilization of foreign NGO's grants.
2. In the course of implementation, should there be the need to revise, to modify and to adjust programs and projects for cooperation in the law area which leads to change of goals and objectives of such programs/ projects or leads to change of the content of the international convention or treaty that has been signed, the governing agency in charge shall have to go through appraisal procedures and submit such proposed programs/ projects to the competent agency for consideration and approval as per Article 14 of this Decree.

#### **Article 17. Suspension, temporary suspension, cancellation of programs/ projects**

Suspension, temporary suspension, cancellation of programs, projects and plans for cooperation in the law area with foreign countries of the governing agency in charge shall be determined by the State competent agency in accordance with the law governing the signing and implementation of international conventions and treaties, rules and regulations provided for by the law on management and utilization of ODA funds and management and utilization of foreign NGO's grants.

### **Chapter V MONITORING AND EVALUATION OF COOPERATION PROGRAMS/ PROJECTS**

**Article 18. Responsibility for monitoring and evaluation of cooperation programs/ projects**

1. The Program/Project Management Unit shall be responsible for regular monitoring and evaluation of programs/ projects.
2. The owner of the programs/ projects shall be responsible for directing, supervising and speeding up, and assisting the Program/ Projects Management Unit in monitoring and evaluation of programs/ projects.
3. The governing agency in charge shall take the lead responsibility in formulation of plans in coordination with relevant agencies, undertake or hire consultants to undertake evaluations of the impacts of programs/ projects.
4. The Ministry of Justice shall take the lead responsibility, in coordination with relevant Ministries and central sectoral agencies, in undertaking the monitoring and evaluation of the capacity for management and implementation of programs/ projects for cooperation in the law area with foreign countries.
5. The Ministry of Justice shall take the lead responsibility in formulating periodical statistics targets on the situation of receipt and implementation of programs/ projects for cooperation in the law area with foreign countries; coordinate with relevant agencies to establish and to operate an information system for monitoring and evaluation of programs/ projects, facilitating information sharing and exploitation of this system.

**Article 19. Arrangements for reporting on the implementation of programs/ projects**

1. The governing agency in charge shall be responsible for sending the Ministry of Justice semi-annual and annual reports on the implementation of activities for cooperation in the law area with foreign countries, and plans for implementation of cooperation programs/ projects for the next period in compliance with the unified forms issued by the Ministry of Justice.
2. The Ministry of Justice shall be responsible for synthesizing the situation, analyzing and evaluating the activities for cooperation in the law area with foreign countries and submitting their annual reports to the Prime Minister.

**Article 20. Inspecting and examining the implementation of programs/ projects**

1. The Ministry of Justice shall be accountable to the Government for the examination and inspection of the implementation of programs/ projects for

cooperation in the law area by the governing agency in charge. The governing agency in charge shall be responsible for creating favorable conditions for such examining and inspecting efforts.

2. The governing agency in charge shall undertake its specialized examination and inspection in accordance with law.
3. In case of need, the Ministry of Justice shall create an inter-sectoral supervision mission to examine and to inspect the implementation of programs/ projects.
4. Upon undertaking examinations and inspections, the Ministry of Justice and the inter-sectoral supervision mission shall have the right to request the governing agency in charge of implementing programs/ projects to strengthen and reorganize cooperation activities; if violations or breaches of law are detected in the implementation of programs/projects and plans for cooperation, shall submit their proposals to the Prime Minister for consideration and action in accordance with the law.

## **Chapter VI**

### **IMPLEMENTATION ARRANGEMENTS**

#### **Article 21. State management of activities for cooperation in the law area with foreign countries**

1. The Government shall undertake unified management of activities for cooperation in the law area with foreign countries, including the following:
  - (a) Issuing legal regulatory documents governing cooperation in the law area with foreign countries;
  - (b) Determining guidelines and directions for cooperation;
  - (c) Directing negotiations, signing and implementation of cooperation programs/ projects;
  - (d) Examining and inspecting the implementation of cooperation programs/ projects;
  - (e) Submitting to the President of the State the proposed programs/ projects for cooperation in the law area with foreign countries to be signed in the name of the State in accordance with the law on signing and implementing international conventions and treaties;
  - (f) Determining negotiations, signing, revision, modification, extension, suspension or cancellation of programs/ projects for cooperation in the law area with foreign countries signed in the name of the State or in the name of the Government in accordance with the law on signing and implementing international conventions and treaties.

2. The Prime Minister shall approve guidelines for negotiations, signing, revision, modification, extension, suspension or cancellation of programs/ projects for cooperation in the law area with foreign countries for those programs/ projects that come within his/her jurisdiction.

#### **Article 22. Responsibility of the Ministry of Justice**

The Ministry of Justice shall be accountable to the Government for unified management of activities for cooperation in law area with foreign countries, and shall the following duties and powers:

1. Preparing and submitting to the State competent agencies for issuance or issuing, within its given jurisdiction, those legal regulatory documents governing cooperation in the law area with foreign countries.
2. Formulating and submitting to the Government guidelines and direction for cooperation in the law area with foreign countries.
3. Synthesizing and coordinating the content of programs/ projects and plans for cooperation in the law area with foreign countries.
4. Appraising the content of programs/ projects and plans for cooperation, including revision, modification or extension of such programs/ projects and plans.
5. Issuing forms for reporting on the status of implementation of activities for cooperation in the law area with foreign countries.
6. In coordination with the Ministry of planning and Investment, the Ministry of Foreign Affairs, the Ministry of Public Security, the Working Committee on Foreign NGO's and relevant Ministries and central sectoral agencies, monitoring, supervising and evaluating the implementation of programs/ projects and plans for cooperation in the law area with foreign countries.
7. Guiding, supervising and speeding up and examining the governing agency in charge as mentioned in Article 1 of this Decree in its performance of cooperation activities strictly in compliance with the provisions of this Decree; in the event of detecting violations and breaches, submitting proposals to the Prime Minister for appropriate actions.
8. Conducting preliminary and general reviews, statistics, evaluations and reports to the Prime Minister on the status of implementing programs/ projects and plans for cooperation in the law area with foreign countries.

#### **Article 23. Responsibility of Ministries, Ministry-equivalent agencies and Government-affiliated agencies**

1. The Ministry of Planning and Investment shall undertake management of those programs/ projects and plans for cooperation in the law area with foreign countries that utilize ODA funds in accordance with the law on management and



- utilization of ODA funds; and shall be responsible for coordinating with Ministry of Justice in the performance of this task.
2. The Working Committee on Foreign NGO's shall undertake management of those programs/ projects and plans for cooperation in the law area with foreign countries that utilize grants of foreign NGO's in accordance with the law on management and utilization of grants of foreign NGO's; and shall be responsible for coordinating with the Ministry of Justice in the performance of this task.
  3. The Ministry of Foreign Affairs, the Ministry of Public Security, the ministry of Finance, Ministry-equivalent agencies and Government-affiliated agencies shall undertake State management of cooperation programs/ projects and plans in accordance with the law, and shall be responsible for coordinating with the Ministry of Justice in management of cooperation in the law area with foreign countries as ruled by this Decree.

#### **Article 24. Responsibility of the governing agency in charge**

The governing agency in charge shall be responsible for selecting partners and the content of cooperation; approve the programs/ projects within the its given decentralized authority; effectively implement programs/ projects and plans for cooperation in the law area with foreign countries that have been signed and ensure that those principles of cooperation as mentioned in Article 2 of this Decree are strictly implemented.

#### **Article 25. Dealing with violations and breaches**

1. Those programs/ projects and plans for cooperation in the law area with foreign countries of the governing agency in charge that are not appraised and approved by those competent agencies as mentioned in this Decree shall be cancelled.
2. Those organizations and individuals that committed behaviors violating provisions of this Decree and related provisions of laws shall, depending on the level of severity of such violations, be dealt with in accordance with the law; and in the event of damages in terms of assets caused by such violations, shall have to compensate in accordance with the law.

#### **Article 26. Application to those programs/ projects and plans for cooperation in the law area with foreign countries of agencies of the National Assembly, the Supreme People's Court and the Supreme People's Procuracy**

Provisions of this Decree shall also be applied to agencies of the National Assembly, the Supreme People's Court and the Supreme People's Procuracy in their implementation of activities for cooperation in the law area with foreign countries.

#### **Article 27. Effective for implementation**

This Decree shall be effective for implementation after 15 days since the date of its publication on the Official Gazette and shall replace Decree No. 103/1998/ND-CP dated 26 December 1998 of the Government on management of cooperation in the law area with foreign countries.

***Recipients:***

- Secretariat of the Central Committee of the CPV;
- The Prime Minister, Deputy Prime Ministers;
- Ministries, Ministry-equivalent Agencies, Government-affiliated Agencies;
- Office of the National Steering Committee on Preventing and Combating Corruption;
- People's Committees and People's Councils of provinces and centrally-administered cities;
- Central Office of the CPV and the CPV's Commissions;
- Office of the President of the State;
- Committee for Nationalities and the National Assembly's Committees;
- Office of the National Assembly;
- Supreme People's Court;
- Supreme People's Procuracy;
- State Audit of Vietnam;
- Management Board of Border Check Point Economic Zone of Bo Y;
- Bank for Social Policies;
- Bank for Vietnam Development;
- Central Committee of the Vietnam Fatherland Front;
- Central agencies of mass organizations;
- Office of the Government: the Minister-Chairman, Deputy Chairpersons, departments, directorates, affiliated units, the Official Gazette;
- Archives: the Clerical Section, for the cultural and social affairs.

**FOR AND ON BEHALF OF  
THE GOVERNMENT  
THE PRIME MINISTER**

**(signed and stamped)**

**Nguyen Tan Dung**